# PARTICULAR CONDITIONS OF CONTRACT

**CÁC ĐIỀU KIỆN RIÊNG CỦA HỢP ĐỒNG**

The Conditions of Contract comprise two parts, the "General Conditions", which are those described as such and contained in the "Conditions of Contract for Plant and Design – Build FOR ELECTRICAL AND MECHANICAL WORKS AND FOR BUILDING AND ENGINEERING WORKS DESIGNED BY THE CONTRACTOR", First Edition 1999, published by and obtainable from the Fédération Internationale des Ingénieurs-Conseils (FIDIC), and the following "Particular Conditions" set out hereafter in the form of amendments, deletions and additions to the General Conditions. The Clause references in the Particular Conditions refer to the clauses in the General Conditions that have been amended and to additional Clauses if any. The General Conditions and the Particular Conditions are to be read as a whole.

Các Điều kiện của Hợp đồng bao gồm hai phần, “Các điều kiện chung”, là những điều mô tả chính xác và có trong "Điều kiện hợp đồng Nhà máy và Thiết kế - Xây dựng CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN VÀ CƠ VÀ CHO CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT THIẾT KẾ BỞI NHÀ THẦU" , Phát hành lần 1 Năm 1999, được xuất bản và có thể tìm thấy từ Hiệp hội Quốc tế các Tư Vấn (FIDIC) và "Điều kiện riêng" sau đây được đặt ra dưới dạng sửa đổi, xóa bỏ và bổ sung cho các Điều kiện chung. Các Khoản tham chiếu trong các Điều kiện riêng đề cập đến các điều khoản trong các Điều kiện chung đã được sửa đổi và các Khoản bổ sung nếu có. Các điều kiện chung và các điều kiện riêng sẽ được đọc toàn bộ cùng nhau.

### CLAUSE 1 GENERAL PROVISIONS

### ĐIỀU 1 NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

###### **Sub-Clause 1.1 Definitions**

###### **Khoản 1.1 Định Nghĩa**

* + - 1. Delete Sub-Clause 1.1.1.1 and substitute with the following:

Bỏ toàn bộ Khoản 1.1.1.1 và thay thế như sau:

**“Contract”** means the Contract Agreement, the Letter of Acceptance, the Letter of Tender, the Appendix to Conditions of Contract, these Conditions, the Employer’s Requirements, the Schedules, the Contractor’s Proposal, and the further documents (if any) which are listed in the Contract Agreement or in the Letter of Acceptance.

**“Hợp Đồng”** có nghĩa là Thoả thuận Hợp đồng, Thư Chấp thuận, Thư Dự thầu, Phụ lục các Điều kiện Hợp đồng, các Điều kiện này, Yêu cầu của Chủ đầu tư, Bản danh mục, Đề xuất của Nhà thầu và những tài liệu khác (nếu có) được liệt kê trong Thoả thuận Hợp đồng hoặc trong Thư Chấp thuận.

1.1.1.9 Delete Sub-clause 1.1.1.9 and substitute with the following:

Bỏ toàn bộ Khoản 1.1.1.9 và thay thế như sau:

**“Appendix to Tender”** which can also be referred to as “**Appendix to Conditions of Contract**” means the completed pages entitled amendments, revisions, supplementations and/or replacement to tender which are appended to and form an integral part of the Letter of Tender.

**“Phụ lục Hồ sơ thầu”** cũng có thể được gọi là **“Phụ lục các Điều kiện Hợp Đồng”** là những trang hoàn chỉnh được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung và/hoặc thay thế trong hồ sơ thầu được kèm theo và cấu thành một phần không thể tách rời của Thư chào thầu.

Insert new Sub-Clause 1.1.1.11

Thêm mới Khoản 1.1.1.11:

1.1.1.11 “**Contract Sum Analysis (CSA) and Daywork Schedule”** means the documents so named, completed by the Contractor and submitted with the Letter of Tender, and shall be incorporated into the Contract documents.

**“Phân Tích Tổng Giá Trị Hợp Đồng (CSA)** **và Bảng kê Ngày công**” có nghĩa là các tài liệu được gọi tên như vậy, được hoàn thiện bởi Nhà thầu và đệ trình cùng với Thư dự thầu, và được kết hợp vào các tài liệu Hợp đồng.

**The Daywork Schedule** shall be for the purpose of valuing such works which cannot be valued by using the CSA.

**Bảng kê Ngày công** sẽ nhằm mục đích đánh giá các công việc mà không thể được đánh giá bằng cách sử dụng CSA.

**The “Contract Sum Analysis (CSA)”** and **“Daywork Schedule”** and as priced by the Contractor is for the purposes of identification and determinations of interim payments and for the valuation of variations and is not intended to be a comprehensive expression of the scope of works. The Contractor shall be responsible for identifying all items which are included in his scope of works and for any measurement of quantities required for his Tender estimation, all of which shall be deemed to have been included in his Tender as submitted.

**“Phân Tích Tổng Giá Trị Hợp Đồng (CSA)” và “Bảng kê Ngày công”** và được Nhà thầu bỏ giá với mục đích là để xác định và quyết định các khoản thanh toán tạm và đối với việc định giá các thay đổi và không phải là một diễn giải bao hàm cho phạm vi công việc. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với việc xác định tất cả các hạng mục được bao gồm trong phạm vi công việc của mình và đối với bất kỳ tính toán khối lượng cần thiết nào cho việc ước tính bỏ giá thầu của mình, tất cả sẽ được xem như là đã bao gồm trong Giá chào thầu của nhà thầu đệ trình.

For avoidance of doubt, all quantities contained in the Tender, save for the items described as “provisional”, shall be deemed to be at the Tenderer’s sole risk and do not limit the Contractor’s obligations under the Contract. These quantities shall only be adjusted for increases or decreases due to approved Variations under Sub-clause 13.3 *[Variation Procedure]*.

Để tránh nghi ngờ, tất cả khối lượng có trong Hồ sơ dự thầu, ngoại trừ các hạng mục được mô tả là “tạm tính”, sẽ được coi là rủi ro của riêng Nhà thầu và không giới hạn các nghĩa vụ của Nhà thầu theo Hợp đồng. Những khối lượng sẽ chỉ được điều chỉnh tăng hay giảm theo các Thay đổi đã được chấp thuận theo Khoản 13.3 *[Thủ tục Thay đổi]*.

The Contract Sum Analysis is not intended to be a comprehensive definition of the Works or of the complete scope of work. The Contractor shall be responsible for identifying all items in accordance with the Employer’s Requirements which are to be included in his Tender and for any measurement of quantities required for his Tender estimation and provide for such in his Tender as submitted.

Phân Tích Tổng Giá Trị Hợp Đồng không phải là một định nghĩa đầy đủ cho Công trình và phạm vi công việc. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với việc xác định tất cả các hạng mục được bao gồm trong Hồ sơ dự thầu của mình và đối với bất kỳ tính toán khối lượng cần thiết nào cho việc ước tính bỏ giá trong Hồ sơ dự thầu của mình và đưa các tính toán đó vào trong Hồ sơ dự thầu đã đệ trình.

Unless otherwise stated in the Contract, neither claim for monetary compensation nor extension to the Time for Completion will be allowed should:

Trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng, mọi khiếu nại bồi thường hoặc yêu cầu gia hạn Thời gian Hoàn thành đều không được chấp thuận nếu:

* + - any of the actual quantities required for the Works be found to be different from the quantities in the Tender Contract Sum Analysis or;

bất kỳ khối lượng thực tế nào được yêu cầu cho Công trình được phát hiện khác so với khối lượng trong Phân Tích Tổng Giá Trị Hợp Đồng dự thầu hoặc;

* + - any work item which is necessary for the Works being left out or missing from the Contract Sum Analysis.

Bất kỳ hạng mục công việc nào cần thiết cho Công trình nhưng bị bỏ sót hoặc thiếu trong Phân Tích Tổng Giá Trị Hợp Đồng.

Insert new Sub-Clause 1.1.1.12

Thêm mới Khoản 1.1.1.12

1.1.1.12 “**General Requirements”** means the document so named and contained in the Employer’s Requirements and references to Preliminaries and General Requirements shall include references to all requirements, conditions, specifications, details and information included in such document.

**"Yêu cầu chung"** là những tài liệu được đặt tên như vậy và được bao gồm trong Yêu cầu của Chủ đầu tư và các tham chiếu đến Công tác chuẩn bị và các Yêu cầu chung sẽ bao gồm các tham chiếu đối với mọi yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật, chi tiết và các thông tin có trong tài liệu đó.

Insert new Sub-Clause 1.1.1.13

Thêm mới Khoản 1.1.1.13

1.1.1.13 “**Tender Specification”** means the documents named technical tender documentation and / or tender specifications and contained in the Employer’s Requirements and references to Tender Specification shall include references to all requirements, conditions, specifications, details and information included in such document.

**“Tiêu chuẩn kỹ thuật đấu thầu”** có nghĩa là các tài liệu có tên là tài liệu kỹ thuật đấu thầu và / hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật đấu thầu và có trong Yêu cầu của Chủ đầu tư và việc tham chiếu Tiêu chuẩn kỹ thuật đấu thầu sẽ bao gồm việc tham chiếu tất cả các yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật, các chi tiết và thông tin trong các tài liệu đó.

Insert new Sub-Clause 1.1.1.14

Thêm mới Khoản 1.1.1.14

1.1.1.14 “**Tender Drawings”** means the tender drawings for the Project included in the documents named technical tender documentation and / or tender specifications and contained in the Employer’s Requirements and references to Tender Drawings shall include references to all requirements, conditions, specifications, details and information included in such document.

**“Bản vẽ đấu thầu”** có nghĩa là các bản vẽ đấu thầu cho Dự án bao gồm trong các tài liệu có tên là tài liệu kỹ thuật đấu thầu và / hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật đấu thầu và có trong Yêu cầu của Chủ đầu tư và việc tham chiếu các Bản vẽ đấu thầu sẽ bao gồm việc tham chiếu tất cả các yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật, các chi tiết và thông tin trong các tài liệu đó.

1.1.2.1 Delete Sub-Clause 1.1.2.1 and insert the following:

Bỏ Khoản 1.1.2.1 và thay vào như sau:

“**Party**” means either the Employer or the Contractor entering into the Contract.

“**Bên**” có nghĩa là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu ký kết Hợp đồng.

DELETE Sub-Clause 1.1.2.2 and SUBSTITUTE with the following:

BỎ Khoản 1.1.2.2 và THAY VÀO như sau:

1.1.2.2 “Employer” means the person named as employer in the Contract Agreement and the legal successors in title to this person.

“Chủ Đầu Tư” có nghĩa là người được ghi là Chủ Đầu Tư trong Thỏa thuận Hợp Đồng và người kế thừa hợp pháp của người này.

DELETE Sub-Clause 1.1.2.3 and SUBSTITUTE with the following:

BỎ Khoản 1.1.2.3 và THAY VÀO như sau:

1.1.2.3 “Contractor” means the person named as contractor in the Contract Agreement.

“Nhà Thầu” có nghĩa là người được ghi là Nhà Thầu trong Thỏa thuận Hợp Đồng.

DELETE Sub-Clause 1.1.2.4. and SUBSTITUTE with the following:

BỎ Khoản 1.1.4. và THAY VÀO như sau:

1.1.2.4. “Construction Supervisor” means a legal entity named as Construction Supervisor in the Appendix to Conditions of Contract, or such other entity appointed from time to time by the Employer to act as the Construction Supervisor for the purposes of this Contract under a construction supervision agreement or the same agreement between the Employer and the Construction Supervisor, or other person appointed from time to time by the Employer and notified to the Contractor under Sub-clause 3.4 [Replacement of the Construction Supervisor].

“Tư Vấn Giám Sát” nghĩa là một doanh nghiệp được xác định là Tư Vấn Thiết Kế trong Phụ lục các Điều kiện Hợp đồng, hoặc đơn vị khác được Chủ đầu tư chỉ định là đơn vị được Chủ Đầu Tư chỉ định là Tư Vấn Giám Sát cho mục đích của Hợp đồng theo một hợp đồng tư vấn giám sát hoặc một hợp đồng tương tự giữa Chủ Đầu Tư và Tư Vấn Giám Sát hoặc người khác được Chủ Đầu Tư chỉ định theo từng thời điểm và được thông báo cho Nhà Thầu theo Khoản 3.4 [Thay thế Tư Vấn Giám Sát].

The word **“Engineer”** referred or provided in the entire Contract is changed into **“Construction Supervisor”**.

Từ **“Nhà Tư Vấn”** được chỉ dẫn đến hoặc quy định trong toàn bộ Hợp đồng được thay đổi thành **“Tư Vấn Giám Sát”**.

“**Design Consultant**” means person/ entity named as Design Consultant in the Appendix to Conditions of Contract, or such other person/ entity appointed from time to time by the Employer to act as the Design Consultant to assist the Project Manager in all matters of designs under the terms of the Contract.

“**Tư Vấn Thiết Kế**” là người/ đơn vị được xác định là Tư Vấn Thiết Kế trong Phụ lục các Điều kiện Hợp đồng, hoặc người/ đơn vị khác được Chủ đầu tư chỉ định theo từng thời điểm hoạt động như Tư Vấn Thiết Kế để hỗ trợ Quản Lý Dự Án trong tất cả các vấn đề thiết kế theo các điều khoản của Hợp đồng này.

DELETE Sub-Clause 1.1.2.6. and SUBSTITUTE with the following:

BỎ Khoản 1.1.2.6 và THAY VÀO như sau:

**"Employer's Personnel"** means the Project Manager appointed by the Employer, the assistants and all other staff, labor and other employees of the Employer notified to the Contractor by the Employer or the Project Manager as the Employer's Personnel.

**“Nhân sự của Chủ Đầu Tư”** có nghĩa là Quản lý Dự án do Chủ Đầu Tư chỉ định, các trợ lý, các nhân viên và người lao động khác của Chủ Đầu Tư được Chủ Đầu Tư hoặc Quản lý Dự án thông báo là Nhân sự của Chủ Đầu Tư.

Delete the whole of Sub-Clause 1.1.2.9.

Bỏ toàn bộ Khoản 1.1.2.9.

INSERT new Sub-Clause 1.1.2.11.

THÊM MỚI Khoản 1.1.2.11.

**“Project Manager”** means the person who is appointed by the Employer who will represent the Employer in receiving and giving directions and instructions on the Employer’s behalf during the performance of the Contract provided that any direction and instruction provided in the last paragraph of Sub-Clause 3.1 [Duties and Authority of the Construction Supervisor] and other issues which require the signature of the Employer’s authorized representative provided in this Contract will legally bind the Employer only when it is signed and sealed by the Employer’s legal representative or the Employer’s authorized representative.

**“Quản lý Dự án”** có nghĩa là người được Chủ Đầu Tư chỉ định đại diện cho Chủ Đầu Tư nhận và đưa ra các chỉ dẫn và hướng dẫn thay mặt Chủ Đầu Tư trong quá trình thực hiện Hợp Đồng với điều kiện là bất kỳ chỉ dẫn và hướng dẫn nào quy định tại Khoản 3.1 [Nhiệm vụ và Quyền hạn của Tư Vấn Gíam Sát] và những vấn đề khác cần ký bởi người đại diện có thẩm quyền của Chủ Đầu Tư quy định tại Hợp Đồng này chỉ ràng buộc pháp lý đối với Chủ Đầu Tư khi chỉ dẫn và hướng dẫn đó được ký và đóng dấu bởi người đại diện theo pháp luật của Chủ Đầu Tư hoặc người đại diện có thẩm quyền của Chủ Đầu Tư.

Insert new Sub-Clause 1.1.2.13:

Thêm mới Khoản 1.1.2.13:

1.1.2.13 “**Quantity Surveyor**” means the person/ entity named as Quantity Surveyor in the Appendix to Conditions of Contract, or such other person appointed from time to time by the Employer to act as the Quantity Surveyor to assist the Construction Supervisor in all matters of contract administration, valuation or measurement and evaluation under the terms of the Contract.

**"** **Tư Vấn Quản Lý Chi Phí”** có nghĩa là người/ đơn vị được xác định là Tư Vấn Quản Lý Chi Phí trong Phụ lục các Điều kiện Hợp đồng, hoặc người khác được Chủ đầu tư chỉ định theo từng thời điểm hoạt động như Tư Vấn Quản Lý Chi Phí để hỗ trợ Tư Vấn Giám Sát trong tất cả các vấn đề về đánh giá hoặc đo lường và ước tính theo các điều khoản của Hợp đồng này.

Insert new Sub-Clause 1.1.2.14:

Thêm mới Khoản 1.1.2.14:

1.1.2.14 “**Governmental Authorities**” means the government of Vietnam (including the Prime Minister) and all Vietnamese state committees, ministries, general departments, agencies and instruments and provincial and district people’s committees, and their respective departments and authorities.

**“Cơ quan Nhà nước”** nghĩa là Chính phủ Việt Nam (bao gồm Thủ tướng Chính phủ) và tất cả các ủy ban, bộ, tổng cục, vụ, đơn vị của Nhà nước Việt Nam và Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, và các phòng ban trực thuộc và cá nhân có thẩm quyền của các cơ quan này.

Insert new Sub-Clause 1.1.2.15:

Thêm mới Khoản 1.1.2.15:

1.1.2.15 “**Public Utility Companies**” means any public utility corporations or other entities that provide public services including but not limited to electricity, water, sewerage, telecommunication, transportation in connection with the Site and the Works.”

**“Công ty Dịch vụ Công ích”** nghĩa là các công ty dịch vụ công ích hay bất cứ đơn vị nào cung cấp các dịch vụ công ích bao gồm nhưng không giới hạn dịch vụ điện, nước, hệ thống thoát nước, viễn thông, vận tải phục vụ cho Công trường và Công trình.

Insert new Sub-Clause 1.1.2.16:

Thêm mới Khoản 1.1.2.16:

1.1.2.16 “**Electricity Supply Company**” means Electricity of Vietnam (EVN) or any of its subsidiaries providing electricity to the Project.”

“Công ty cấp Điện” nghĩa là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) hoặc bất cứ công ty con nào cung cấp điện cho Dự án.”

Insert new Sub-Clause 1.1.2.17:

Thêm mới Khoản 1.1.2.17:

1.1.2.17 “**Notice of Commencement**” means the notice to be given or deemed to have been given by the Employer to the Contractor under Sub-Clause 8.1 *[Commencement of Work]* setting out the Commencement Date for the Works.

**“Thông báo Bắt đầu”** là thông báo do Chủ Đầu Tư cung cấp hoặc được xem là đã cung cấp cho Nhà thầu theo Khoản 8.1 *[Bắt đầu Công việc]* quy định về Ngày Bắt đầu của Công việc.

Delete the whole of Sub-Clause 1.1.3.1 and replace with the following:

Bỏ toàn bộ Khoản 1.1.3.1 và thay vào như sau:

1.1.3.1       “**Base Date**” means the date of issuance of the Tender.

**“Ngày cơ sở”** là ngày phát hành Hồ sơ dự thầu.

DELETE whole of Sub-Clause 1.1.3.7 and SUBSTITUTE with the following:

Bỏ oan bộ Khoản 1.1.3.1 và thay vào như sau:

1.1.3.7 “**Defects Notification Period”** means the period of notifying the defects in the Works or a Section (as the case maybe) by the Employer to the Contractor under Sub-Clause 11.1 [Completion of Outstanding Work and Remedying Defects] with any extension under Sub-Clause 11.3 [Extension of Defects Notification Period]. The Defects Notification Period shall be two (2) years from the execution date of the Taking-Over Certificate for the Practical Completion of the whole of the Works unless otherwise extended as per Sub-Clause 11.3 hereof”.

**“Thời Hạn Thông Báo Sai Sót”** là thời hạn để thông báo các sai sót của Công việc hoặc một hạng mục Công việc (tùy trường hợp) của Chủ Đầu Tư đối với Nhà Thầu theo Khoản 11.1 [Hoàn thành Công việc còn Tồn đọng và Sửa chữa Sai Sót] với bất kỳ phần gia hạn nào theo Khoản 11.3 [Kéo dài toàn Thời Hạn Thông Báo Sai Sót]. Thời Hạn Thông Báo Sai Sót là hai (2) năm kể từ ngày phát hành Chứng chỉ Nghiệm thu cho việc Hoàn thành Thực tế toàn bộ Công việc theo Hợp đồng trừ khi được gia hạn theo Khoản 11.3 của Hợp đồng.

TO REVISE the whole of Sub-Clause 1.1.3.8 to be read as follows:

SỬA toàn bộ Khoản 1.1.3.8 thành như sau:

1.1.3.8 “**Performance Certificate”** means the Certificate issued by the Employer to the Contractor within 28 days after the latest of the expiration of the Defects Notification Period, or as soon thereafter as the Contractor has supplied to the Employer all the Contractor’s Documents and completed and tested all the Works, including remedying any defect under Clause 11.9.

1.1.3.8 “**Chứng nhận Hoàn thành Công trình”** có nghĩa là chứng nhận do Chủ Đầu Tư cấp cho Nhà Thầu trong vòng 28 ngày từ thời điểm hết Thời Hạn Thông Báo Sai Sót hoặc ngay sau khi Nhà Thầu đã trình nộp cho Chủ Đầu Tư toàn bộ hồ sơ Nhà thầu, hoàn thành và kiểm nghiệm toàn bộ Công trình, bao gồm khắc phục bất kỳ sai sót nào theo Khoản 11.9.

Insert a new Sub-Clause 1.1.3.10

Thêm mới Khoản 1.1.3.10

1.1.3.10 “**Practical Completion**” means the status of the entire Works or a Section once they are ready for legal occupation, operation and safe use by the Employer in accordance with the provisions of the Contract and the Laws of Vietnam. A condition precedent for Practical Completion shall include receipt of all relevant licenses, approvals, consents, as-built minutes and/or permits and independent testing certificates required by all relevant government authorities duly received by the Employer from the relevant government authorities and full and complete documentation provided by the Contractor to the Employer for this purpose. Practical Completion shall not occur prior to the date that all relevant government authorities have approved the completion of the Works (or Section, as the case may be) insofar as such approvals are required.

“**Hoàn thành Thực tế**” có nghĩa là tình trạng toàn bộ Công trình hoặc một hạng mục đã sẵn sàng để tiếp nhận, hoạt động và sử dụng an toàn theo pháp luật bởi Chủ Đầu Tư theo các qui định trong Hợp đồng và Luật Việt Nam. Điều kiện bắt buộc cho việc Hoàn thành Thực tế sẽ bao gồm việc tiếp nhận tất cả các giấy phép, các phê chuẩn, chấp thuận, giấy phép và/hoặc biên bản hoàn công và các giấy chứng nhận kiểm tra độc lập theo yêu cầu của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà Chủ Đầu Tư nhận được từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các hồ sơ đầy đủ và hoàn chỉnh mà Nhà Thầu cung cấp cho Chủ Đầu Tư cho mục đích này. Hoàn thành Thực tế sẽ không diễn ra trước vào ngày mà các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn việc hoàn thành cho các hạng mục công việc (hoặc từng phần, nếu áp dụng) nếu việc chuẩn phê đó là cần thiết.

Insert a new Sub-Clause 1.1.3.11

Thêm mới Khoản 1.1.3.11

1.1.3.11 “**Pre-Completion Inspection**” refer to Sub-Clause 9.5 for definition

“**Kiểm định trước khi Hoàn thành**” tham chiếu theo Khoản 9.5 để có định nghĩa.

Insert a new Sub-Clause 1.1.3.12

Thêm mới Khoản 1.1.3.12

1.1.3.13 “**Conforming Documents**” means the documents reasonably required by the Engineer of the Contractor to confirm the completion of the Works in accordance with the Contract, including any test certificates and as-built drawings which are to be submitted by the Contractor following Practical Completion of the Works.

**“Tài liệu phù hợp”** nghĩa là các tài liệu Nhà thầu cung cấp theo yêu cầu hợp lý của Nhà tư vấn để xác nhận tình trạng hoàn thành của Công trình theo quy định của Hợp đồng, bao gồm bất cứ chứng chỉ thử nghiệm và bản vẽ hoàn công nào do Nhà thầu đệ trình sau khi hoàn thành Công trình.

Insert a new Sub-Clause 1.1.3.13

Thêm mới Khoản 1.1.3.13

1.1.3.13 “**Progress Meetings**” means the meeting(s) held on a regular basis by and among the Construction Supervisor, the Contractor and, as the case may be, the Employer and the Employer’s Personnel to capture from time to time the progress of the Works and all ongoing issues of the construction activities on the Site.

**“Cuộc họp Tiến độ”** nghĩa là (các) cuộc họp được tổ chức thường xuyên bởi và giữa Tư Vấn Giám Sát, Nhà thầu và, tùy từng trường hợp, Chủ đầu tư và Nhân viên của Chủ đầu tư để cập nhật về tiến độ Công trình và tất cả các vấn đề đang diễn ra liên quan đến hoạt động xây dựng trên Công trường.

* + - 1. **“Accepted Contract Amount”**

**“Giá trị Hợp đồng được chấp thuận”**

Insert additional paragraph under the first paragraph

Thêm đoạn sau dưới đoạn đầu tiên

The Accepted Contract Amount shall be a **Lump Sum Guaranteed Maximum Price with Fixed Unit Price** for the works described and indicated in the Conditions of Contract and Employer’s Requirements which are intended to be mutually explanatory of the Scope of the Works. The Schedule of Works as priced by the Contractor is for the purposes of identification of pay items for interim payments and for valuation of variations. The Schedule of Works is not intended to be a comprehensive expression of the scope of works. The Contractor shall be responsible for identifying all items which are included in his scope of works and for any measurement of quantities required for his Tender estimation and include for such in his Tender hereby submitted.

“Giá trị Hợp đồng được chấp thuận là **Giá trọn gói tối đa được đảm bảo với đơn giá cố định** cho các các công việc được mô tả và nêu trong các Điều kiện của hợp đồng và Yêu cầu của Chủ đầu tư nhằm giải thích lẫn nhau về Phạm vi Công việc. Danh mục công việc được Nhà thầu bỏ giá với mục đích là để xác định và quyết định các khoản thanh toán tạm và đối với việc định giá các thay đổi và không phải là một diễn giải bao hàm cho phạm vi công việc. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với việc xác định tất cả các hạng mục được bao gồm trong phạm vi công việc của mình và đối với bất kỳ tính toán khối lượng cần thiết nào cho việc ước tính bỏ giá thầu của minh và bao gồm trong Giá chào thầu của nhà thầu đệ trình.”

1.1.4.6 Delete whole of Sub-Clause 1.1.4.6

Bỏ toàn bộ Khoản 1.1.4.6

1.1.4.8 Delete whole of Sub-Clause 1.1.4.8 and substitute with the following:

Bỏ toàn bộ Khoản 1.1.4.8 và thay vào như sau:

“**Local Currency**” means the currency of the Country, which is Vietnam Dong (VND).

**“Nội tệ”** là tiền tệ của Nước sở tại, là tiền đồng Việt Nam (VND)

DELETE whole of Sub-Clause 1.1.4.11 and SUBSTITUTE with the following:

BỎ toàn bộ Khoản 1.1.4.11 và THAY VÀO như sau:

1.1.4.11 **“Retention Money”** means 10% of of the higher of (i) Accepted Contract Amount; or (ii) value of all the Works done stated in the Final Statement, excluding Value Added Tax (VAT) which the Employer retains under Sub-clause 14.3 [Application for Interim Payment Certificates] and pay under Sub-clause 14.9 [Payment of Retention Money].

1.1.4.11 **“Khoản tiền Giữ lại”** có nghĩa là 10% của giá trị nào cao hơn của: (i) Giá Trị Hợp Đồng Chấp Thuận hoặc (ii) giá trị Công việc hoàn thành trong Hồ sơ Quyết toán, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) mà Chủ Đầu Tư giữ lại theo Khoản 14.3 [Áp dụng đối với các Giấy Chứng Nhận Thanh Toán Tạm Thời] và thanh toán theo Khoản 14.9 [Thanh toán Khoản tiền Giữ lại].

Insert new Sub-Clause 1.1.4.13

Thêm mới Khoản 1.1.4.13

1.1.4.13 "**Defect**" includes any failure to comply with the documents forming the Contract and includes goods, materials, plant and workmanship and installation which are in the opinion of the Construction Supervisor not of acceptable standards required for the Works as defined in these documents or any other failure to comply with the provisions of the Contract or with the legal provisions, mandatory codes and standards regarding the quality of the Works or failure to provide the required quantity of materials for the Works.

**“Sai sót”** bao gồm bất cứ vi phạm nào đối với các tài hiệu hợp thành Hợp đồng và bao gồm bất cứ hàng hóa, vật liệu, máy móc, nhân lực và sự lắp đặt nào, theo nhận định của Tư Vấn Giám Sát, không đáp ứng được các tiêu chuẩn có thể chấp nhận được theo yêu cầu đối với Công trình như đã được xác định trong các tài liệu hay bất cứ vi phạm nào khác đối với các quy định của Hợp đồng hoặc các quy định pháp lý, quy tắc hoặc tiêu chuẩn bắt buộc liên quan đến chất lượng Công trình hoặc vi phạm nghĩa vụ cung cấp khối lượng vật liệu theo yêu cầu cho Công trình.

INSERT the paragraph below to the end of Clause 1.1.5.8:

BỔ SUNG đoạn dưới đây vào cuối Khoản 1.1.5.8:

The full extent of the Works is defined in the Tender documents and all subsequent tender addendums and clarifications, including the Bills of Quantities for the Works proposed by the Contractor.

Toàn bộ phạm vi Công trình được xác định bởi Hồ sơ dự thầu và tất cả các phụ lục thầu và tài liệu làm rõ sau đó, bao gồm Biểu khối lượng cho Công trình do Nhà Thầu đệ trình.

DELETE whole of Sub-Clause 1.1.6.2 and SUBSTITUTE with the following:

BỎ toàn bộ Khoản 1.1.6.2 và THAY VÀO như sau:

“**Country**” means Vietnam in which the Site (or most of it) is located, where the Permanent Works are to be executed.

**“Nước sở tại”** là nước Việt Nam, là nơi mà Công trường (hoặc phần lớn Công trường) được đặt, nơi các Công việc vĩnh cửu sẽ được thi công

1.1.6.5 Delete sub-clause 1.1.6.5 and substitute with the following:

Bỏ Khoản 1.1.6.5 và thay vào như sau:

“**Laws**” or **“Law of Vietnam”** means all legislation and regulations issued by the National Assembly of Vietnam, the Standing Committee of the National Assembly of Vietnam, the Government of Vietnam, or other authority authorised to issue any legislation or regulation under the Law on Legal Instruments, in force from time to time including, but not limited to, laws, ordinances, decrees, circulars, decisions, standards and regulations, official letters and other pronouncements of any legislative, governmental or public authority in Vietnam.

**“Luật”** hay **“Luật Việt Nam”** nghĩa là tất cả các văn bản pháp luật và quy định được ban hành bởi Quốc hội Việt Nam, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ Việt Nam, và các cơ quan nhà nước khác được trao quyền ban hành văn bản pháp luật và quy định theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, có hiệu lực vào từng thời điểm, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quyết định, tiêu chuẩn và quy chuẩn, công văn và các tuyên bố khác của các cơ quan lập pháp hoặc Cơ quan Nhà nước tại Việt Nam.

DELETE whole of Sub-Clause 1.1.6.7 and SUBSTITUTE with the following:

BỎ toàn bộ Khoản 1.1.6.7 và THAY VÀO như sau:

1.1.6.7 “Site” means the location and address where the Works are implemented, at Lot KB4-1, Tan Phu Trung Industrial Park, Tram Bom Hamlet, Tan Phu Trung Commune, Cu Chi District, Ho Chi Minh City, Viet Nam.

1.1.6.7 “Công trường” có nghĩa là địa điểm và địa chỉ nơi các Công việc được thực hiện là tại Lô KB4-1, khu công nghiệp Tân Phú Trung, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Insert new Sub-Clause 1.1.6.10

Thêm mới Khoản 1.1.6.10

1.1.6.10 “**Business Day**” means any day other than days on which banks are closed for business in Vietnam (including any Saturdays, Sundays and public holidays to the extent that banks are open for business in Vietnam during those days).

**“Ngày làm việc”** nghĩa là bất cứ ngày nào không phải là ngày mà các ngân hàng đóng cửa tại Việt Nam (kể cả Thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ hằng năm với điều kiện là các ngân hàng mở cửa làm việc tại Việt Nam trong những ngày này).

Insert new Sub-Clause 1.1.6.11

Thêm mới Khoản 1.1.6.11

1.1.6.11 “**Taxes**” mean any tax, levy, impost, duty or other charge or withholding of a similar nature (including any penalty or interest payable in connection with any failure to pay or any delay in paying any of the same) irrespective of whether applicable under the Laws of Vietnam or outside of the Country, including, without limitation, import duties, import value added tax, value added tax, excise duties, personal income tax, corporate income tax, and registration fees for permits and licences.

**“Thuế”** nghĩa là bất cứ loại thuế, phí, lệ phí hoặc các khoản thu khác hoặc các khoản khấu trừ khác có cùng bản chất tương ứng (bao gồm bất cứ khoản phạt hay lãi nào phát sinh do không nộp hay chậm nộp các khoản nêu trên) bất kể là được áp dụng theo quy định của Luật Việt Nam hay bên ngoài Nước sở tại, bao gồm nhưng không giới hạn bởi, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, lệ phí đăng ký xin phê duyệt hoặc cấp phép.

Insert a new Sub-Clause 1.1.6.12

Thêm mới Khoản 1.1.6.12

1.1.6.12 “**Guaranteed Maximum Price” or “GMP”** means the Employer will agree to reimburse the Contractor for costs incurred up to a negotiated not-to-exceed guaranteed maximum price.”

“**Giá tối đa được đảm bảo” hoặc “GMP**” có nghĩa là Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoàn trả cho Nhà thầu các chi phí phát sinh tới mức giá tối đa được bảo đảm nhưng không vượt quá mức đã thương lượng.”

Insert a new Sub-Clause 1.1.6.13

Thêm mới Khoản 1.1.6.13

1.1.6.13 **“Scope Changes”** means the Employer’s requests which substantially change:

“Thay đổi phạm vi công việc” có nghĩa là các yêu cầu của Chủ Đầu Tư thay đổi cơ bản:

1. the Construction Floor Area (CFA), or

Diện tích sàn xây dựng (CFA), hoặc

1. floor plate areas, or

Diện tích tấm sàn, hoặc

1. the level of quality of an area in terms of selection of finishes, or

Mức độ chất lượng của một khu vực về việc lựa chọn công tác hoàn thiện, hoặc

1. the Provisional Sums, Prime Cost Sums, or

Số tiền tạm tính, Tổng chi phí gốc, hoặc

1. the Employer’s Requirements: Design Criteria, benchmarks provided for the standard and quality of finishes, specification and / or Contractor’s Proposal accepted by the Employer, or

Các yêu cầu của Chủ đầu tư: Tiêu chí thiết kế, mốc chuẩn được cung cấp đối với tiêu chuẩn và chất lượng của công tác hoàn thiện, tiêu chuẩn kỹ thuật và / hoặc Đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp nhận, hoặc

1. works already completed as specified and which require demolition and / or reconstruction pursuant to the Employer’s revised Requirements.

Các công việc đã hoàn thành theo quy định và yêu cầu phá dỡ và / hoặc xây dựng lại theo yêu cầu đã sửa đổi của Chủ đầu tư.

Scope Changes shall be the only basis for adjustment of the GMP. For the avoidance of doubt, the Employer’s requests that are not Scope Changes will not initiate an adjustment of the GMP.

Thay đổi phạm vi công việc là cơ sở duy nhất để điều chỉnh GMP.  Để tránh nhầm lẫn, yêu cầu của Chủ Đầu Tư không phải là Thay đổi phạm vi công việc nên sẽ không bắt đầu điều chỉnh GMP.

###### **Sub-Clause 1.2 Interpretation**

###### **Khoản 1.2 Diễn giải**

Add new sub-paragraphs as follows:

Thêm các đoạn mới như sau:

1.2 (e) “terminate the Contract” means terminate the Contractor’s employment.

1.2 (e) “chấm dứt Hợp đồng” có nghĩa là chấm dứt công việc của Nhà thầu.

1.2 (f) “may” means that the Party or person referred to has the choice of whether to act or not in the matter referred to.

1.2 (f) “có thể” có nghĩa là một Bên hoặc người được đề cập đến có quyền lựa chọn có thực hiện hay không các vấn đề được đề cập.

1.2 (g) “shall” means that the Party or person referred to has an obligation under the Contract to perform the duty referred to.

1.2 (g) “sẽ” có nghĩa là một Bên hoặc người được đề cập đến có nghĩa vụ thực hiện nhiệm vụ được đề cập theo Hợp đồng.

###### **Sub-Clause 1.3 Communications**

###### **Khoản 1.3 Trao đổi thông tin**

DELETE “using any of the agreed systems of electronic transmission as stated in the Appendix to Tender” in lines 2 and 3 of sub-paragraph (a) of first paragraph and SUBSTITUTE with “by facsimile, letter and/or company email. In the case of email transmissions, following on corresponding written documents shall be issued to reflect the same. Within 03 (Three) days from the delivery date of the email, if the email recipient does not respond to the email's information, then the email recipient has accepted all contents of this email by default.

BỎ “bằng bất kỳ hệ thống truyền điện tử nào được thỏa thuận như đã nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu” ở dòng 2 và 3 của mục (a) của đoạn thứ nhất và THAY THẾ bằng “bởi fax, thư và/hoặc email của công ty. Trong trường hợp trao đổi bằng email, việc tiếp nối sau đó bằng văn bản xác nhận tương ứng cần phải được phát hành để thể hiện những trao đổi đó. Trong vòng 03 (Ba) ngày kể từ ngày gởi email nếu Bên nhận email không có sự phản hồi thông tin của Bên gửi email, thì mặc định Bên nhận email đã chấp nhận tất cả các nội dung của email này”.

INSERT new sub-paragraph (c) as follows:

THÊM mục (c) mới như sau:

(c) “The Contractor shall address all questions and correspondence relating to the Works or any other matter in respect of the Contract to the Construction Supervisor and the Project Manager”.

“Nhà Thầu phải gửi tất cả các câu hỏi và trao đổi thông tin liên quan đến Công trình hoặc bất cứ vấn đề gì liên quan đến Hợp đồng cho Tư Vấn Giám Sát và Quản lý Dự Án.”

INSERT the following paragraph after the second paragraph:

THÊM đoạn sau sau đoạn thứ hai:

“All Contractor’s Documents shall be signed by the Contractor’s authorized representative with company stamp”.

“Các hồ sơ của Nhà Thầu phải được ký bởi người đại diện có thẩm quyền của Nhà Thầu và đóng dấu công ty.”

**Sub-Clause 1.5 Priority of Documents**

###### **Khoản 1.5 Thứ tự ưu tiên của các tài liệu**

Delete the content of this Sub-Clause and substitute with the following:

Bỏ nội dung của Khoản này và thay vào như sau:

The documents forming the Contract are to be taken as mutually explanatory of one another. For the purpose of interpretation, the priority of the documents shall be in accordance with the sequence:

Các tài liệu tạo thành Hợp đồng được dùng để giải thích bổ sung cho nhau. Với mục đích diễn giải, thứ tự ưu tiên của các tài liệu theo trình tự như sau:

1. Contract Agreement

Thỏa thuận Hợp đồng

1. Letter of Acceptance

Thư Chấp thuận

1. Letter of Tender

Thư Dự thầu

1. Contract Correspondences

Thư từ trao đổi Hợp đồng

1. Appendix to the Conditions of Contract

Phụ lục Điều kiện hợp đồng

1. Particular Conditions;

Các điều kiện riêng

1. General Conditions of Contract (FIDIC Conditions of Contract for Plant and Design – Build For Electrical And Mechanical Works And For Building And Engineering Works Designed By The Contractor, First Edition 1999)

Điều kiện chung (Điều kiện của Hợp Đồng FIDIC cho Nhà máy và Thiết bị Công trình và Thiết kế xây dựng cho thiết bị công trình điện và cơ, và cho các Công trình xây dựng và Kỹ thuật, do Nhà thầu thiết kế, xuất bản lần thứ nhất năm 1999)

1. General Requirements and Scopes of Works, scopes of plan if any in the Tender documents

Yêu cầu chung và phạm vị công việc, mặt bằng phạm vi công việc trong hồ sơ dự thầu

1. Required material list, BWID Generic Specification and List of required warranty and indemnity.

Danh mục vật liệu yêu cầu, Chỉ dẫn kĩ thuật chung của BWID và Danh sách các bảo đảm và bảo hành được yêu cầu;

1. The Specification including Maintenance procedures, Design mission, Basic design sheet;

Chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm Quy trình bảo trì, nhiệm vụ thiết kế, Thuyết minh thiết kế cơ sở

1. The Drawings including Basic Design, Topographic Survey, Soil Investigation, IP's Guidelines

Các Bản vẽ bao gồm Thiết kế cơ sở, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, các hướng dẫn của khu công nghiệp

1. The Pricing Preamble, The Bill of Quantities, the Daywork Schedule,

Hướng dẫn bỏ giá, Biểu khối lượng, kế hoạch ngày công,

1. Other tender documents, including Specimen of Performance Security, Advance Payment Security and Retention Money Security, insurance policy, declaration and warranty on anti-corruption and anti-bribery.

Các hồ sơ thầu khác, bao gồm mẫu thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh tiền giữ lại, chính sách bảo hiểm, cam kết chống tham những và chống hối lộ.

1. The other documents forming part of the Contract.

Các hồ sơ khác tạo thành một phần của Hợp đồng.

The Contractor shall have a duty to take all necessary measures to inform himself of the full and exact requirements and scope of the Works as described in the documents forming the Contract and shall be deemed to have read and understood the documents forming the Contract thoroughly including the Employer’s Requirements and any other associated material included in the Contract. The Contractor is to note that in the event there is any discrepancy found between any Tender Documents, the most stringent requirement determined by the Project Manager shall apply and Contractor is not allowed to claim for additional costs or extension of time. The cost and time implication if any shall be deemed to be included in the Contract Amount.

Nhà thầu có nghĩa vụ thực hiện mọi biện pháp cần thiết để nắm được đầy đủ và chính xác các yêu cầu và phạm vi của Công trình được mô tả trong các tài liệu hợp thành Hợp đồng và được cho rằng đã đọc kỹ và hiểu rõ các tài liệu hợp thành Hợp đồng bao gồm Yêu cầu của Chủ đầu tư và và bất cứ tài liệu nào khác bao gồm trong Hợp đồng. Nhà thầu cần lưu ý rằng trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt nào giữa các Hồ sơ mời thầu thì các yêu cầu nghiêm ngặt nhất được xác định bởi Quản Lý Dự Án sẽ được áp dụng và Nhà thầu không được phép yêu cầu chi phí phát sinh hoặc kéo dài thời gian. Chi phí và thời gian thực hiện nếu có sẽ được xem như đã bao gồm trong Giá trị Hợp đồng.

**Sub-Clause 1.6 Contract Agreement**

**Khoản 1.6 Thỏa thuận Hợp đồng**

Delete “Particular Conditions” in line 3 and insert “Contract Documents”.

Bỏ “Các điều kiện riêng” ở dòng 3 và thay bằng “Tài liệu Hợp đồng”.

Add the following:

Thêm vào như sau:

The Contractor is responsible on a Lump Sum Guaranteed Maximum Contract basis for the detail design, engineering, manufacturing, delivery, temporary storage off-site, construction, installation, testing, commissioning, completion of the Works and rectification of defects therein, and the supply of all materials and plant for the provision of all other works and ancillary services contingently required whether expressly stated or not and required for the completion of the project. The Works shall be fit for their intended purpose as evidenced by all the terms of this Contract.

Nhà thầu chịu trách nhiệm thiết kế chi tiết, kỹ thuật, sản xuất, vận chuyển, lưu trử tạm ngoài công trường, xây dựng, lắp đặt, kiểm tra, nghiệm thu, hoàn tất Công việc và việc sửa chữa các sai sót, và việc cung cấp tất cả các vật liệu và máy móc cho tất cả các công trình khác và các dịch vụ phụ trợ được yêu cầu khác đột xuất dù đã được ghi hay không để hoàn tất dự án trên cơ sở Hợp đồng trọn gói giá tối đa được đảm bảo. Công trình sẽ phải phù hợp với mục đích của các công trình đó như đã trình bày trong các điều kiện trong Hợp đồng này.

###### **Sub-Clause 1.7 Assignment**

###### **Khoản 1.7 Chuyển nhượng**

Delete the whole content of Sub-Clause 1.7 and replace with the following:

Bỏ toàn bộ nội dung của Khoản 1.7 và thay vào như sau:

Unless the Employer agrees in writing, the Contractor shall not transfer all or any part of the Contract, or any interest in the Contract or under the Contract to another person. If the Contractor has any unauthorised transfer, it is considered a fundamental breach of the Contract, and the Employer has the right to terminate the Contract at any time.

Trừ trường hợp được Chủ Đầu Tư đồng ý bằng văn bản, Nhà Thầu sẽ không chuyển giao toàn bộ hoặc bất kỳ phần nào của Hợp đồng này hoặc bất kỳ lợi ích nào trong và theo Hợp đồng cho bất kỳ bên nào khác. Trường hợp Nhà Thầu thực hiện chuyển giao không được phép, Nhà Thầu được xem là đã vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng này và Chủ Đầu Tư có quyền chấm dứt Hợp đồng này bất kỳ lúc nào.

The Employer has the right to transfer all or any part of the Contract to any third party at any time upon notice to the Contractor without the prior consent of the Contractor subject to the conditions that the assigned party will assume rights and obligations towards the Contractor as provided under this Contract. If necessary, the Contractor shall cooperate with the Employer to conduct the relevant procedures and sign relevant documents, including the Annex to the Contract to reflect the new party to the Contract.

Chủ Đầu Tư có quyền chuyển giao toàn bộ hoặc bất kỳ phần nào của Hợp đồng cho bất kỳ bên nào và vào bất kỳ lúc nào theo thông báo bằng văn bản cho Nhà Thầu mà không cần ý kiến đồng ý trước của Nhà Thầu với điều kiện là bên nhận chuyển nhượng tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với Nhà Thầu theo quy định tại Hợp đồng này. Nếu cần thiết, Nhà Thầu sẽ hợp tác với Chủ Đầu Tư để thực hiện các thủ tục cần thiết và ký các giấy tờ liên quan, bao gồm Phụ lục Hợp đồng để phản ánh bên mới tại Hợp đồng này.

###### **Sub-Clause 1.8 Care and Supply of Documents**

###### **Khoản 1.8 Bảo quản và cung cấp tài liệu**

INSERT the following paragraphs at the end:

THÊM các đoạn sau vào cuối Khoản:

**Discrepancies, Inadequacies, Errors or Omissions**

**Các điểm Không nhất quán, Thiếu sót, Sai sót hoặc Bỏ quên**

The Contractor shall analyze, check and draw to the attention of the Employer and the Construction Supervisor any discrepancies, inadequacies, errors or omissions in documents, information or workmanship prepared, obtained or executed by others or by or on behalf of the Employer or the Construction Supervisor in relation to the Works (in so far as such discrepancies, inadequacies, errors or omissions affect the design, construction or operation of the Works). The Contractor shall be responsible for and promptly rectify any discrepancies, inadequacies, errors or omissions in the documents and information provided or to be provided by the Contractor under the Contract.

Nhà Thầu sẽ phân tích, kiểm tra và thông báo cho Chủ Đầu Tư và Tư Vấn Giám Sát và chỉnh đúng lại bất cứ các điểm không nhất quán, thiếu sót, sai sót hoặc bỏ quên trong tài liệu, thông tin hoặc tay nghề nhân công đã được chuẩn bị, thu thập hoặc thực hiện bởi người khác hoặc bởi hoặc thay mặt Chủ Đầu Tư hoặc Tư Vấn Giám Sát liên quan đến Công trình (khi mà các điểm không nhất quán, thiếu sót, sai sót hoặc bỏ quên đó ảnh hưởng đến Thiết kế, xây dựng hoặc vận hành Công trình). Nhà Thầu sẽ chịu trách nhiệm đối với và phải chỉnh sửa ngay lập tức các điểm không nhất quán, thiếu sót, sai sót hoặc bỏ quên trong tài liệu và thông tin được cung cấp hoặc sẽ được cung cấp bởi Nhà Thầu theo Hợp đồng.

Approval of the Contractor’s documents by the Construction Supervisor or the Employer shall not in any way relieve the Contractor of its responsibilities under the Contract.

Sự phê duyệt tài liệu của Nhà Thầu bởi Tư Vấn Giám Sát hoặc Chủ Đầu Tư sẽ không miễn bất kỳ trách nhiệm nào của Nhà Thầu theo Hợp đồng.

At least one (01) copy of the design and construction drawings shall be kept by the Contractor on the Site and the same shall at all reasonable times be available for inspection and use by the Construction Supervisor and by any other person authorized by the Employer in writing.

Có ít nhất một (01) bản sao bản vẽ thiết kế và thi công phải được lưu giữ bởi Nhà Thầu tại Công trường và một bản sao đó phải luôn có sẵn để Tư Vấn Giám Sát và người được Chủ Đầu Tư ủy quyền bằng văn bản kiểm tra và sử dụng bất cứ lúc nào.

###### **Sub-Clause 1.9 Errors in the Employer’s Requirements**

###### **Khoản 1.9 Các sai sót trong Yêu cầu của Chủ đầu tư**

DELETE sub-paragraph (b) of second paragraph.

BỎ mục (b) của đoạn thứ hai.

DELETE “and (b)” in line 4 of third paragraph.

BỎ “và (b)” ở dòng 4 của đoạn thứ 3.

INSERT the following paragraph at the end:

THÊM đoạn sau vào cuối Khoản:

The Contractor shall be responsible for requesting any data necessary for the proper execution of the Works from the Employer in a practicable time. No claim arising out of his failure to ask for or properly ascertain for himself such information will be valid.

Nhà Thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc yêu cầu bất kỳ dữ liệu nào được xem xét là cần thiết để thực hiện đúng Công trình từ phía Chủ Đầu Tư trong một khoảng thời gian cần thiết. Không yêu cầu nào phát sinh từ việc Nhà Thầu không yêu cầu hoặc không tìm hiểu phù hợp các thông tin trên được chấp nhận

Notwithstanding the generality of the foregoing and without limiting its obligations under Sub-Clause 5.1 [*General Design Obligations*], the Contractor shall be responsible for identifying in a timely manner any error, fault or other defect, or ambiguity or discrepancy discovered by the Contractor in the Employer’s Requirements or that an experienced contractor would be expected to identify in the Employer’s Requirements during both the tender period, during the detailed design phase and the implementation of the Works.

Bất kể tính tổng quát của những điều đã nêu ở trên và không giới hạn các nghĩa vụ của mình theo Khoản 5.1 *[Trách nhiệm chung đối với Thiết kế]*, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm xác định kịp thời mọi lỗi, thiếu sót hoặc khuyết điểm khác, hoặc sự mơ hồ hoặc bất hợp lệ do Nhà thầu hoặc một chuyên gia của Nhà thầu có kinh nghiệm phát hiện trong các Yêu cầu của Chủ đầu tư, sẽ được yêu cầu xác định trong các Yêu cầu của Chủ đầu tư trong cả giai đoạn đấu thầu, suốt giai đoạn thiết kế chi tiết và việc thực hiện Công việc.

Approval of the Contractor’s documents by the Construction Supervisor or the Employer shall not in any way relieve the Contractor of its responsibilities under the Contract.

Sự phê duyệt tài liệu của Nhà Thầu bởi Tư Vấn Giám Sát hoặc Chủ Đầu Tư sẽ không miễn bất kỳ trách nhiệm nào của Nhà Thầu theo Hợp đồng.

At least one (01) copy of the design and construction drawings shall be kept by the Contractor on the Site and the same shall at all reasonable times be available for inspection and use by the Construction Supervisor and by any other person authorized by the Employer in writing.

Có ít nhất một (01) bản sao bản vẽ thiết kế và thi công phải được lưu giữ bởi Nhà Thầu tại Công trường và một bản sao đó phải luôn có sẵn để Tư Vấn Giám Sát và người được Chủ Đầu Tư ủy quyền bằng văn bản kiểm tra và sử dụng bất cứ lúc nào.

**Sub-Clause 1.10 Employer’s Use of Contractor’s Documents**

###### **Khoản 1.10 Chủ đầu tư Sử dụng Tài liệu của Nhà thầu**

DELETE the whole Sub-Clause 1.10 and replace with the following:

BỎ toàn bộ Khoản 1.10 và thay thế bằng nội dung sau:

Any and all of the documents and other works created, produced, developed or furnished prepared by the Contractor under this Contract, and all elements thereof, whether finished or not, (the “Technical Materials”) shall be deemed “works made for hire” and exclusively owned by the Employer. The Employer shall have sole right to obtain and to hold in its own name copyrights, or such higher legal rights as the Employer may deem appropriate to such Technical Materials, and to exploit any and all of the Technical Materials throughout the world, in perpetuity.

Bất kỳ và tất cả tài liệu và các tác phẩm khác được tạo, sản xuất, phát triển hoặc cung cấp bởi Nhà Thầu theo Hợp Đồng này và tất cả các yếu tố của chúng, dù đã hoàn thành hay chưa (“Tài Liệu Kỹ Thuật”) sẽ được coi là “tác phẩm được giao sáng tác” và được sở hữu độc quyền bởi Chủ Đầu Tư. Chủ Đầu Tư sẽ có toàn quyền nhận được và giữ bản quyền tác phẩm dưới tên riêng của mình hoặc các quyền hợp pháp cao hơn mà Chủ Đầu Tư có thể có đối với các Tài Liệu Kỹ Thuật đó và khai thác bất kỳ và toàn bộ các Tài liệu Kỹ Thuật trên khắp thế giới và vĩnh viễn.

The Contractor assigns and grants to the Employer all rights to possession of, and all right, and interest, in the Technical Materials and the Employer is and shall be considered the owner of all rights, title, and interest in the Technical Materials and the copyright thereof in perpetuity, without limitation or restriction and without any compensation to the Contractor. The Contractor shall take all steps, execute all documents and do all acts and things as may be required by the Employer to implement or give full effect to the assignment of rights contemplated herein and any of the transactions contemplated hereby.

Nhà Thầu giao và chuyển giao cho Chủ Đầu Tư tất cả các quyền sở hữu và tất cả quyền và lợi ích đối với Tài liệu Kỹ thuật và Chủ Đầu Tư sẽ được coi là chủ sở hữu vĩnh viễn của tất cả các quyền, quyền và lợi ích đối với Tài liệu Kỹ thuật, bản quyền sở hữu, không giới hạn hoặc hạn chế và không bồi thường hoặc thanh toán thêm cho Nhà Thầu. Nhà Thầu sẽ thực hiện tất cả công việc, ký kết tất cả các tài liệu và thực hiện tất cả các hành động và công việc theo yêu cầu của Chủ Đầu Tư để thực hiện hoặc đảm bảo hiệu lực đầy đủ đối với việc chuyển nhượng các quyền được dự tính ở đây và bất kỳ giao dịch nào được dự tính ở đây.

**Sub-Clause 1.11 Contractor’s Use of Employer’s Documents**

**Khoản 1.11 Nhà thầu sử dụng tài liệu của Chủ đầu tư**

At the end of Sub-Clause 1.11, add the following paragraph:

Cuối Khoản 1.11, thêm đoạn sau:

All technical information provided by the Construction Supervisor or the Employer to the Contractor during tendering is provided for consideration and appraisal. The Contractor must make its own assessment as to existing site conditions and other conditions or information that may affect the Tender or Accepted Contract Amount and shall be deemed to have taken these conditions and information into account in the Accepted Contract Amount.

Tất cả thông tin kỹ thuật được cung cấp bởi Tư Vấn Giám Sát hoặc Chủ Đầu Tư cho Nhà Thầu trong thời gian đấu thầu là để Nhà Thầu xem xét và đánh giá. Nhà Thầu phải tự có đánh giá của riêng mình về điều kiện công trường và các điều kiện hoặc thông tin khác có thể ảnh hưởng đến hồ sơ dự thầu của mình hoặc Giá trị Hợp Đồng Chấp Thuận và sẽ được xem như là đã xét đến các điều kiện và thông tin này trong Giá trị Hợp Đồng Chấp Thuận.

###### **Sub-Clause 1.12 Confidential Details**

**Khoản 1.12 Các chi tiết mật**

At the end of Sub-Clause 1.12, add the following:

Cuối Khoản 1.12, thêm đoạn sau:

The Contractor must keep confidential and must not, without the written consent of the Employer, disclose to any third party any terms and conditions of the Contract, or any documents or other data and information of whatever nature furnished directly or indirectly by either Party in connection with the Contract and the Works, whether in tangible or intangible form, and any information and materials generated by the Contractor or by its representatives which contain, reflect, or are derived from any of the foregoing (“Confidential Information”), except to the extent necessary to carry out the obligations under this Contract or to comply with the applicable Laws.

Không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải bảo mật và không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào về bất kỳ điều khoản và điều kiện của hợp đồng, hoặc bất kỳ tài liệu hoặc dữ liệu và thông tin khác cho dù về bản chất là được cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp bởi một trong các bên có liên đến hợp đồng và công trình, bằng hình thức hữu hình hoặc vô hình, và bất kỳ thông tin và tài liệu nào được chuẩn bị bởi Nhà thầu hoặc đại diện của Nhà thầu có chứa, thể hiện, hoặc trích dẫn từ bất kỳ các loại kể trên ("Thông tin Bảo mật"), ngoại trừ trong một chừng mực cần thiết để thực thi các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc để tuân thủ theo Luật pháp hiện hành.

The Contractor shall not publish, or disclose any particulars of the Works or the Contractor’s interest in the Project, or any matters relating thereto, in any trade or technical paper or elsewhere without the prior written agreement of the Employer, which will not be unreasonably withheld or delayed.

Nhà thầu không được công bố hay tiết lộ bất cứ chi tiết nào của Công trình hoặc lợi ích của Nhà thầu trong Dự án, hoặc bất kỳ vấn đề nào có liên quan, ở bất cứ tài liệu thương mại hay kỹ thuật nào hoặc ở bất cứ đâu mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư mà sự đồng ý này sẽ không được giữ lại một cách vô lý hoặc chậm trễ.

In case of disclosure of the Confidential Information to any employees, agents or Subcontractors of the Contractor who have a need to know such information to assist the Contractor in connection with the Works, the Contractor certifies that each of such employees, agents or Subcontractors has agreed, either as a condition of employment or otherwise to be bound by terms and conditions substantially similar to those terms and conditions applicable to the Contractor under this Contract in order to and prior to obtaining such Confidential Information.

Trong trường hợp cần tiết lộ các Thông tin Bảo mật cho bất kỳ nhân viên, đại lý hay Nhà thầu phụ của Nhà thầu, người có nhu cầu biết thông tin đó để hỗ trợ Nhà thầu kết nối với công việc, Nhà thầu xác nhận rằng mỗi nhân viên, đại lý hoặc nhà thầu phụ như vậy đã đồng ý, hoặc thực hiện một cam kết làm việc hoặc bị ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện về bản chất tương tự với các điều khoản và điều kiện áp dụng đối với Nhà thầu theo Hợp đồng này trước khi nhận được thông tin mật này.

The Contractor shall immediately give notice to the Employer and the Construction Supervisor of (i) any unauthorized use or disclosure of Confidential Information; or (ii) any actions by the Contractor or the Contractor’s Personnel inconsistent with their obligations under this Sub-Clause 1.12. The Contractor, by using his best endeavours, shall assist the Employer and the Construction Supervisor in remedying any such unauthorized use or disclosure of the Confidential Information.

Nhà thầu ngay lập tức phải thông báo cho Chủ đầu tư và Tư Vấn Giám Sát (i) bất kỳ trường hợp nào sử dụng trái phép hoặc tiết lộ Thông tin Bảo mật; hoặc (ii) bất kỳ hành động nào do Nhà thầu hoặc của Nhân sự của Nhà thầu làm trái với các nghĩa vụ theo Khoản 1.12 này. Nhà thầu, bằng tất cả nỗ lực tối đa của mình, có trách nhiệm hỗ trợ Chủ đầu tư và Tư Vấn Giám Sát trong việc khắc phục các trường hợp sử dụng trái phép hoặc tiết lộ các Thông tin Bảo mật như vậy.

The Contractor shall indemnify and hold harmless, on a full indemnity basis, the Employer for any damages losses and expenses incurred by the Employer, its employees, agents or Subcontractors as a result of a breach by the Contractor of its obligations under this Clause.

Nhà thầu, trên cơ sở bồi thường đầy đủ, phải bồi thường và giữ cho Chủ đầu tư vô hại trước bất kỳ thiệt hại tổn thất và chi phí nào mà Chủ đầu tư, nhân viên, đại lý hoặc Nhà thầu phụ của Chủ đầu tư gánh chịu do Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Khoản này.

For the avoidance of doubt, the Contractor expressly agrees that the obligations contained in this Contract shall apply and have full force and effect in respect of any and all Confidential Information that is or becomes known by the Contractor both before and after the date of this Contract and notwithstanding the termination and/or expiration of this Contract.

Để tránh nghi ngờ, Nhà thầu đồng ý rằng các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng này sẽ được áp dụng và có hiệu lực thi hành đối với bất kỳ và tất cả các Thông tin Bảo mật mà Nhà thầu biết trước và sau ngày ký kết hợp đồng này và mặc dù Hợp đồng này có chấm dứt và/ hoặc hết hạn.

The obligations to maintain the confidentiality shall not apply to the information which:

Nghĩa vụ duy trì tính bảo mật không áp dụng đối với các thông tin mà:

1. is not required to be treated as Confidential Information as confirmed by the Employer and/or the Construction Supervisor in writing;

không được yêu cầu phải xem là Thông tin Bảo mật có xác nhận bởi Chủ đầu tư và / hoặc Tư Vấn Giám Sát bằng văn bản;

1. becomes rightfully known by the Contractor from a third-party source not under an obligation to the Employer to maintain confidentiality;

Nhà thầu có từ một bên thứ ba mà bên thứ ba này không có nghĩa vụ với Chủ đầu tư trong việc duy trì tính bảo mật;

1. is or becomes publicly available (other than as a direct or indirect result of any breach of the terms of this Contract) and could be obtained by any person with no more than reasonable diligence;

được công bố công khai (trừ khi đó là các thông tin trực tiếp hoặc gián tiếp do bất kỳ hành vi vi phạm các điều khoản của Hợp đồng này) và có thể được có bởi bất kỳ người nào không có sự cẩn trọng hợp lý;

1. is required to be disclosed in a judicial or administrative proceeding, or is otherwise requested or required to be disclosed by Laws; and

bắt buộc phải được tiết lộ trong một thủ tục pháp lý hoặc hành chính, hoặc được pháp luật yêu cầu; và

1. is or has been independently developed by employees, consultants or agents of the Contractor without violation of the terms of this Agreement, as evidenced by the Contractor’s records, and without reference or access to any Confidential Information.

đã hoặc đang được triển khai độc lập bởi các nhân viên, nhà tư vấn hoặc đại lý của Nhà thầu mà không vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận này, bằng chứng là hồ sơ của Nhà thầu, và không có tài liệu tham chiếu hoặc truy xuất nào vào bất kỳ Thông tin Bảo mật.

Any Confidential Information, whether created by either Party to this Contract, shall be the property of the Employer and no license or other rights to the Confidential Information is granted or implied hereby.

Bất kỳ Thông tin Bảo mật, cho dù được tạo ra bởi một trong các bên trong Hợp đồng này, sẽ là tài sản của Chủ đầu tư và do đó sẽ không có bất kỳ sự cho phép hoặc quyền nào khác đối với các Thông tin Bảo mật được công nhận hoặc ngụ ý.

The Employer may disclose this Contract, the Contractor’s Proposal, any Contractor’s Documents and any other information and documentation received from the Contractor in relation or pursuant to the Contract to the Employer’s employees, agents and professional advisers.

Chủ đầu tư có thể tiết lộ Hợp đồng này, Đề xuất của Nhà thầu, mọi Tài liệu của Nhà thầu và mọi thông tin và tài liệu khác nhận được từ Nhà thầu liên quan hoặc theo Hợp đồng với nhân viên, đại lý và cố vấn chuyên môn của Chủ đầu tư.

**Sub-Clause 1.13 Compliance with Laws**

**Khoản 1.13 Tuân thủ Luật pháp**

At the end of Sub-Clause 1.13, add the following paragraph:

Cuối Khoản 1.13, thêm đoạn sau

The Contractor shall obtain in a timely manner from the competent authorities all design appraisal approvals, temporary construction permit, permanent construction permits, licenses and approvals for the Practical Completion required for the proper performance of the Works which are the responsibility of the Contractor and shall take all necessary measures to inform himself of such mandatory requirements.

Nhà thầu phải có được tất cả thẩm duyệt về thiết kế, các giấy phép xây dựng, chứng chỉ và chấp thuận về Hoàn thành Thực tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đúng thời hạn để thực hiện Công trình đúng với nghĩa vụ của Nhà thầu và phải tiến hành mọi biện pháp cần thiết để nắm được các yêu cầu bắt buộc đó.

The Contractor shall comply with all relevant statutory requirements applicable during the implementation of the Works including obtaining all relevant approvals and consents and paying all fees and charges including those due to statutory undertakers and utility service if necessary.

Nhà thầu phải tuân thủ các quy định của pháp luật trong suốt quá trình thi công Công trình bao gồm việc xin các giấy phép cần thiết theo yêu cầu và sẽ chịu mọi chi phí cho việc xin các giấy phép này và các giấy phép đấu nối hạ tầng kỹ thuật liên quan nếu cần cần thiết.

The Contractor confirms that the Contractor is fully aware of existing site conditions and constraints. The Contractor is to comply with the working hours and noise control on the Site in accordance with the Authorities’ requirements, management entities of industrial park. The Contractor has taken into account in Contractor’s unit rates and prices.

Nhà thầu xác nhận rằng Nhà thầu hiểu rõ điều kiện và những hạn chế của công trường hiện hữu. Nhà thầu phải tuân thủ giờ làm việc và kiểm soát tiếng ồn tại công trường theo các yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền, đơn vị quản lý khu công nghiệp. Nhà thầu cần dự trù những việc đó trong đơn giá và giá của mình.

The Contractor shall observe and comply with all statutory requirements and conditions that may be imposed by the relevant authorities, in respect of the working hours, control of air, noise, wastewater and waste, delivery of materials & goods, connection to public services, etc.

Nhà thầu phải tuân thủ và thực hiện đúng theo tất cả các quy định và yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền liên quan về giờ làm, quản lý khí thải, tiếng ồn, nước thải và các chất thải khác, vận chuyển vật liệu và hàng hóa, liên kết với các dịch vụ công cộng và các vấn đề khác.

The Contractor shall keep the Employer indemnified against all penalties and liabilities of every kind for breach of any statute, ordinance, rules, regulations, guidelines or by - laws in relation to the Works.

Nhà Thầu đảm bảo cho Chủ Đầu Tư không bị thiệt hại và hứng chịu trách nhiệm trong việc vi phạm bất kỳ quy chế, pháp lệnh, quy tắc, điều lệ, hướng dẫn hoặc các luật lệ liên quan đến việc thi công Công trình.

The Contractor shall be solely responsible for the adequacy, practicality, structural integrity, durability, fitness for purpose and compliance with all Codes of Practice and the relevant Authorities' Rules, Regulations. This shall include all coordination and preparation of all drawings for submission if necessary and to obtain the necessary approvals, license and permits from all the relevant Authorities and meeting with their requirements. It shall be Contractor’s responsibility and at Contractor’s own cost thereof to obtain the Employer's approval and the relevant Authorities' approval, licenses and permits expeditiously.

Nhà thầu sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm cho việc đảm bảo tính đầy đủ, thực tiễn, kết cấu toàn vẹn, bền bỉ, thích hợp với mục đích sử dụng, phù hợp với các quy chuẩn thực hành và các quy định của các cơ quan có thẩm quyền. Việc này bao gồm công tác phối hợp, chuẩn bị và nộp tất cả các bản vẽ cần thiết để đạt được các giấy phép chấp thuận của các cơ quan chính quyền liên quan và tham gia các cuộc họp theo yêu cầu của họ. Nhà thầu còn có trách nhiệm và bằng chi phí của mình xin sự chấp thuận của Chủ Đầu Tư và các giấy phép cần thiết từ cơ quan chính quyền liên quan một cách nhanh chóng.

**Sub-Clause 1.14 Joint and Several Liability**

**Khoản 1.14 Trách nhiệm Chung và Trách nhiệm Riêng**

INSERT the additional paragraphs under item (c):

THÊM các đoạn sau vào mục (c):

1. each of these persons shall individually provide a Parent Company Guarantee as per the form if so required in the Tender.

Cá nhân mỗi đơn vị này phải cung cấp một Bảo lãnh Công ty Mẹ theo mẫu có trong Đơn Dự thầu

1. Concurrently, the leader shall provide to the Employer details of the composition, the relationship, and the degree of participation of the persons. The Contractor shall not alter the provided detail without prior consent of the Employer.

Đồng thời, đơn vị dẫn đầu phải cung cấp cho Chủ Đầu Tư chi tiết thành phần, mối quan hệ và bằng cấp về sự tham dự của các đơn vị này. Nhà Thầu sẽ không thay đổi nội dung chi tiết đã cung cấp mà không có ý kiến đồng ý trước của Chủ Đầu Tư.

### CLAUSE 2 THE EMPLOYER

### ĐIỀU 2 CHỦ ĐẦU TƯ

**Sub-Clause 2.1 Right of Access to the Site**

**Khoản 2.1 Quyền tiếp cận Công trường**

DELETE sub-paragraph (b) of third paragraph.

BỎ mục (b) của đoạn thứ ba.

**Sub-Clause 2.2 Permits, Licences or Approvals**

**Khoản 2.2 Xin phép, Giấy phép hoặc Văn bản chấp thuận**

|  |
| --- |
| Delete the whole content of Sub-Clause 2.2 and Substitute with the following paragraph: |
| Xóa toàn bộ nội dung của Điều khoản 2.2 và thay thế bằng đoạn văn sau:    The Contractor shall be responsible for obtaining all permits, licenses or approvals required by the Laws of Vietnam / Nhà thầu phải chịu trách nhiệm xin tất cả các giấy phép, giấy phép hoặc phê duyệt theo yêu cầu của Pháp luật Việt Nam: |
| 1. Which the Contractor is required to obtain under Sub-Clause 1.13 [Compliance with Laws] / Nhà thầu cần phải có được theo Khoản 1.13 [Tuân thủ pháp luật] |
| 1. For the delivery of Goods, including clearance through customs, / Đối với việc vận chuyển Hàng hóa, bao gồm cả thủ tục hải quan, |
| 1. Permits necessary for carrying out the Works which the Contractor is required to obtain include but are not limited to:    * + Environmental Impact Assessment (EIA)      + Fire Fighting Permit      + Technical Design Appraisal      + Temporary Construction Permit or Temporary Approval by the local Authorities to proceed the certain works such pilling works, foundation works, earth works, temporary facilities      + Construction Permit      + Work Permit by IP      + Safety Permit      + Fencing Permit      + Traffic permit (includes preparation and submittal of a Traffic Study),      + Side Walk or Road Permit      + Temporary facilities (Power, water, sewage and the like), Lifting,      + Drainage and Garbage Disposal Permit      + Sign boards,      + Parking of vehicles,      + Drilling permit if the contractor intend to drill water supply wells at the site for construction purposes.      + All the Testing Certificates, Licenses to operate and Safe Approval of the Building Systems (Operational Permit) shall be secured by the contractor as part of his contractual obligation.      + Utilities connection including but not limited to water supply, power, waste water, stormwater, infrastructure, …      + Other permits the Contractor requires to carry out the works.      + FF Certificate      + Taking-over Certificate |
| In respect of the Taking-over Certificate, the Contractor shall be fully responsible for timely submission to the Construction Supervisor of all Contractor’s records including as-built drawings and documentation required for the preparation of the Construction Quality Certificate. The Construction Quality Certificate (CQC) is a prerequisite to obtaining the Taking-over Certificate. Taking-Over Certificate for the Works will not be issued until the CQC is issued for the project to the Employer. |
| Các giấy phép cần thiết để thực hiện Công việc mà Nhà thầu phải có được bao gồm nhưng không giới hạn:  * + - Đánh giá tác động môi trường (EIA)     - Giấy phép chữa cháy     - Thẩm định thiết kế kỹ thuật     - Giấy phép xây dựng tạm thời hoặc sự chấp thuận tạm thời của chính quyền địa phương để tiến hành các công việc nhất định như công việc đóng cọc, công trình nền móng, công trình tạm thời     - Giấy phép xây dựng     - Giấy phép lao động theo khu công nghiệp     - Giấy phép An toàn     - Giấy phép đấu kiếm     - Giấy phép lưu thông (bao gồm chuẩn bị và đệ trình một Nghiên cứu về Giao thông),     - Giấy phép đi bộ hoặc đường bộ     - Cơ sở vật chất tạm thời (Điện, nước, nước thải và những thứ tương tự), Thang máy,     - Giấy phép Thoát nước và Xử lý Rác thải     - Bảng hiệu,     - Bãi đậu xe,     - Giấy phép khoan nếu nhà thầu có ý định khoan giếng cấp nước tại công trường cho mục đích xây dựng.     - Tất cả các Chứng chỉ Thử nghiệm, Giấy phép vận hành và Phê duyệt An toàn Hệ thống Tòa nhà (Giấy phép Hoạt động) sẽ được nhà thầu bảo đảm như một phần nghĩa vụ hợp đồng của mình.     - Đấu nối tiện ích và hạ tầng bao gồm nước sạch, điện, nước thải, nước mưa, hạ tầng, ...     - Các giấy phép khác mà Nhà thầu yêu cầu để thực hiện công việc.     - Chứng nhận PCCC     - Chứng chỉ nghiệm thu  Đối với Chứng chỉ nghiệm thu, Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm nộp kịp thời cho Tư Vấn Giám Sát tất cả các hồ sơ của Nhà thầu bao gồm các bản vẽ hoàn thiện và tài liệu cần thiết để lập Chứng chỉ Chất lượng Xây dựng. Chứng chỉ Chất lượng Xây dựng (CQC) là điều kiện tiên quyết để nhận được Chứng chỉ nghiệm thu. Chứng chỉ nghiệm thu sẽ không được cấp cho đến khi Chủ đầu tư cấp CQC công trình cho Chủ đầu tư. |

**Sub-Clause 2.4 Employer’s Financial Arrangements**

**Khoản 2.4 Thu xếp tài chính của Chủ đầu tư**

Delete the whole of Sub-Clause 2.4

Bỏ toàn bộ Khoản 2.4.

**Sub-Clause 2.5 Employer’s Claims**

**Khoản 2.5 Khiếu nại của Chủ đầu tư**

Insert at the end of the second paragraph of Sub-Clause 2.5:

Thêm vào cuối đoạn thứ hai của Khoản 2.5:

For the avoidance of doubt, (1) the failure or any delay by the Employer or the Construction Supervisor to give the aforesaid notice shall not in any way prejudice, invalidate or nullify the Employer’s claim or discharge the Contractor from liability; (2) where the Employer can only submit an estimate of the amount which he considers himself to be entitled to or where he is unable to quantify the amount or the full amount which he considers himself entitled to (whether or not due to the continuing effect of the act or omission giving rise to the claim), such estimate or inability shall not in any way prejudice, invalidate or nullify the Employer’s claim or prevent the Employer from subsequently claiming for the full amount of his loss or liability or discharging the Contractor from liability.

Để tránh hiểu lầm, (1) việc Chủ Đầu Tư hoặc Tư Vấn Giám Sát không hoàn thành hoặc trì hoãn trong việc đưa ra các thông báo nêu trên sẽ không, trên bất cứ khía cạnh nào, gây thiệt hại, vô hiệu hoặc vô hiệu hóa các khiếu nại của Chủ Đầu Tư hoặc giải phóng Nhà Thầu khỏi nghĩa vụ; (2) khi mà Chủ Đầu Tư chỉ có thể đệ trình một đánh giá sơ bộ giá trị mà Chủ Đầu Tư thấy mình được quyền nhận (cho dù có phải do hiệu ứng kéo dài của hành động hoặc thiếu sót dẫn tới khiếu nại đó hay không), thì đánh giá sơ bộ đó hoặc không có khả năng nộp đầy đủ sẽ không, trên bất cứ khía cạnh nào, gây thiệt hại, vô hiệu hoặc vô hiệu hóa các khiếu nại của Chủ Đầu Tư hoặc hạn chế Chủ Đầu Tư trong việc khiếu nại sau này đối với toàn bộ mất mát hoặc trách nhiệm hoặc giải phóng Nhà Thầu khỏi trách nhiệm.

### CLAUSE 3 CONSTRUCTION SUPERVISOR

### ĐIỀU 3 TƯ VẤN GIÁM SÁT

**Sub-Clause 3.1 Duties and Authority of the Construction Supervisor**

**Khoản 3.1 Nhiệm vụ và quyền hạn của Tư Vấn Giám Sát**

DELETE paragraph 3 of Sub-Clause 3.1 and SUBSTITUTE with the following:

BỎ đoạn thứ 3 của Khoản 3.1 và THAY THẾ bằng nội dung sau:

The Construction Supervisor may exercise the authority attributable to the Construction Supervisor as specified in or necessary to implement the Contract.

Tư Vấn Giám Sát thực hiện các quyền được quy định cho Tư Vấn Giám Sát được quy định tại hoặc được cho là cần thiết thực hiện theo Hợp đồng.

DELETE paragraph 4 of Sub-Clause 3.1.

BỎ đoạn thứ 4 của Khoản 3.1.

DELETE Item (a) of paragraph 5 of Sub-Clause 3.1.

BỎ điểm (a) của đoạn thứ 5 của Khoản 3.1.

INSERT the following paragraphs at the end:

THÊM các đoạn sau vào cuối Khoản:

In addition to other issues which are subject to the Employer’s approvals and authority before implementation provided in this Contract, the following issues must be approved by the Employer via a written approval or notice signed by the Employer’s legal representative and or authorized representative (The Construction Supervisor shall not be allowed to or not be authorized to make any decision or instruction or direction to the Contractor in relation to these matters):

Ngoài những vấn đề thuộc thẩm quyền và phải được sự phê duyệt của Chủ Đầu Tư trước khi thực hiện quy định tại Hợp đồng này, những vấn đề sau đây phải được Chủ Đầu Tư phê duyệt thông qua phê chuẩn bằng văn bản hoặc thông báo ký bởi đại diện theo pháp luật và hoặc đại diện được ủy quyền của Chủ Đầu Tư (Tư Vấn Giám Sát không được phép và không có thẩm quyền quyết định hoặc hướng dẫn hoặc chỉ đạo cho Nhà Thầu trong những vấn đề này):

1. Sub-clause 1.9 (Errors in the Employer’s Requirements)

Khoản 1.9 (Các sai sót trong yêu cầu của Chủ Đầu Tư)

1. Sub-clause 3.5 (Determination)

Khoản 3.5 (Quyết định)

1. Sub-Clause 4.3 (Contractor’s Representative) – any change of the Contractor’s Representative

Khoản 4.3 (Đại diện của Nhà thầu) – bất kỳ thay đổi Đại diện của Nhà thầu

1. Sub-Clause 4.4 (Subcontractors)- permit the engagement of any subcontractor for any part of the Works

Khoản 4.4 (Nhà thầu phụ) – cho phép sử dụng bất kỳ nhà thầu phụ nào cho bất kỳ hạng mục Công trình

1. Sub-clause 5.4 (Technical Standards and Regulations)

Khoản 5.4 (Tiêu chuẩn Kỹ thuật và các Quy định)

1. Sub-clause 6.9 (Contractor’s Personnel) – remove or replace any Contractor’s Personnel

Khoản 6.9 (Nhân lực Nhà thầu) – thay thế bất kỳ Nhân lực Nhà thầu

1. Sub-clause 7.6 (Remedial Work) – instruct for the Remedial work to the Contractor

Khoản 7.6 (Công việc sửa chữa) – đề xuất Công việc sửa chữa cho Nhà thầu

1. Sub-Clause 8.4 (Extension of Time for Completion) – award any extension of time to the Time for Completion;

Khoản 8.4 (Gia hạn Thời gian Hoàn thành) – xác nhận bất cứ gia hạn thời gian nào đối với Thời gian Hoàn thành;

1. Sub-Clause 8.8 (Suspension of Work) – order any suspension of the whole of the Works unless in the case of an emergency or the competent authority's request;

Khoản 8.8 (Tạm ngừng Công việc) – ra bất cứ chỉ thị nào tạm ngưng toàn bộ Công trình trừ trường hợp khẩn cấp hoặc có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Sub-clause 8.11 (Prolonged Suspension) – give permission to the Contractor to proceed

Khoản 8.11 (Tạm ngừng quá lâu) – cho phép Nhà thầu tiếp tục triển khai

1. Sub-Clause 10.1 (Taking over of the Works and Sections) – issue of a Taking-Over Certificate;

Khoản 10.1 (Nghiệm thu Công trình và Hạng mục Công trình) – phát hành Chứng chỉ Nghiệm thu;

1. Sub-clause 10.2 (Taking Over of Parts of the Works)

Khoản 10.2 (Tiếp nhận các phần của công trình)

1. Clause 11 (Defect Liability)

Khoản 11 (Trách nhiệm đối với các sai sót)

1. Clause 13 (Variation and Adjustments) – order any Variation or approve any quotation therefore from the Contractor;

Khoản 13 (Thay đổi và điều chỉnh) – đưa ra bất cứ Thay đổi nào hoặc chấp thuận bất cứ báo giá nào tương ứng của Nhà Thầu

1. Sub-clause 14.11 (Application for Final Payment Certificate)

Khoản 14.11 (Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ thanh toán cuối cùng)

1. Sub-clause 14.13 (Issue of Final Payment Certificate)

Khoản 14.13 (Cấp chứng chỉ thanh toán cuối cùng)

1. Sub-Clause 20.1 (Contractor’s Claims) – approve any adjustment to the Contract Price or award any extension of time to the Time for Completion

Khoản 20.1 (Khiếu nại của Nhà Thầu) – chấp thuận bất cứ điều chỉnh nào đối với Giá Hợp đồng hoặc xác nhận bất cứ gia hạn thời gian nào đối với Thời gian Hoàn thành;

Để làm rõ, nếu có bất kỳ sự khác biệt nào liên quan đến việc ra quyết định hoặc chỉ thị của Chủ Đầu Tư và Tư Vấn Giám Sát về các vấn đề nêu tại điểm (a) đến điểm (t) nói trên tại các điều khoản khác của Hợp đồng so với Khoản 3.1 này thì quy định theo Khoản 3.1 này sẽ được áp dụng để xác định thẩm quyền ra quyết định hoặc chỉ thị.

For clarification, if there is any difference in relation to the issuance of instruction or decision of the Employer and the Construction Supervisor on the issues stated from item (a) to item (t) above in other provisions of the Contract, the provisions under this Sub-clause 3.1 shall be applied to define the authority in issuing the instruction or decision.

No approval, consent or failure to disapprove or comment on any matter, acquiescence or other act or omission on the part of the Employer and the Construction Supervisor shall relieve the Contractor of any liability or any of its obligations under the Contract.

Bất cứ sự phê duyệt, đồng ý, không phản đối hoặc nhận xét về bất kỳ vấn đề nào, sự đồng ý hay hành động nào khác hoặc bỏ sót của Chủ Đầu Tư và Tư Vấn Giám Sát cũng không giải phóng Nhà Thầu khỏi bất cứ trách nhiệm hoặc bất cứ nghĩa vụ nào của Nhà Thầu theo Hợp đồng.

The Contractor shall co-operate with the Construction Supervisor and provide such access, information and assistance as the Construction Supervisor may reasonably specify to enable the Construction Supervisor to perform its duties.

Nhà Thầu sẽ phối hợp với Tư Vấn Giám Sát và cung cấp các phương thức tiếp cận, thông tin và hỗ trợ mà Tư Vấn Giám Sát xác định một cách hợp lý để cho phép họ thực hiện các nhiệm vụ của mình.

The Construction Supervisor shall owe no duty of care to the Contractor and without in any way limiting the foregoing shall not be obliged to notify the Contractor of any defect in the Works or otherwise provide any advice in respect of the Works. Notwithstanding any approval, certification, inspection, measurement or testing given or made by the Construction Supervisor’s Representative, the Construction Supervisor or the Employer, nothing shall relieve the Contractor of his obligations in respect of the Works.

Tư Vấn Giám Sát sẽ không chịu trách nhiệm quan tâm đến Nhà Thầu và bất chấp các giới hạn đã đề cập sẽ không chịu trách nhiệm thông báo cho Nhà Thầu về bất kỳ sai sót nào của Công trình hoặc đưa ra các tư vấn nào liên quan đến Công trình. Bất kể mọi phê duyệt, chứng nhận, kiểm định, đo đạc hoặc thử nghiệm do đại diện của Tư Vấn Giám Sát, Tư Vấn Giám Sát hoặc Chủ Đầu Tư thực hiện hoặc cho phép, không có gì sẽ giải phóng Nhà Thầu khỏi bất kỳ trách nhiệm nào của mình đối với Công trình.

**Sub-Clause 3.3 Instructions of the Construction Supervisor**

**Khoản 3.3 Chỉ dẫn của Tư Vấn Giám Sát**

At the end of Sub-Clause 3.3, add the following paragraph:

Ở cuối Khoản 3.3, thêm vào như sau:

If the Contractor fails or refuses to comply with any instruction issued by the Construction Supervisor or delegated assistant, the Employer may after seven (07) days’ notice from the Construction Supervisor to the Contractor requiring such compliance, carry out such instruction or employ other contractors to do so. All costs incurred shall be recoverable by the Employer from the Contractor.

Nếu Nhà Thầu không thực hiện hoặc từ chối tuân thủ bất cứ chỉ dẫn nào của Tư Vấn Giám Sát hoặc trợ lý được uỷ quyền, thì sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ khi Tư Vấn Giám Sát gửi thông báo yêu cầu Nhà Thầu phải tuân thủ, Chủ Đầu Tư sẽ tự thực hiện hoặc thuê các Nhà Thầu khác thực hiện công việc này. Nhà Thầu phải hoàn trả tất cả các chi phí phát sinh cho Chủ Đầu Tư.

**Sub-Clause 3.4 Replacement of the Construction Supervisor**

**Khoản 3.4 Thay thế Tư Vấn Giám Sát**

Delete “not less than 42 days before the intended date of replacement,” in lines 1 and 2 of Sub-Clause 3.4.

Bỏ “không ít hơn 42 ngày trước ngày dự định thay thế” ở dòng 1 và 2 của Khoản 3.4.

### CLAUSE 4 THE CONTRACTOR

### ĐIỀU 4 NHÀ THẦU

**Sub-Clause 4.1 Contractor’s General Obligations**

**Khoản 4.1 Nghĩa vụ chung của Nhà thầu**

INSERT the following paragraphs at the beginning of the Sub-Clause:

The Contractor warrants and undertakes that during the performance of the Works:

1. The Contractor holds all necessary licenses and registrations required by the Laws of Vietnam to perform the Works;
2. The Contractor fully complies with with all national codes and standards when doing the Works, including but not limited to TCVN and TCXDVN and construction regulations;
3. The Materials and Plant used for the Works are brand-new and have been tested following the terms of the Contract;
4. The Contractor fully complies with its respective obligations under the Contract.

The Contractor warrants and undertakes that the Works, when being completed, shall:

1. be fit for the purpose for which the Works are intended as defined from the Contract;
2. comply with all applicable Laws;
3. satisfy all standards of performance specified in the Contract; and
4. comply with all requirements of the Contract.

THÊM các đoạn sau đây vào đầu Khoản này:

Nhà Thầu cam kết và bảo đảm rằng trong suốt quá trình thực hiện Công trình:

1. Nhà Thầu có đủ các giấy phép và đăng ký cần thiết theo quy định pháp luật Việt Nam để thực hiện Công trình;
2. Nhà Thầu tuân thủ đầy đủ các quy định và tiêu chuẩn quốc gia khi thực hiện Công trình, bao gồm nhưng không giới hạn TCVN, TCXDVN và các quy định về xây dựng;
3. Thiết bị và Vật liệu được sử dụng cho Công Trình hoàn toàn mới và đã được thử nghiệm theo các điều khoản của Hợp Đồng;
4. Nhà Thầu hoàn toàn tuân thủ nghĩa vụ được quy định tại Hợp Đồng này.

Nhà Thầu cam kết và bảo đảm rằng khi hoàn thành Công Trình sẽ:

1. Phù hợp cho mục đích dự định của Công Trình như được xác định tại Hợp Đồng;
2. Tuân thủ luật áp dụng;
3. Phù hợp các tiêu chuẩn thực hiện quy định tại Hợp Đồng; và
4. Tuân thủ các yêu cầu của Hợp Đồng này.

REPLACE “notified to the Engineer” by “approved by the Employer” in paragraph 5 of this Sub-clause 4.1.

THAY THÊ “thông báo cho Nhà tư vấn” bằng “được duyệt bởi Chủ Đầu Tư” tại đoạn 5 của Khoản 4.1.

INSERT the following paragraphs at the end:

THÊM các đoạn sau vào cuối Khoản:

Labour accommodation during construction shall not be allowed on Site.

Lao động không được cho phép cư ngụ trên Công trường trong suốt thời gian thi công.

Site offices and all office equipment, site accommodation, site services, toilets, crib, first aid, telephones, fax, copier, printers, computers, equipment & material storage area etc required by the Contractor and his sub-contractors to complete the Works shall be provided by the Contractor and be removed from the Site upon completion of the Works.

Các văn phòng công trường và tất cả các thiết bị văn phòng, nơi ở tại Công trường, dịch vụ công trường, nhà vệ sinh, kho, tiện ích sơ cứu y tế, điện thoại, máy fax, máy photocopy, máy in, máy tính, nơi lưu trữ nguyên vật liệu và thiết bị, v.v.... được yêu cầu

bởi Nhà Thầu và các Nhà Thầu Phụ của Nhà Thầu để hoàn tất công việc sẽ do Nhà Thầu cung cấp, và được di dời khỏi Công trường khi hoàn thành Công trình.

The Contractor shall at all times indemnify the Employer from and against all claims, liabilities, expenses, costs and losses suffered or incurred by the Employer which may arise from or in connection with (i) any defect, inadequacy or unsuitability of design, construction works, manufacturing, workmanship, Materials or failure to meet in all respects the requirements of the Contract, or (ii) fraud, gross negligence, deliberate default or reckless misconduct of the Contractor during the execution and performance of this Contract which causes damages to the Employer. To clarify, the indemnification provided in this Sub-clause shall be separate with and without prejudice to Clause 11 hereof.

Nhà Thầu phải luôn luôn bồi thường cho Chủ Đầu Tư xuất phát từ và đối với tất cả các yêu cầu thanh toán, trách nhiệm pháp lý, phí tổn, chi phí và mất mát mà Chủ Đầu Tư phải chịu hoặc chi trả mà những vấn đề này có thể phát sinh từ hoặc liên quan đến (i) bất kỳ sai sót, thiếu sót hoặc bất hợp lý nào về quá trình thiết kế, công tác xây dựng, sản xuất, tay nghề nhân công, Vật liệu hoặc không đáp ứng về mọi mặt các yêu cầu của Hợp đồng hoặc (ii) gian lận, cẩu thả, lỗi cố ý hoặc hành vi khinh suất của Nhà Thầu trong quá trình ký kết và thực hiện Hợp đồng gây ra thiệt hại cho Chủ Đầu Tư. Để làm rõ, việc bồi thường quy định tại Khoản này là độc lập và không ảnh hưởng đến quy định tại Khoản 11 của Hợp Đồng.

The Contractor shall develop the construction drawings taking into account actual conditions on site (e.g. levels, dimensions). Such construction drawings shall be the basis for the As Built Drawings to be prepared by the Contractor and to be provided to the Construction Supervisor.

Nhà Thầu phải triển khai các bản vẽ thi công từ điều kiện thực tế tại công trường (ví dụ như cao độ, kích thước). Các bản vẽ thi công đó sẽ là cơ sở cho các Bản vẽ Hoàn công được chuẩn bị bởi Nhà Thầu và được cung cấp cho Tư Vấn Giám Sát.

The Contractor shall promptly notify the Employer and the Construction Supervisor of any error, omission, fault or other defect in the design of or Specifications for the architectural works which he discovers when reviewing the Contract or executing the Works.

Nhà Thầu sẽ nhanh chóng thông báo cho Chủ Đầu Tư và Tư Vấn Giám Sát bất kỳ sai sót, bỏ quên, lỗi hoặc các sai sót khác trong thiết kế hoặc Chỉ dẫn Kỹ thuật của công tác kiến trúc mà họ phát hiện khi xem xét Hợp đồng hoặc khi thực hiện Công trình.

Within one (01) month from each Practical Completion date of any Section of the Works or the whole Works, and before issuance of Taking Over Certificate, the Contractor shall submit to the Construction Supervisor for approval:

Trong vòng một (01) tháng kể từ mỗi ngày Hoàn thành Thực tế của bất kỳ phần nào của Công trình hoặc toàn bộ công trình, và trước khi phát hành Chứng Chỉ Nghiệm Thu,

Nhà Thầu phải nộp cho Tư Vấn Giám Sát để phê duyệt:

1. As Built Drawings of such Section (or the Works, as the case may be) as completed in sufficient detail to enable the Employer to operate, maintain, dismantle, reassemble and adjust the said Section or Works (as the case may be);

Bản vẽ Hoàn công cho Hạng mục Công trình đó (hoặc cho Công trình, tùy từng trường hợp áp dụng) như đã được hoàn thành với đầy đủ chi tiết để cho phép Chủ Đầu Tư có thể vận hành, bảo trì, tháo dỡ, lắp đặt lại và điều chỉnh Hạng mục Công trình đó hoặc Công trình (tùy từng trường hợp áp dụng).

1. Operation and Maintenance Manuals relating to the said Section/ Works as the Employer may reasonably require.

Các Tài liệu Hướng dẫn Vận hành và Bảo trì liên quan đến Hạng mục Công trình đó/Công trình theo yêu cầu hợp lý của Chủ Đầu Tư.

1. Such other technical and design information and completion records relating to the said Section/ Works as the Employer may reasonably require.

Các thông tin về thiết kế và kỹ thuật khác và hồ sơ ghi chép thực hiện đầy đủ liên quan đến Hạng mục Công trình đó/Công trình theo yêu cầu hợp lý của Chủ Đầu Tư.

Any approval by the Construction Supervisor of the same shall not relieve the Contractor of any liability or any of its obligations under the Contract.

Bất kỳ phê duyệt nào của Tư Vấn Giám Sát đối với các hồ sơ văn bản này sẽ không giải phóng Nhà Thầu khỏi bất cứ trách nhiệm pháp lý nào hoặc bất cứ nghĩa vụ nào của Nhà Thầu theo Hợp đồng.

Any design produced by the Contractor shall comply with the documents forming the Contract and shall not deviate from the Employer’s Requirements. In the event that the Contractor’s design proposes any deviations to the Employer’s Requirements, then the Contractor shall identify these proposals in a table of deviations and denote a corresponding addition or omission to the Contract Price. Any such proposals shall be deemed to have been made by the Contractor under Sub-Clause 13.2 *[Value Engineering].*

Bất cứ thiết kế nào do Nhà thầu thực hiện đều phải tuân thủ các Tài liệu hợp thành Hợp đồng và không được khác biệt với các Yêu cầu của Chủ đầu tư. Trong trường hợp thiết kế của Nhà thầu đề xuất bất cứ khác biệt nào so Yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu trình bày các đề xuất này trong một bảng biểu chứa các khác biệt và thể hiện những khoản tăng hay giảm tương ứng đối với Giá Hợp đồng. Bất cứ đề xuất nào như vậy đều được xem là đã được Nhà thầu thực hiện theo Khoản 13.2 *[Tư vấn về giá trị Công trình]*.

**Sub-Clause 4.2 Performance Security**

**Khoản 4.2 Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng**

DELETE the first sentence of the second paragraph and SUBSTITUTE with the following:

BỎ câu thứ nhất của đoạn thứ hai và THAY THẾ như sau:

The Contractor shall deliver the Performance Security to the Employer within 07 (seven) days as of the signing date of the Letter of Acceptance.

Nhà Thầu sẽ đệ trình Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng lên Chủ Đầu Tư trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày ký Thư Chấp Thuận bởi cả hai Bên.

DELETE the words "annexed to the Particular Conditions or in another form" in the fourth sentence of the second paragraph.

BỎ các từ “phụ lục của các Điều kiện Riêng hoặc theo mẫu khác” trong câu thứ tư của đoạn thứ hai.

INSERT the following after the second paragraph:

THÊM các đoạn sau vào sau đoạn thứ hai:

The Performance Security shall be in the form approved by the Employer.

Bảo lãnh Thực hiện Hợp đồng sẽ phải theo mẫu được phê duyệt bởi Chủ Đầu Tư.

The cost of obtaining such Performance Security shall be borne by the Contractor.

Chi phí để có được Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng sẽ do Nhà Thầu chịu.

The provision of a conforming Performance Security shall be a condition precedent to the Contractor being entitled to receive any payment under the Contract, notwithstanding:

Việc cung cấp một Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng hợp lệ sẽ là một điều kiện tiên quyết để Nhà Thầu có thể nhận bất cứ thanh toán nào theo như Hợp đồng này, cho dù:

1. the passing of the Commencement Date; or

đã quá Ngày Bắt đầu công việc; hoặc

1. the issuance by the Construction Supervisor of any certificate certifying payment to the Contractor, and the Contractor shall not be entitled to any claim for interest or any other loss or damage in respect of any delay in payment so caused. Nothing in this Sub-Clause shall prejudice the Employer's rights and remedies with regard to the Contractor's failure to submit or submit timeously such conforming Performance Security.

Tư Vấn Giám Sát phát hành bất cứ chứng nhận nào công nhận việc thanh toán cho Nhà Thầu, và Nhà Thầu không có quyền đối với bất cứ yêu cầu nào về lãi suất hay mất mát hay bất cứ thiệt hại nào liên quan đến việc trì hoãn thanh toán xuất phát từ nguyên nhân đó. Không có bất cứ điều gi trong Khoản này làm tổn hại đến quyền lợi và các biện pháp khắc phục của Chủ Đầu Tư liên quan đến việc Nhà Thầu không đệ trình hoặc đệ trình không đúng thời hạn Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng hợp lệ.

DELETE the third paragraph and SUBSTITUTE with the following:

BỎ đoạn thứ ba và THAY THẾ như sau:

The Contractor shall ensure that the Performance Security is valid and enforceable until the Contractor has executed and completed the Works and any outstanding works specified in the Taking-Over Certificate issued under Sub-Clause 10.1 [*Taking Over of* *the Works and Sections*].If the terms of the Performance Security specify its expiry date,and the Contractor has not become entitled to receive the Taking-Over Certificate under Sub-Clause 10.1 [*Taking Over of the Works and Sections*] by the date 90 days prior to the expiry date, the Contractor shall extend the validity of the Performance Security until three (03) months after the Works have been completed and Taking-Over Certificate has been issued.

Nhà Thầu phải đảm bảo rằng Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực cho tới khi Nhà Thầu đã thi công và hoàn thành Công việc và bất cứ công việc còn tồn đọng nào khác được quy định trong Chứng chỉ Nghiệm thu phát hành theo Khoản 10.1 [*Nghiệm* *thu Công trình và Hạng mục công trình*].Nếu các điều khoản của Bảo lãnh Thực hiệnhợp đồng nêu rõ ngày hết hạn, và Nhà Thầu chưa được phép nhận Chứng chỉ Nghiệm thu theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu Công trình và Hạng mục Công trình*] vào thời điểm 90 ngày trước ngày hết hạn, Nhà Thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng cho tới ba (03) tháng sau khi Công việc được hoàn thành và Chứng chỉ Nghiệm thu được phát hành.

**Sub-Clause 4.3 Contractor’s Representative**

**Khoản 4.3 Đại diện của Nhà thầu**

Insert at the end of this sub-clause:

Thêm vào cuối Khoản này:

Any replacement to the Contractor’s Representative has to be approved by the Employer in writing and the approved replacement of the Contractor’s Representative must be present on the Site within three (03) working days upon approved by the Employer.

Bất cứ đề xuất thay đổi nào đối với Đại diện của Nhà Thầu phải được phê duyệt chấp thuận bằng văn bản của Chủ Đầu Tư và các nhân sự thay thế được chấp thuận của Đại diện của Nhà Thầu phải có mặt trên Công trường trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày phê duyệt bởi Chủ Đầu Tư.

The Contractor’s Representative and all these persons shall also be fluent in both the English and Vietnamese languages.

Đại diện của Nhà Thầu và tất cả các nhân sự đó phải thông thạo tiếng Anh và tiếng Việt

If the Contractor’s Representative, or any of these persons, is not fluent in English or Vietnamese, the Contractor shall make a competent interpreter available during all working hours at its cost.

Nếu Đại diện của Nhà Thầu, hoặc những nhân sự này, không thông thạo tiếng Anh hoặc tiếng Việt, Nhà Thầu phải bố trí một phiên dịch viên đủ năng lực có mặt trong toàn bộ thời gian làm việc bằng chi phí của mình.

The Employer shall have the authority to object and/or remove the Contractor’s Representatives or any of these persons with or without giving reason and the Contractor shall comply immediately. The Contractor is not allowed to claim for additional costs or extension of time for compliance. Failure to comply shall constitute as a failure to carry out an obligation as defined in Sub-Clause 4.1 [Contractor’s General Obligations].

Chủ Đầu Tư có toàn quyền từ chối và/hoặc loại bỏ Đại diện nào của Nhà Thầu hoặc bất kỳ người Đại diện nào của Nhà Thầu mà có thể đưa ra hoặc không đưa ra lý do và Nhà Thầu phải tuân thủ ngay lập tức. Nhà Thầu không được phép khiếu nại chi phí phát sinh hoặc gia hạn thời gian cho việc tuân thủ này. Hành động không tuân thủ sẽ được xem như việc không hoàn thành nghĩa vụ như được định nghĩa trong Khoản 4.1 [Nghĩa vụ Chung của Nhà Thầu].

**Sub-Clause 4.4 Subcontractors**

**Khoản 4.4 Nhà Thầu phụ**

DELETE the whole of Sub-Clause 4.4 and SUBSTITUTE with the following:

BỎ toàn bộ Khoản 4.4 và THAY THẾ như sau:

The Contractor shall not subcontract the whole or any part of the Works without the prior written consent of the Employer.

Nhà Thầu không được ký giao lại toàn bộ hoặc một phần Công trình cho các Nhà Thầu Phụ mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ Đầu Tư.

The Contractor shall not engage or permit the engagement of any subcontractor for any part of the Works without the prior written consent of the Employer.

Nhà Thầu không được phép ký kết với bất cứ Nhà Thầu Phụ nào cho bất cứ phần nào của Công trình mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ Đầu Tư.

The Contractor shall give the Construction Supervisor not less than fourteen (14) days’ notice of the intended date of commencement of each subcontractor’s work, and of the commencement of such work on the Site.

Nhà Thầu phải gửi thông báo cho Tư Vấn Giám Sát không ít hơn mười bốn (14) ngày trước ngày dự định bắt đầu làm việc của mỗi nhà thầu phụ, và thời điểm bắt đầu công việc đó tại Công trường.

It shall be a condition of any sub-contracting to which this Sub-Clause 4.4 refers that the sub-contract shall include provisions which would entitle the Employer to require:

Phải có điều kiện áp dụng cho bất cứ hợp đồng thầu phụ nào được Khoản 4.4 này đề cập đến là hợp đồng thầu phụ phải có các điều khoản cho phép Chủ Đầu Tư yêu cầu:

1. the subcontract to be assigned to the Employer in the event of termination of the

Contractor’s employment under Sub-Clause 15.2 [*Termination by Employer*]; and/or

hợp đồng thầu phụ được nhượng lại cho Chủ Đầu Tư trongtrường hợp chấm dứt hợp đồng với Nhà Thầu theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt* *hợp đồng* *bởi Chủ Đầu Tư*]; và/hoặc

1. the subcontractor to enter into a novation agreement of the subcontract with the Employer and the Contractor if the Employer so requires upon the termination of the

Contractor’s employment under the Contract.

nhà thầu phụ sẽ ký một thỏa thuận hợp đồng thầu phụ với Chủ Đầu Tư và Nhà Thầu nếu Chủ Đầu Tư yêu cầu như vậy dựa trên việc chấm dứt hợp đồng với Nhà Thầu theo Hợp đồng này.

The Contractor shall be and remain liable under the Contract for all work subcontracted and shall be responsible for acts or defaults of any Subcontractor, his agents or employees, as if they were the acts or defaults of the Contractor. The Contractor shall make good any damage or loss suffered by the Employer by reason of any breach of contract, repudiation, default or failure (whether total or partial), on the part of any Subcontractor, and shall indemnify the Employer against any damage, liability, claim or loss arising therefrom.

Nhà Thầu phải chịu và duy trì nghĩa vụ pháp lý theo Hợp đồng cho tất cả các công việc giao cho thầu phụ và phải chịu trách nhiệm về các hành động hoặc lỗi của bất cứ nhà thầu phụ nào, đại diện hoặc nhân viên của họ, như thể đó là hành động hoặc lỗi của Nhà Thầu. Nhà Thầu phải sửa chữa bất cứ hư hỏng hay mất mát nào gây ra cho Chủ Đầu Tư vì lý do vi phạm hợp đồng, từ chối thực hiện, lỗi hay không thực hiện (bất kể một phần hay toàn bộ), trong phần việc của bất cứ nhà thầu phụ nào, và phải bồi thường Chủ Đầu Tư đối với bất cứ hư hỏng, trách nhiệm, khiếu nại hoặc mất mát xuất phát từ đó.

**Sub-Clause 4.7 Setting Out**

**Khoản 4.7 Định vị mốc**

Delete sub-paragraph (b) of third paragraph.

Bỏ mục (b) của đoạn thứ ba.

**Sub-Clause 4.8 Safety Procedures**

**Khoản 4.8 Các qui tắc về An toàn**

INSERT “Vietnamese” after “applicable” in paragraph (a)

THÊM “tại Việt Nam” vào sau chữ “hiện hành” tại đoạn (a)

INSERT the following point:

THÊM mục sau:

(f) comply with all safety requirements included in the Specifications

tuân thủ theo tất cả các yêu cầu về an toàn lao động quy định trong Chỉ dẫn Kỹ thuật

If there are any uncertainties or ambiguities in either the Vietnamese regulations or the Specifications, then the Employer and or Construction Supervior shall have the right to interpret and instruct the Contractor to adopt any required safety measures.

Nếu có bất kỳ điều gì không chắc chắn hoặc không rõ ràng hoặc trong quy định của Việt Nam hoặc trong Chỉ dẫn Kỹ thuật, thì khi đó Chủ Đầu Tư và hoặc Tư Vấn Giám Sát có quyền diễn giải và chỉ dẫn Nhà Thầu tuân thủ tất cả các quy định an toàn lao động được yêu cầu.

The Contractor shall submit to the Construction Supervisor for approval a detailed Safety Plan within fourteen (14) days of the Commencement Date.

Trong vòng mười bốn (14) ngày kể từ Ngày Bắt đầu công việc, Nhà Thầu phải nộp Kế hoạch An toàn Lao động chi tiết cho Tư Vấn Giám Sát phê duyệt.

For the purpose of this Sub-Clause, the Employer shall be entitled to request the Contractor to remove any person from the Site if the Employer sees such person behaves improperly in the Site.

Đối với mục đích của Khoản này, Chủ Đầu Tư có quyền yêu cầu Nhà Thầu loại bỏ bất kỳ nhân sự nào ra khỏi Công trường nếu Chủ Đầu Tư xét thấy nhân sự đó cư xử không thích hợp tại Công trường.

**Sub-clause 4.9 Quality Assurance**

**Khoản 4.9 Các qui tắc về An toàn**

INSERT the following parapraph at the end:

THÊM đoạn sau vào cuối Khoản:

The Contractor shall submit a Quality Assurance Plan within fourteen (14) days of the Letter of Acceptance for approval by the Construction Supervisor.

Trong vòng mười bốn (14) ngày kể từ Thư Chấp thuận, Nhà Thầu phải nộp Kế hoạch Đảm bảo Chất lượng cho Tư Vấn Giám Sát phê duyệt.

**Sub-Clause 4.10 Site Data**

**Khoản 4.10 Dữ liệu Công trường**

DELETE “To the extent which was practicable (taking account of cost and time), the” in line 1 of second paragraph and SUBSTITUTE with “The”.

BỎ “Trong phạm vi có thể thực hiện được (có tính đến chi phí và thời gian)” ở dòng 1 của đoạn thứ hai.

DELETE “To the same extent, the” in lines 3 and 4 of second paragraph and SUBSTITUTE with “The”.

BỎ “Cùng phạm vi như vậy” ở dòng 3 và 4 của đoạn thứ hai.

INSERT the following paragraph at the end of Sub-Clause 4.10

THÊM đoạn sau vào cuối Khoản 4.10

The Contractor has verified all the correctness and sufficiency of the site data.

Nhà Thầu đã kiểm tra tính chính xác và phù hợp của Dữ liệu Công trường.

**Sub-Clause 4.11** **Sufficiency of the Accepted Contract Amount**

**Khoản 4.11 Tính Chất Đầy Đủ Của Giá trị Hợp đồng Chấp Thuận**

INSERT the following paragraph at the end:

THÊM đoạn sau vào cuối Khoản:

The Contractor must make its own assessment as to existing site conditions and other conditions or information that may affect the Tender or Accepted Contract Amount and shall be deemed to have taken these conditions and information into account in the Accepted Contract Amount. The Contractor shall be deemed have taken these all necessary information for the performance of Works within the Accepted Contract Amount.

Nhà Thầu phải tự có đánh giá của riêng mình về điều kiện công trường và các điều kiện hoặc thông tin khác có thể ảnh hưởng đến hồ sơ dự thầu của mình hoặc Giá trị Hợp đồng Chấp thuận và sẽ được xem như là đã xét đến các điều kiện và thông tin này trong Giá trị Hợp đồng Chấp thuận. Nhà Thầu được xem là đã đánh giá toàn bộ các thông tin cần thiết để thực hiện Công trình theo Giá trị Hợp đồng Chấp thuận.

**Sub-Clause 4.12** **Unforeseeable Physical Conditions**

**Khoản 4.12** **Điều kiện Vật chất Không lường trước được**

DELETE the entire of Sub Clause 4.12 and SUBSTITUTE with the following paragraphs

BỎ toàn bộ Khoản 4.12 và THAY THẾ bằng đoạn sau:

In this Sub-Clause, “physical conditions” means natural physical conditions and/or man-made and/or other physical obstructions and/or pollutants, which the Contractor encounters at the Site when executing the Works, including sub-surface and hydro-logical conditions.

Trong Khoản này, “điều kiện vật chất” có nghĩa là các điều kiện vật chất tự nhiên và/hoặc do con người tạo ra và/hoặc các trở ngại vật chất và/hoặc chất gây ô nhiễm mà Nhà Thầu gặp phải tại Công trường khi thực hiện Công trình, bao gồm các điều kiện bên dưới mặt đất và điều kiện thủy văn.

All Unforeseeable physical conditions are at the Contractor's risk. The Contractor shall not be entitled to any extensions of time or addition to the Contract Price for costs incurred in connection with any Unforeseeable physical conditions.

Tất cả các Điều kiện Vật chất Không lường trước được đều là rủi ro của Nhà Thầu. Nhà Thầu không được quyền nhận bất cứ gia hạn thời gian nào hoặc tăng Giá Hợp đồng đối với các chi phí phát sinh liên quan đến bất cứ điều kiện vật chất không lường trước được nào.

**Sub-Clause 4.17** **Contractor’s Equipment**

**Khoản 4.17** **Thiết bị của Nhà Thầu**

INSERT the following paragraphs at the end of Sub-Clause 4.17:

THÊM đoạn sau vào cuối Khoản 4.17:

Contractor's Equipment, temporary works and materials which are owned by the Contractor (either directly or indirectly) shall be deemed to be the property of the Employer with effect from its arrival on the Site. The vesting of property shall not:

Thiết bị của Nhà Thầu, công trình và vật liệu tạm thuộc sở hữu của Nhà Thầu (dù trực tiếp hoặc gián tiếp) phải được xem như là tài sản của Chủ Đầu Tư ngay lập tức khi được đưa đến Công trường. Quá trình bàn giao sẽ không:

1. affect the responsibility or liability of the Employer,

ảnh hưởng đến trách nhiệm hoặc nghĩa vụ của Chủ Đầu Tư;

1. prejudice the right of the Contractor to the sole use of the vested Contractor's Equipment, temporary works and materials for the purpose of the Works, or

giảm bớt quyền lợi của Nhà Thầu trong việc toàn quyền sử dụng Thiết bị của Nhà Thầu đã bàn giao, công trình và vật liệu tạm cho mục đích thi công Công trình, hoặc

1. affect the Contractor's responsibility to operate and maintain Contractor's Equipment, temporary works and materials

ảnh hưởng trách nhiệm của Nhà Thầu khi vận hành và duy trì Thiết bị của Nhà Thầu, công trình và vật liệu tạm

The property in each item shall be deemed to revest in the Contractor when he is entitled either to remove it from the Site or to receive the Taking-Over Certificate for the Works, whichever occurs first.

Tài sản của mỗi hạng mục này sẽ được xem như bàn giao lại cho Nhà Thầu khi Nhà Thầu được quyền hoặc là di dời hạng mục đó ra khỏi Công trường hoặc nhận được Chứng chỉ Nghiệm thu đối với Công trình, tùy việc nào xảy ra trước.

**Sub-Clause 4.18 Protection of the Environment**

**Khoản 4.18 Bảo vệ môi trường**

INSERT “or the Schedules” after “the Employer’s Requirements” in line 2 of second paragraph.

THÊM “hoặc các bản Danh mục” vào sau từ “Yêu cầu của Chủ Đầu Tư” ở dòng 2 của đoạn thứ hai.

INSERT the following paragraph at the end of Sub-Clause 4.18:

THÊM đoạn sau vào cuối Khoản 4.18:

The Contractor shall indemnify and hold the Employer harmless against and from the consequence of any failure to comply with the Laws of Vietnam.

Nhà Thầu phải bồi thường và giữ cho Chủ Đầu Tư không bi thiệt hại đối với và xuất phát từ hậu quả của bất cứ việc không tuân thủ theo Luật định của Việt Nam.

###### **Sub-Clause 4.19 Electricity, Water and Gas**

**Khoản 4.19 Điện, nước và khí đốt**

DELETE the whole of Sub-Clause 4.19 and SUBSTITUTE with the following:

BỎ toàn bộ Khoản 4.19 và THAY THẾ như sau:

Unless otherwise stated in the Specification, the Contractor shall, by its own cost, be responsible for the provision of all power, water and other services he may require and shall cooperate with the Employer’s other direct contractors and allow their full usage as they may require.

Trừ khi được quy định khác trong Chỉ dẫn Kỹ thuật, Nhà Thầu phải, bằng chi phí của mình, chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà Thầu có thể cần đến và sẽ phối hợp với các Nhà Thầu trực tiếp khác của Chủ Đầu Tư và dự trù cho việc sử dụng của họ khi họ yêu cầu.

###### **Sub-Clause 4.20 Employer’s Equipment and Free-Issue Material**

**Khoản 4.20 Thiết bị của Chủ đầu tư và vật liệu cấp miễn phí**

DELETE “stated in the Employer’s Requirements” in line 3 of first paragraph and SUBSTITUTE with “stated in the Specification or the Schedules or Appendixes. Unless otherwise stated in the Specification or the Schedules or Appendixes”.

* BỎ “được nêu trong Yêu cầu của Chủ Đầu Tư” ở dòng 3 của đoạn thứ nhất và THAY THẾ bằng “được nêu trong Chỉ dẫn Kỹ thuật hoặc các bản Danh mục hoặc phụ lục. Trừ phi có quy định khác trong Chỉ dẫn Kỹ thuật hoặc các bản Danh mục hoặc phụ lục”.

INSERT “or the Schedules” after “the Employer’s Requirements” in line 2 of third paragraph.

THÊM “hoặc các bản Danh mục” sau từ “Yêu cầu của Chủ Đầu Tư” ở dòng 2 của đoạn thứ ba.

###### **Sub-Clause 4.21 Progress Reports**

**Khoản 4.21 Báo cáo tiến độ**

INSERT the following paragraph at the end of first paragraph:

THÊM đoạn sau vào cuối đoạn thứ nhất:

In addition to the requirements set out hereunder the Contractor's submissions shall be in the format and comply with the conditions and content indicated in the Contract or requested by Employer and or Construction Supervisor from time to time as annexed to the Conditions of Contract.

Bổ sung thêm vào các yêu cầu được nêu dưới đây, hồ sơ đệ trình của Nhà Thầu phải theo định dạng và tuân thủ với các điều kiện và nội dung thể hiện trong Hợp Đồng hoặc yêu cầu bởi Chủ Đầu Tư và hoặc Tư Vấn Giám Sát như phụ lục đính kèm với các Điều kiện Hợp đồng.

INSERT the following paragraph at the end of Sub-Clause 4.21:

THÊM đoạn sau vào cuối Khoản 4.21:

The Works program shall accurately track the status of all works compared with the baseline program established at Contract commencement as per Sub-Clause 8.3 and shall also indicate the percentage complete for each activity as well as the critical path, in a form to be approved by the Construction Supervisor.

Tiến độ Công trình phải bám chính xác theo tình trạng của toàn bộ công việc đối chiếu với tiến độ gốc như đã thiết lập trong Hợp đồng ngay từ khi mới bắt đầu theo Khoản 8.3 và cũng phải chỉ rõ phần trăm công việc hoàn thành cho mỗi hoạt động cũng như tiến độ đường găng theo mẫu được Tư Vấn Giám Sát phê duyệt.

**Sub-Clause 4.22 Security of the Site**

**Khoản 4.22 An ninh Công trường**

INSERT the following new sub-paragraph (c) after sub-paragraph (b):

THÊM mục mới (c) dưới đây sau mục (b):

1. In addition to security in respect of people, the Contractor shall be fully responsible for the security of all the Site including, but not limited to, materials, plant and equipment, temporary or permanent structures, site facilities including his own, and that of subcontractors, the Employer and the Construction Supervisor.

Ngoài công tác an ninh liên quan đến con người, Nhà Thầu phải chịu trách nhiệm cho an ninh của toàn bộ Công trường bao gồm, nhưng không giới hạn tới, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, kết cấu tạm thời hoặc vĩnh cửu, các tiện ích công trường bao gồm cả của Nhà Thầu, và của các nhà thầu phụ, Chủ Đầu Tư và Tư Vấn Giám Sát.

**Sub-Clause 4.23 Contractor’s Operations on Site**

**Khoản 4.23 Hoạt động của Nhà thầu trên Công trường**

INSERT “provided agreement is obtained from the Employer” at the end of the sentence "However, the Contractor may ... under the Contract" in line 5 of the last paragraph.

THÊM “với điều kiện được chấp thuận bởi Chủ Đầu Tư” vào cuối câu “Tuy nhiên, Nhà Thầu có thể … theo Hợp đồng trong Thời gian Thông báo Sai sót” ở dòng 5 của đoạn cuối.

**Sub-Clause 4.25 Approval for Removal of Structures**

**Khoản 4.25 Phê duyệt việc Di dời các Kết cấu**

Insert new Sub-Clause 4.25:

Thêm Khoản 4.25 mới:

In the event that, within the Site, any approvals, consents, licences or authorizations are required for the removal of structures, buildings and other impediments hindering the construction of the Works, the Contractor shall make all necessary applications to the Governmental Authorities as soon as practicable and shall be responsible for obtaining the same with the assistance from the Employer.

Trong trường hợp trên Công trường cần có bất kỳ chấp thuận, đồng ý, giấy phép hoặc sự cho phép nào cho việc di dời các kết cấu, các hạng mục xây dựng và những chướng ngại khác cản trở việc thi công Công trình, Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện tất cả thủ tục cần thiết để xin phép Cơ quan Nhà nước hữu quan sớm nhất có thể trên thực tế và chịu trách nhiệm trong việc xin các loại giấy phép đó cùng với sự trợ giúp của Chủ đầu tư.

**Sub-Clause 4.26** **Compliance with Directives**

**Khoản 4.26** **Tuân thủ với các Chỉ thị**

Insert new Sub-Clause 4.26:

Thêm Khoản 4.26 mới:

Subject to the provisions of Clause 1.13 regarding Compliance with Laws, the Contractor shall be responsible for paying all fees required for the provision of:

Tùy thuộc vào phạm vi của Khoản 1.13 về việc Tuân thủ Luật pháp, Nhà Thầu sẽ có trách nhiệm thanh toán tất cả các phí được yêu cầu đối với việc tuân thủ:

1. Any Laws, regulations, directives, statutes, standards, specifications, etc. in relation to the execution and completion of the Works and the remedying of any defects therein; and

Bất cứ luật, quy định, chỉ thị, tiêu chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật vv liên quan đến việc thực hiện và hoàn thành Công trình và việc sửa chữa bất cứ sai sót nào của Công trình, và

1. The rules and regulations of all Government Authorities and public bodies and companies.

Các nguyên tắc và quy định của tất cả các Cơ quan Chức năng và tổ chức và công ty công cộng;

The Contractor must act on any directive given by the Construction Supervisor within 14 days of receiving it. If the Contractor does not respond within the 14 days, then the Construction Supervisor can work with the Employer to arrange for another company to proceed with the work and all costs associated with that work shall be deducted from any future payment under the Contract.

Nhà Thầu phải hành động theo bất cứ chỉ thị nào được đưa ra bởi Tư Vấn Giám Sát trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được thông báo. Nếu Nhà Thầu không phản hồi trong vòng 14 ngày, thì Tư Vấn Giám Sát có thể làm việc với Chủ Đầu Tư sắp xếp một công ty khác tiến hành công việc và tất cả các chi phí liên quan đến công việc đó sẽ được khấu trừ trong lần thanh toán kế tiếp của Hợp đồng.

**Sub-Clause 4.27** **Site Cleanliness**

**Khoản 4.27** **Sự sạch sẽ của Công trường**

Insert new Sub-Clause 4.27:

Thêm Khoản 4.27 mới:

During the execution of the Works the Contractor shall keep, at his own cost, the Site reasonably free from all unnecessary obstructions and shall store or dispose of any Contractor's Equipment and surplus Materials and clear away and remove from the Site any wreckage, rubbish or temporary works no longer required.

Trong quá trình thực hiện Công trình, Nhà Thầu phải giữ một cách hợp lý, bằng chi phí của mình, Công trường khỏi tất cả các chướng ngại không cần thiết và sẽ lưu giữ hoặc bỏ đi bất cứ thiết bị nào của Nhà Thầu hoặc các Vật liệu dư thừa và dọn dẹp và di dời khỏi Công trường bất cứ vật đổ nát, rác hoặc các công tác tạm không còn cần thiết nữa.

The Contractor shall, at its own cost, be fully responsible for the proper disposal of sewage and all kinds of waste, the protection of the environment and the prevention of outbreaks of fire in accordance with the relevant laws and regulations for the activities in connection with the Works.

Nhà Thầu phải, bằng chi phí của mình, chịu hoàn toàn trách nhiệm cho việc loại bỏ đúng đắn nước thải và mọi loại chất thải, bảo vệ môi trường và ngăn cản việc bùng phát cháy nổ tuân thủ theo các luật và nghị định liên quan đối với các hoạt động liên quan đến Công trình.

The Site must be clean and ready for suitable occupation and use prior to handing over to the Employer when the Taking-Over Certificate is issued.

Công trường phải sạch sẽ và sẵn sàng cho việc sử dụng trước khi bàn giao cho Chủ Đầu Tư tại thời điểm Chứng chỉ nghiệm thu được cấp.

**Sub-Clause 4.28 Approval for Removal of Structures**

**Khoản 4.28** **Phê chuẩn Loại bỏ Kết cấu**

In the event that, within the Site, any approvals, consents, licences or authorizations are required for the removal of structures, buildings and other impediments hindering the construction of the Works, the Contractor shall make all necessary applications to the Government Authorities and shall be responsible for obtaining the same.

Trong trường hợp, trong phạm vi Công trường, bất cứ phê chuẩn, đồng ý, giấy phép hoặc ủy quyền nào được yêu cầu cho việc loại bỏ các kết cấu, nhà cửa và các chướng ngại vật gây cản trở việc thi công Công trình, Nhà Thầu sẽ tiến hành tất cả các hồ sơ xin giấy phép cần thiết với các Cơ quan Chức năng và chịu trách nhiệm để đạt được các giấy phép đó.

Unless specified otherwise, the cost of removing any existing structures are included in the Accepted Contract Amount.

Trừ khi được quy định khác, chi phí loại bỏ bất cứ kết cấu hiện hữu nào đều được bao gồm trong Giá trị Hợp đồng Chấp thuận.

### CLAUSE 5 DESIGN

### ĐIỀU 5 THIẾT KẾ

**Sub-Clause 5.1 General Design Obligations**

**Khoản 5.1 Trách nhiệm chung đối với Thiết kế**

Delete the content of this Sub-Clause and substitute with the following:

Bỏ nội dung Khoản này và thay vào như sau:

The Draft of Master Plan, Basic Design and Fire Fighting Design of the Project have been completed by the Employer’s Design Consultant. The Contractor shall carry out, and be responsible for, the rest of design of the Works including but not limited to verification and completely completion of Basic Design, Fire Fighting Design and development of Technical Design, Construction Drawings. Design shall be prepared by the personnel of the Contractor who:

Bản thảo của Thiết kế Tổng mặt bằng, Thiết kế cơ sở và Bản sơ bộ của Thiết kế PCCC của Dự án đã được hoàn thành bởi Tư vấn thiết kế của Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ thực hiện, và chịu trách nhiệm đối với các thiết kế còn lại của Công trình bao gồm nhưng không giới hạn ở việc kiểm tra và hoàn thành hoàn toàn Thiết kế cơ sở, Thiết kế PCCC và phát triển Thiết kế kỹ thuật, Thiết kế bản vẽ thi công. Thiết kế sẽ được chuẩn bị bởi nhân sự của Nhà thầu, người mà:

1. are engineers or other professionals, qualified, experienced and competent in the disciplines of the design for which they are responsible;

là các kỹ sư hoặc các nhà tư vấn khác có trình độ, kinh nghiệm và năng lực trong các lĩnh vực thiết kế mà họ chịu trách nhiệm;

1. comply with the criteria (if any) stated in the Employer’s Requirements; and

tuân theo các tiêu chí (nếu có) được quy định trong Yêu cầu của Chủ đầu tư; và

1. are qualified and entitled under applicable Laws to design the Works.

có đủ điều kiện và quyền lợi theo Luật pháp hiện hành để thiết kế Công trình.

Unless otherwise stated in the Employer’s Requirements, the Contractor shall submit to the Employer for consent the name, address, detailed particulars and relevant experience of each design personnel.

Trừ khi có quy định khác trong Yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ nộp cho Chủ Đầu Tư phê duyệt tên, địa chỉ, chi tiết cụ thể và kinh nghiệm liên quan của từng nhân sự thiết kế của Nhà thầu.

The Contractor warrants that the Contractor, the Contractor’s designers and design Subcontractors (if approved in writing by the Employer) have the experience, capability and competence necessary for the design. The Contractor undertakes that the designers and design Subcontractors shall be available to attend discussions with the Construction Supervisor and/or the Employer at all reasonable times (on or off the Site), until the issue of the Performance Certificate.

Nhà thầu đảm bảo rằng Nhà thầu, những nhà thiết kế của Nhà thầu và Nhà thầu phụ thiết kế (nếu được Chủ Đầu Tư chấp thuận bằng văn bản) có kinh nghiệm, năng lực và quyền hạn cần thiết cho việc thiết kế. Nhà thầu cam kết rằng những nhà thiết kế và Nhà thầu phụ thiết kế phải luôn sẵn sàng có mặt để tham gia thảo luận với Tư Vấn Giám Sát và/hoặc Chủ đầu tư tại tất cả các thời điểm thích hợp (trên hoặc bên ngoài Công trường), cho đến ngày phát hành Chứng nhận hoàn thành Công trình.

The Contractor warrants that their design documents fully complies with all national codes and standards, including but not limited to QCVN, TCVN and TCXDVN and construction regulations unless specifically required in the Contract and at the request of the Employer;

Nhà thầu đảm bảo rằng sản phẩm thiết kế của mình sẽ tuân thủ hoàn toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia, bao gồm nhưng không giới hạn QCVN, TCVN, TCXDVN và các quy định trong xây dựng trừ khi có yêu cầu riêng trong Hợp đồng và theo yêu cầu của Chủ đầu tư

The review, approval or release of any engineering or construction documents submitted by Contractor including as may be required by the Contract Documents or the taking of other appropriate action upon such submissions shall be only for the limited purpose of checking for general conformance with the design concept of the work and any design or performance criteria or other information provided in the Contract Documents. Such review, approval, release or other action taken with respect to such documents shall not relieve the Contractor’s responsibilities from any of his obligations under the local regulations, Contract Agreement or from any of the requirements of the Contract Documents.

Việc xem xét, phê duyệt hoặc phát hành bất kỳ tài liệu thiết kế, kỹ thuật hoặc xây dựng nào do Nhà thầu đệ trình bao gồm cả tài liệu Hợp đồng có thể được yêu cầu hoặc thực hiện các hành động thích hợp khác khi đệ trình đó sẽ chỉ nhằm mục đích hạn chế là kiểm tra sự phù hợp chung với ý tưởng thiết kế của công trình và bất kỳ tiêu chí thiết kế hoặc khả năng thực hiện hoặc thông tin khác được cung cấp trong Tài liệu Hợp đồng. Việc xem xét, phê duyệt, phát hành hoặc các hành động khác được thực hiện đối với các tài liệu đó sẽ không làm giảm trách nhiệm của Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo các quy định của địa phương, Thỏa thuận hợp đồng hoặc khỏi bất kỳ yêu cầu nào của Tài liệu Hợp đồng.

Promptly after receiving a Notice under Sub-Clause 8.1 [Commencement of Work], the Contractor shall scrutinise the Employer’s Requirements (including design criteria and calculations, if any). If the Contractor discovers any error, fault or other defect in the Employer’s Requirements, Sub-Clause 1.9 [Errors in the Employer’s Requirements] shall apply (unless it is an error in the items of reference specified in the Employer’s Requirements, in which case Sub-Clause 4.7 [Setting Out] shall apply).

Ngay sau khi nhận được Thông báo theo Khoản 8.1 *[Bắt đầu Công việc]*, Nhà thầu phải nghiên cứu kỹ Yêu cầu của Chủ đầu tư (bao gồm tiêu chuẩn thiết kế và các tính toán, nếu có). Nếu Nhà thầu phát hiện ra sai sót, lỗi hoặc thiếu sót khác trong Yêu cầu của Chủ đầu tư, thì Khoản 1.9 *[Các sai sót trong Yêu cầu của Chủ đầu tư]* sẽ được áp dụng (trừ khi đó là lỗi trong các hạng mục tham chiếu được nêu trong Yêu cầu của Chủ đầu tư, trong trường hợp đó thì Khoản 4.*7 [Định vị mốc]* sẽ được áp dụng).

**Sub-Clause 5.2 Contractor’s Documents**

**Khoản 5.2 Tài liệu của Nhà thầu**

Delete the content of this Sub-Clause and substitute with the following:

Bỏ nội dung Khoản này và thay vào như sau:

The Contractor’s Documents shall comprise the documents:

Tài liệu của Nhà thầu sẽ bao gồm các hồ sơ:

1. specified in the Employer’s Requirements;

được quy định trong Yêu cầu của Chủ đầu tư;

1. required to satisfy all permits, permissions, licences and other regulatory approvals which are the Contractor’s responsibility under Sub-Clause 1.13 *[Compliance with Laws]*; and

được yêu cầu để đáp ứng tất cả các giấy phép, sự cho phép và sự phê duyệt khác theo quy định thuộc về trách nhiệm của Nhà thầu theo Khoản 1.13 *[Tuân thủ Luật pháp]*; và

1. described in Sub-Clause 5.6 [As-Built Documents] and Sub-Clause 5.7 [Operation and Maintenance Manuals].

được mô tả trong Khoản 5.6 *[Tài liệu hoàn công]* và Khoản 5.7 *[Tài liệu hướng dẫn Vận hành và Bảo trì].*

* + 1. Preparation by Contractor

Sự chuẩn bị của Nhà thầu

Unless otherwise stated in the Employer’s Requirements, the Contractor’s Documents shall be written in the language for communications defined in Sub-Clause 1.4 *[Law and Language]*.

Trừ khi được quy định khác trong Yêu cầu của Chủ đầu tư, Tài liệu của Nhà thầu phải được viết bằng ngôn ngữ giao tiếp quy định tại Khoản 1.4 *[Luật và Ngôn ngữ]*.

The Contractor shall prepare all Contractor’s Documents, and any other documents necessary to complete and implement the design during execution of the Works and to instruct the Contractor’s Personnel. The Employer’s Personnel shall have the right to inspect the preparation of all these documents (including any investigation, modelling and testing), wherever they are being prepared.

Nhà thầu phải chuẩn bị tất cả Tài liệu của Nhà thầu và các tài liệu cần thiết khác để hoàn thành và thực hiện thiết kế trong suốt giai đoạn thi công Công trình và để hướng dẫn cho Nhân lực của Nhà thầu. Nhân lực của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra việc chuẩn bị tất cả các tài liệu này (bao gồm khảo sát, mẫu và thử nghiệm), kể cả trong lúc tài liệu đang được chuẩn bị.

* + 1. Review by the Construction Supervisor

Xem xét bởi Tư Vấn Giám Sát

In this Sub-Clause 5.2.2:

Trong Khoản 5.2.2 này:

* “Review Period” means the period not exceeding 21 days, or as otherwise stated in the Employer’s Requirements, calculated from the date on which the Construction Supervisor receives a Contractor’s Document and a Contractor’s Notice;

“Thời gian xem xét” có nghĩa là khoảng thời gian không quá 21 ngày, hoặc được nêu khác đi trong Yêu cầu của Chủ đầu tư, tính từ ngày Tư Vấn Giám Sát nhận được Tài liệu của Nhà thầu và Thông báo của Nhà thầu;

* “Contractor’s Document” excludes any of the Contractor’s Documents which are not specified in the Employer’s Requirements or these Conditions as being required to be submitted for Review, but includes all documents on which a specified Contractor’s Document relies for completeness; and

“Tài liệu của Nhà thầu” loại trừ mọi Tài liệu của Nhà thầu không được quy định trong Yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc các Điều kiện này là cần thiết để trình Xem xét, nhưng bao gồm tất cả các tài liệu mà trong Tài liệu của Nhà thầu quy định cung cấp đầy đủ, và

* “Contractor’s Notice” means the Notice which shall state that the relevant Contractor’s Document is considered by the Contractor to be ready for Review under this Sub-Clause 5.2.2 and for use, and that it complies with the Employer’s Requirements and these Conditions, or the extent to which it does not do so.

“Thông báo của Nhà thầu” có nghĩa là Thông báo sẽ nêu rõ rằng Tài liệu của Nhà thầu liên quan được Nhà thầu cân nhắc đã sẵn sàng để Xem xét theo Khoản 5.2.2 này và để sử dụng, và tuân thủ Yêu cầu của Chủ đầu tư và các Điều kiện này, hoặc phạm vi mà nó không tuân thủ.

If the Employer’s Requirements or these Conditions specify that a Contractor’s Document is to be submitted to the Construction Supervisor for Review, it shall be submitted accordingly, together with a Contractor’s Notice.

Nếu Yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc các Điều kiện này nêu ra rằng Tài liệu của Nhà thầu được nộp cho Tư Vấn Giám Sát Xem xét, thì tài liệu sẽ được gửi cùng với Thông báo của Nhà thầu.

The Construction Supervisor shall, within the Review Period, give a Notice to the Contractor:

Trong Thời gian xem xét, Tư Vấn Giám Sát sẽ gửi Thông báo cho Nhà thầu:

1. of No-objection (which may include comments concerning minor matters which will not substantially affect the Works); or

việc Không phản đối (có thể bao gồm các ý kiến liên quan đến các vấn đề nhỏ sẽ không ảnh hưởng đáng kể đến Công trình); hoặc

1. that the Contractor’s Document fails (to the extent stated) to comply with the Employer’s Requirements and/or the Contract, with reasons.

rằng Tài liệu của Nhà thầu (ở mức độ nào đó) không tuân thủ Yêu cầu của Chủ đầu tư và/hoặc Hợp đồng, cùng với lý do.

If the Construction Supervisor instructs that further Contractor’s Documents are reasonably required to demonstrate that the Contractor’s design complies with the Contract, the Contractor shall prepare and submit them promptly to the Construction Supervisor at the Contractor’s cost.

Nếu Tư Vấn Giám Sát hướng dẫn rằng Tài liệu của Nhà thầu tiếp theo được yêu cầu một cách hợp lý để chứng minh rằng thiết kế của Nhà thầu tuân thủ Hợp đồng, thì Nhà thầu sẽ chuẩn bị và nộp ngay cho Tư Vấn Giám Sát bằng chi phí Nhà thầu.

If the Construction Supervisor gives a Notice under sub-paragraph (b) above, the Contractor shall:

Nếu Tư Vấn Giám Sát đưa ra Thông báo theo mục (b) ở trên, thì Nhà thầu sẽ:

revise the Contractor’s Document;

điều chỉnh Tài liệu của Nhà thầu;

resubmit it to the Construction Supervisor for Review in accordance with this Sub-Clause 5.2.2, and the Review Period shall be calculated from the date that the Construction Supervisor receives it; and

đệ trình lại cho Tư Vấn Giám Sát để Xem xét tuân theo Khoản 5.2.2 này, và Thời gian xem xét sẽ được tính từ ngày Tư Vấn Giám Sát nhận được Tài liệu này; và

not be entitled to Extension of Time for Completion for any delay caused by any such revision and resubmission and/or by subsequent Review by the Construction Supervisor.

không được quyền Gia hạn Thời gian hoàn thành đối với bất kỳ sự trì hoãn nào gây ra bởi việc điều chỉnh và đệ trình lại như vậy và/hoặc bởi việc Xem xét tiếp theo bởi Tư Vấn Giám Sát.

If the Employer incurs additional costs as a result of such resubmission and subsequent Review, the Employer shall be entitled subject to Sub-Clause 2.5 *[Employer’s Claims]* to payment by the Contractor of the costs reasonably incurred.

Nếu Chủ đầu tư phải chịu chi phí phát sinh do hậu quả của việc đệ trình lại và Xem xét theo đó, thì theo Khoản 2.5 *[Khiếu nại của Chủ đầu tư]* Chủ đầu tư có quyền nhận được thanh toán của Nhà thầu về chi phí phát sinh hợp lý.

* + 1. Construction

Thi công

Except for Contractor’s Documents under Sub-Clause 5.6 [As-Built Documents] and Sub-Clause 5.7 [Operation and Maintenance Manuals], for each part of the Works requiring Contractor’s Documents to be submitted for Review:

Ngoài Tài liệu của Nhà thầu theo Khoản 5.6 *[Tài liệu hoàn công]* và Khoản 5.7 *[Tài liệu hướng dẫn Vận hành và Bảo trì]*, cho mỗi phần Công trình theo yêu cầu của Tài liệu của Nhà thầu được đệ trình để Xem xét:

1. construction of such a part shall not commence until a Notice of No-objection is given (or is deemed to have been given) by the Construction Supervisor for all the Contractor’s Documents which are relevant to its design and execution;

việc thi công một phần công việc như vậy sẽ không được bắt đầu cho đến khi Thông báo không phản đối được đưa ra (hoặc được xem như đã được đưa ra) bởi Tư Vấn Giám Sát đối với tất cả Tài liệu của Nhà thầu liên quan đến việc thiết kế và thi công;

1. construction of such a part shall be in accordance with these Contractor’s Documents; and

việc thi công một phần công việc như vậy sẽ tuân theo Tài liệu của Nhà thầu này; và

1. the Contractor may modify any design or Contractor’s Documents which have previously been submitted for Review, by giving a Notice to the Construction Supervisor with reasons. If the Contractor has commenced construction of the part of the Works to which such design or Contractor’s Documents are relevant:

Nhà thầu có thể sửa đổi mọi thiết kế hoặc Tài liệu của Nhà thầu mà trước đó đã được trình để Xem xét, bằng cách gửi một Thông báo cho Tư Vấn Giám Sát cùng với lý do sửa đổi. Nếu Nhà thầu bắt đầu thi công một phần Công trình mà thiết kế hoặc Tài liệu của Nhà thầu đó có liên quan:

1. work on this part shall be suspended;

công việc của phần này sẽ bị đình chỉ;

1. the provisions of Sub-Clause 5.2.2 [Review by Construction Supervisor] shall apply as if the Construction Supervisor had given a Notice in respect of the Contractor’s Documents under sub-paragraph (b) of Sub-Clause 5.2.2; and

các điều khoản của Khoản 5.2.2 [Xem xét bởi Tư Vấn Giám Sát] sẽ được áp dụng như là Tư Vấn Giám Sát đã ra Thông báo liên quan đến Tài liệu của Nhà thầu theo mục (b) của Khoản 5.2.2; và

1. work on this part shall not resume until a Notice of No-objection is given (or is deemed to have been given) by the Construction Supervisor for the revised documents.

công việc của phần này sẽ không được tiếp tục cho đến khi Thông báo Không phản đối được nêu ra (hoặc được xem như đã được đưa ra) bởi Tư Vấn Giám Sát đối với các tài liệu điều chỉnh.

**Sub-Clause 5.4 Technical standards and Regulations**

**Khoản 5.4 Tiêu chuẩn Kỹ thuật và các Quy định**

Delete “Laws applicable to the product being produced from the Works” in line 3 of paragraph 1 and replace with “Laws applicable to the intended commercial use for the Works*”*

Bỏ “các Luật áp dụng cho các sản phẩm được sản xuất bởi Công trình” ở dòng 3 của đoạn thứ 1 và thay bằng “các Luật áp dụng cho mục đích thương mại dành cho Công trình”.

Delete the paragraph 3 of this Sub-Clause 5.4 in its entirety.

Bỏ toàn bộ đoạn 3 của Khoản 5.4 này.

### CLAUSE 6 STAFF AND LABOUR

### ĐIỀU 6 NHÂN VIÊN VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

**Sub-Clause 6.1 Engagement of Staff and Labour**

**Khoản 6.1 Tuyển dụng Nhân viên và Người lao động**

Insert “or the Schedules” after “Employer’s Requirements” in line 1 of Sub-Clause 6.1.

Thêm “hoặc các bản Danh mục” sau “Yêu cầu của Chủ đầu tư” ở dòng 1 của khoản 6.1.

Insert at the end of this Sub-Clause 6.1:

Thêm vào cuối Khoản 6.1 này như sau:

The Contractor shall employ the key personnel as proposed in the Tender in the Contractor’s Proposals. Any replacement personnel shall be at least of equivalent qualification and experience.

Nhà thầu sẽ tuyển dụng nhân viên chủ chốt như đã đề xuất trong Hồ sơ dự thầu trong Đề xuất của Nhà thầu. Bất kỳ nhân viên thay thế nào ít nhất cũng phải có năng lực và kinh nghiệm tương đương.

**Sub-Clause 6.5 Working Hours**

**Khoản 6.5 Thời gian làm việc**

DELETE the whole of Sub-Clause 6.5 and SUBSTITUTE with the following:

BỎ toàn bộ Khoản 6.5 và THAY THẾ như sau:

From 8:00 AM to 5:00 PM, Monday to Saturday. The Contractor must ensure all types of permits and/or arrangement of working shift properly according to the law to ensure construction activities on site shall take place 24 hours per day and 7 days per week upon request from the Employer to ensure Project Schedule. The Contractor shall include for provision of any and all costs and payments made in connection with these permits and working shift and in particular those required by the laws of Vietnam. No claim for additional time and/or money shall be allowed whatsover in respect of working hour restrictions.

Từ 8:00 Sáng tới 5:00 Chiều. Nhà thầu phải đảm bảo tất cả các loại giấy phép và/hoặc sắp xếp thời gian, ca kíp làm việc cho phù hợp theo luật định để đảm bảo công tác thi công trên công trường diễn ra 24 giờ một ngày và 07 ngày một tuần khi có yêu cầu từ Chủ đầu tư để đảm bảo tiến độ Dự án. Nhà Thầu phải bao gồm cho việc dự trù bất cứ và tất cả các chi phí và thanh toán phụ trội được chi trả liên quan đến các giấy phép và bố trí ca kíp làm việc này và đặc biệt những ràng buộc được quy định bởi luật Việt Nam. Nhà Thầu Không có quyền đòi thêm thời gian và/hoặc tiền cho bất cứ việc gì liên quan đến các ràng buộc về thời gian làm việc.

The Contractor shall familiarize himself with any restrictions or limitation required by the regulations of competent authorities and management entities (if any) in the Works location on carrying out activities of any sort in the permitted hours of work and shall include for any interference, disruption or additional costs and payments made in connection with complying with such Official Regulations.

Nhà Thầu phải tự mình thông thạo với bất cứ giới hạn hoặc hạn chế nào được quy định bởi quy định của cơ quan có thẩm quyền và các đơn vị quản lý (nếu có) tại địa điểm Công trình đối với việc thực hiện các hoạt động bằng bất cứ hình thức nào trong giờ làm việc được phép và sẽ bao gồm tất cả các chi phí và thanh toán bổ sung, can thiệp hoặc ảnh hưởng được chi trả liên quan đến việc tuân thủ các Quy định Chính quyền đó.

In the event that the Contractor’s works requires the attendance of the Construction Supervisor, his representatives and/or the Employer’s representative outside of normal working hours (which, for the purpose of this particular paragraph, is from 08:00 to 17:00 on Mondays to Saturdays), then the Contractor shall inform the requirements of specific works, attendants, time and location no later than one (01) day in advance of such event.

Trong trường hợp các công việc của Nhà Thầu đòi hỏi sự hiện diện của Tư Vấn Giám Sát hoặc đại diện của Tư Vấn Giám Sát hoặc đại diện của Chủ Đầu Tư ngoài thời gian làm việc thông thường (mà thời gian làm việc thông thường, để chỉ phục vụ cho mục đích của đoạn này, là từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều từ thứ Hai đến thứ Bảy), thì Nhà Thầu sẽ phải thông báo yêu cầu của mình về công việc, nhân sự tham gia, thời gian và địa điểm cụ thể không trễ hơn một (01) ngày trước khi công việc đó diễn ra.

###### **Sub-Clause 6.6 Facilities for Staff and Labour**

**Khoản 6.6 Trang bị cho nhân viên và người lao động**

Insert “or the Schedules” after “Employer’s Requirements” in line 1 and line 4 of first paragraph.

Thêm “hoặc các bản Danh mục” sau “Yêu cầu của Chủ đầu tư” ở dòng 1 và dòng 4 của đoạn thứ nhất.

ADD the following paragraphs:

THÊM vào các đoạn sau:

The Construction Supervisor has the right to request the Contractor to improve or make good of his own temporary buildings and facilities at any time, if the buildings and facilities do not comply with the Contract requirements particularly with regards to security, pollution, hygiene and environmental protection. If the Contractor fails to make the necessary arrangements within seven (07) days after receiving the Construction Supervisor’s instruction, the Employer and/or the Construction Supervisor shall be entitled to withhold the payment for this work. If the Contractor has no action after seven (07) days’ notice, the Employer and/or the Construction Supervisor following the Employer’s instruction shall make his own arrangement to carry out this work on his behalf and all costs incurred shall be deducted from the Contract Price or reimbursed by the Contractor, subject to the Employer’s / the Construction Supervisor’s written request.

Tư Vấn Giám Sát có quyền yêu cầu Nhà Thầu cải thiện hoặc khôi phục các công trình và tiện ích tạm thời vào bất cứ lúc nào, nếu các công trình và tiện ích đó không tuân thủ các yêu cầu của Hợp đồng đặc biệt liên quan đến an ninh, ô nhiễm, vệ sinh và bảo vệ môi trường. Nếu Nhà Thầu không thực hiện các biện pháp cần thiết trong vòng bảy (07) ngày sau khi nhận được chỉ dẫn của Tư Vấn Giám Sát, Chủ Đầu Tư và / hoặc Tư Vấn Giám Sát được quyền khấu trừ khoản thanh toán cho công tác này trong Chứng nhận Thanh toán Tạm. Nếu Nhà Thầu không có bất cứ động thái tích cực nào sau thời hạn thông báo bảy (07) ngày, Chủ Đầu Tư và / hoặc Tư Vấn Giám Sát theo hướng dẫn của Chủ Đầu Tư sẽ tự sắp xếp thực hiện công việc này thay cho Nhà Thầu và tất cả các chi phí phát sinh được trừ vào Chứng nhận Thanh toán Tạm hoặc được hoàn trả bởi Nhà Thầu, theo văn bản yêu cầu của Chủ Đầu Tư / Tư Vấn Giám Sát.

Notwithstanding any terms in the Contract, there is no provision expressing or implicating any obligation on the Employer towards the Contractor’s Personnel. The Contractor shall be responsible for the payment of all employment taxes and contributions imposed by Laws or required to be paid on behalf of the employees of the Contractor or its subcontractors, including but not limited to taxes and contributions for income tax, workers’ compensation, facility for staff and labor, unemployment insurance, welfare funds, pensions and annuities and disability insurance.

Bất kể các điều khoản quy định trong Hợp đồng, không có điều khoản nào thể hiện hoặc quy kết trách nhiệm của Chủ Đầu Tư về nhân sự của Nhà Thầu. Nhà Thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản thuế thuê lao động và các khoản đóng góp luật quy định hoặc được yêu cầu thanh toán cho nhân viên của Nhà Thầu và các Nhà Thầu Phụ, bao gồm nhưng không giới hạn các khoản thuế và các khoản tiền liên quan đến thuế thu nhập, các khoản bồi thường cho người lao động, phương tiện làm việc cho nhân sự và người lao động, bảo hiểm thất nghiệp, các khoản phúc lợi, lương hưu, trợ cấp và bảo hiểm thương tật.

**Sub-Clause 6.7 Health and Safety**

**Khoản 6.7 Sức khỏe và An toàn**

AMEND the name of the Sub-Clause 6.7 from “Health and Safety” into “Heath, Safety and Environment”

THAY THẾ tựa đề của Khoản 6.7 từ “Sức khỏe và An toàn” thành “Sức khỏe, An toàn và Môi trường”.

INSERT at the beginning of this Sub-Clause 6.7:

BỔ SUNG nội dung sau vào đầu Khoản 6.7:

Within 14 days before the Commencement Date, the Contractor shall submit to the Construction Supervisor the Safety, Health, and Environmental Plan (“SH&E Plan”) setting out the requirements set out for the SH&E Plan and giving a detailed description of his proposed methods to ensure safety, health and environment. The SH&E Plan shall be subject to the approval of the Construction Supervisor who will not allow any work on the Site to proceed until the SH&E Plan has been fully and formally approved. Approval of the SH&E Plan shall not relieve the Contractor of any of his responsibilities with regard to safety, health, or environmental matters.

Trong vòng 14 ngày trước Ngày Bắt đầu Công việc, Nhà Thầu sẽ nộp cho Tư Vấn Giám Sát Kế hoạch bảo vệ sức khỏe, an toàn và môi trường (“Kế hoạch BV SK, AT, MT”) đưa ra các yêu cầu cho Kế hoạch BV SK, AT, MT và trình bày chi tiết các phương pháp bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường. Kế hoạch BV SK, AT, MT sẽ do Tư Vấn Giám Sát phê duyệt và Tư Vấn Giám Sát sẽ không cho phép bất kỳ hoạt động xây dựng nào được triển khai trên Công trường cho đến khi Kế hoạch BV SK, AT, MT đã được phê duyệt toàn bộ và chính thức. Việc phê duyệt Kế hoạch BV SK, AT, MT sẽ không giảm bất kỳ trách nhiệm nào của Nhà Thầu đối với các vấn đề về sức khỏe, an toàn và môi trường.

INSERT "in full compliance with the Law" after first sentence.

THÊM “hoàn toàn tuân thủ với Luật” sau câu đầu tiên.

###### **Sub-Clause 6.9 Contractor’s Personnel**

**Khoản 6.9 Nhân lực của Nhà thầu**

At the end of Sub-Clause 6.9, add the following paragraph:

Ở cuối Khoản 6.9, thêm vào như sau:

The following key Contractor’s personnel, as specified during tendering, in a Schedule or other specified document, shall not be removed or replaced from the Works without the prior written approval of the Employer: the Project Manager appointed by the Contractor, Site Manager, Contract Manager, Technical Manager, Safety Manager and MEPF Coordinator.

Nhân lực chủ chốt sau đây của Nhà Thầu, như đã được xác định trong lúc đấu thầu, trong Bảng danh mục hoặc tài liệu khác được xác định, sẽ không được phép loại bỏ hay thay thế cho việc thực hiện Công trình theo Hợp đồng mà không có phê duyệt từ trước bằng văn bản của Chủ Đầu Tư: Giám đốc Dự án do Nhà Thầu chỉ định, Chỉ huy Trưởng, Quản lý Hợp đồng, Quản lý Kỹ thuật, Quản lý An toàn và Kỹ sư Điều phối MEPF.

Any revisions to the Contractor’s project organization chart have to be approved by the Employer in writing and approved replacement of key appointments (Project Manager appointed by the Contractor, Site Manager, Safety Manager & MEPF Coordinator) are to be present on site within three (03) working days upon approved by the Employer.

Tất cả đề xuất thay đổi đối với sơ đồ tổ chức của Nhà Thầu phải được phê duyệt chấp thuận bằng văn bản bởi Chủ Đầu Tư và các nhân sự được chấp thuận thay thế cho những vị trí quan trọng (Giám đốc Dự án do Nhà Thầu chỉ định, Chỉ huy trưởng, Quản lý An toàn và Kỹ sư Điều phối Cơ Điện) phải được có mặt trên Công trường trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày phê duyệt bởi Chủ Đầu Tư.

**Add new Sub-Clauses 6.12, 6.13, 6.14, 6.15 and 6.16 as follows:**

**Thêm mới Khoản 6.12, 6.13, 6.14, 6.15 và 6.16 như sau:**

**Sub-Clause 6.12 Foreign Staff and Labour**

**Khoản 6.12 Nhân viên và Lao động nước ngoài**

Subject to the Laws of Vietnam, the Contractor may import any personnel who are necessary for the execution of the Works. The Contractor must ensure that these personnel have obtained the required visas and work permits before they start work. The Contractor shall be responsible for the return of the personnel to the place where they were recruited or to their domicile if imported personnel. In the event of the death in the Country of any of these personnel or members of their families, the Contractor shall similarly be responsible for making the appropriate arrangements for their return or burial.

Căn cứ theo các qui định của Luật Việt Nam, Nhà thầu có thể thuê bất kỳ lao động nước ngoài nào cần thiết để thi công Công trình. Nhà thầu phải đảm bảo rằng những người này phải được cấp thị thực và giấy phép lao động theo quy định trước khi bắt đầu làm việc. Nhà thầu chịu trách nhiệm trả nhân viên về nơi mà họ đã được tuyển dụng hoặc nơi họ cư trú đối với nhân viên được thuê từ nước ngoài. Khi xảy ra thiệt hại về tính mạng của bất kỳ nhân viên hoặc thân nhân nào của họ tại Nước sở tại, Nhà thầu cũng sẽ chịu trách nhiệm trong việc sắp xếp các thủ tục phù hợp để đưa họ về hoặc an táng.

**Sub-Clause 6.13 Measures against Insect and Pest Nuisance**

**Khoản 6.13 Xử lý Côn trùng và Loài gây hại**

The Contractor shall at all times take the necessary precautions to protect all staff and labour employed on the Site from insect and pest nuisance, and to reduce their danger to health. The Contractor shall provide suitable prophylactics for the Contractor’s Personnel and shall comply with all the regulations of the local health authorities, including use of appropriate insecticide.

Nhà thầu phải luôn thực hiện các biện pháp đề phòng cần thiết để bảo vệ nhân viên và người lao động được thuê tại Công trường tránh khỏi côn trùng và loài gây hại, và hạn chế những tác hại đến sức khỏe. Nhà thầu phải đưa ra các phương pháp phòng bệnh hợp lý đối với Nhân viên của Nhà thầu và phải tuân theo tất cả các qui định của các cơ quan chức năng về y tế tại địa phương bao gồm việc sử dụng các thuốc diệt côn trùng phù hợp.

**Sub-Clause 6.14 Alcoholic Liquor or Drugs**

**Khoản 6.14 Chất lỏng hoặc chất gây nghiện có cồn**

The Contractor shall not, otherwise than in accordance with the Laws of the Country, import, sell, give, barter or otherwise dispose of any alcoholic liquor or drugs, or permit or allow importation, sale, gift, barter or disposal by Contractor's Personnel.

Nhà thầu phải không, trừ khi được quy định khác trong Luật của Nước sở tại, nhập khẩu hoặc bán, cho, trao đổi hoặc sử dụng bất cứ chất lỏng hoặc chất gây nghiện có cồn nào, hoặc cho phép việc nhập khẩu, bán, tặng quà, trao đổi hoặc sử dụng bởi Nhân lực của Nhà thầu.

**Sub-Clause 6.15 Arms and Ammunition**

**Khoản 6.15 Vũ khí và Đạn dược**

The Contractor shall not give, barter or otherwise dispose of to any person, any arms or ammunition of any kind, or allow Contractor's Personnel to do so.

Nhà thầu phải không được cho, trao đổi hoặc sử dụng với bất cứ người nào, bất cứ vũ khí hoặc đạn dược dưới bất cứ hình thức nào, hoặc cho phép Nhân lực của Nhà thầu làm vậy.

**Sub-Clause 6.16 Festivals and Religious Customs**

**Khoản 6.16 Lễ hội và Phong tục Tôn giáo**

The Contractor shall respect the Country’s recognized festivals, days of rest and religious or other customs.

Nhà thầu tôn trọng các lễ hội được công nhận của Nước sở tại, các ngày nghỉ và phong tục tôn giáo hay tập quán khác.

### CLAUSE 7 PLANT, MATERIALS AND WORKMANSHIP

### ĐIỀU 7 THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH, VẬT LIỆU VÀ TAY NGHỀ

**Sub-Clause 7.1 Manner of Execution**

Khoản 7.1 Cách thức thực hiện

DELETE the phrase “recognized good practice” in Point (b) by “Best Industry Practice as defined in Sub-Clause 5.3 above”.

BỎ cụm “phương thức được công nhận tốt nhất” tại điểm (b) bằng “Thông Lệ Tốt Nhất Trong Ngành quy định tại Khoản 5.3 ở trên”.

For the purpose of this Contract, Best Industry Practice means currently recognized best practice, policies, methods and acts that, with the exercise of that degree of skill, care, diligence, prudence, operating practice and foresight to be expected from an experienced and competent designers and constructors under conditions comparable to those applicable to the Works.

Cho mục đích của Hợp đồng này, Thông Lệ Tốt Nhất Trong Ngành nghĩa là thông lệ tốt nhất được công nhận và được chứng minh vào thời điểm hiện tại, các chính sách, phương pháp và hành động mà mức độ cẩn trọng, quan tâm, nỗ lực, cách thức hành nghề và dự đoán được mong đợi từ một nhà thầu và đơn vị thiết kế có kinh nghiệm và đủ năng lực trong điều kiện hành nghề tương tự áp dụng đối với Công trình.

**Sub-Clause 7.2 Samples**

**Khoản 7.2 Mẫu thử**

DELETE the whole of Sub-Clause 7.2 and SUBSTITUTE with the following:

BỎ toàn bộ Khoản 7.2 và THAY THẾ như sau:

The Contractor shall submit samples of Materials, and relevant information for the Construction Supervisor 's consent as and when required by the Construction Supervisor, prior to using the Materials in or for the Works. The samples must be submitted in ample time for the Construction Supervisor 's review prior to quantity fabrication or, in the case of manufactured items, prior to placing purchase orders.

Nhà Thầu phải đệ trình các mẫu Vật liệu, và các thông tin liên quan để Tư Vấn Giám Sát đồng ý khi được yêu cầu bởi Tư Vấn Giám Sát, trước khi sử dụng Vật liệu đó trong hoặc cho Công trình. Mẫu phải được đệ trình đủ sớm để Tư Vấn Giám Sát xem xét trước khi sản xuất theo số lượng hoặc, trong trường hợp các hạng mục được gia công, trước khi đặt hàng.

Samples of Materials shall be submitted with descriptive labels and/or application or installation instructions intact and legible and properly labelled/tagged to identify the material type, reference, manufacturer/supplier and country of origin.

Mẫu Vật liệu phải được đệ trình với các nhãn mô tả và/hoặc các hướng dẫn ứng dụng hoặc lắp đặt còn nguyên và hợp lệ và dán nhãn / đánh dấu đúng đắn để xác định loại vật liệu, thông tin tham khảo, nhà sản xuất / nhà cung cấp và nước xuất xứ.

Where variations in texture, colour, grain or other characteristics are inherent and anticipated in the samples submitted, a sufficient quantity shall be provided to indicate the full range of characteristics which will be present.

Khi sự khác biệt trong vân, màu, bề mặt hoặc các đặc tính khác là vĩnh viễn và có thể được thấy trước trong các mẫu đệ trình, một số lượng đủ nhiều phải được cung cấp để thể hiện đầy đủ khoảng khác biệt các đặc tính có thể xuất hiện.

The Contractor shall accompany each transmittal of samples with a transmittal listing the sample data for each sample and referencing each sample to the appropriate Drawing or Specification section and clause.

Nhà Thầu phải đính kèm trong mỗi lần nộp mẫu một biên nhận liệt kê các thông số mẫu cho mỗi mẫu và tham chiếu mỗi mẫu tới phần hoặc mục phù hợp của Bản vẽ hoặc Chỉ dẫn Kỹ thuật.

Acceptance of any sample shall be only for characteristics or for uses named in such acceptance and for no other. Acceptance of a sample shall not be taken to change or modify any requirement of the Contract. Once a Material has been accepted, no further change in brand or make will be permitted.

Việc chấp thuận bất cứ mẫu nào chỉ áp dụng cho các đặc tính hoặc cho việc sử dụng được nêu rõ trong việc chấp thuận đó và không áp dụng cho các mục đích khác. Việc chấp thuận một mẫu không được xem như là thay đổi hoặc chỉnh sửa bất cứ yêu cầu nào của Hợp đồng. Một khi Vật liệu đã được phê duyệt, không có việc thay đổi về nhãn hiệu hoặc nhà sản xuất được cho phép.

The Contractor shall execute samples of workmanship and prototypes for the Construction Supervisor as and when required by the Construction Supervisor. The Contractor shall obtain the Construction Supervisor's approval of the respective samples of workmanship and prototypes before proceeding with the execution of the applicable part of the Works.

Nhà Thầu phải thực hiện các mẫu tay nghề và mô hình cho Tư Vấn Giám Sát khi được yêu cầu. Nhà Thầu phải đạt được sự phê chuẩn của Tư Vấn Giám Sát đối với các mẫu tay nghề và mô hình tương ứng trước khi tiến hành thực hiện thực tế các phần của Công trình.

The Contractor shall plan coordinate and execute mock-ups which may be out of sequence of the Master Programme as directed by the Construction Supervisor for the purposes of "bench-marking" qualitative targets for each and every works trade. The Contractor shall allow for early procurement, delivery and construction of materials and components for this purpose. These may subsequently form part of the completed Works unless damaged by the Contractor and deemed not fit for use at the sole discretion of the Construction Supervisor. The Contractor shall be wholly responsible for protecting and securing completed mock-ups and provide access to the Employer and/or Construction Supervisor at all times.

Nhà Thầu phải lập kế hoạch phối hợp và thực hiện các mô hình mẫu mà có thể không nằm trong quy trình của Tiến độ Tổng thể như được chỉ thị bởi Tư Vấn Giám Sát để phục vụ mục đích thiết lập mục tiêu chất lượng “mốc chuẩn” cho mỗi và tất cả các hạng mục công việc. Nhà Thầu phải dự trù cho việc đặt hàng, vận chuyển và xây dựng sớm các vật liệu và thành phần cho mục đích này. Các phần này trở thành cấu thành bộ phận của công việc được hoàn thành trừ khi bị làm hư hại bởi Nhà Thầu và được xem là không phù hợp để sử dụng theo quyết định của Tư Vấn Giám Sát. Nhà Thầu sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm để bảo vệ và đảm bảo các mô hình mẫu đã hoàn thành và cung cấp lối vào cho Chủ Đầu Tư và/hoặc Tư Vấn Giám Sát tại bất cứ thời điểm nào.

The mock-ups shall be used by the Construction Supervisor in assessment of defects and this decision shall be final as to acceptance or rejection of the Works.

Mô hình mẫu phải được sử dụng bởi Tư Vấn Giám Sát trong việc đánh giá sai sót và quyết định này sẽ là cuối cùng liên quan đến việc chấp thuận hay từ chối công việc này.

The finished Works shall correspond to the approved samples of materials, workmanship and prototypes. The Construction Supervisor in his sole discretion may return certain samples for use in the Works. These shall be installed in good condition and suitably marked for identification. Such samples and any packing are to be provided at the expense of the Contractor for the use of the Construction Supervisor and are to be displayed in a sample room.

Các Công trình được hoàn thành sẽ đáp ứng theo các mẫu được phê duyệt của vật liệu, tay nghề và mô hình. Tư Vấn Giám Sát với toàn quyền quyết định có thể trả lại các mẫu nhất định để sử dụng trong Công trình. Các mẫu phải được lắp đặt trong điều kiện tốt và được đánh dấu phù hợp để có thể xác định được. Những mẫu đó và bất cứ việc đóng gói nào phải được cung cấp bằng chi phí của Nhà Thầu để Tư Vấn Giám Sát sử dụng và sẽ được đặt trong phòng mẫu.

**Sub-Clause 7.3 Inspection**

**Khoản 7.3 Kiểm định**

DELETE the first paragraph and SUBSTITUTE with the following:

BỎ đoạn thứ nhất và THAY THẾ như sau:

The Employer and any other person authorized by it shall at all reasonable times:

Chủ Đầu Tư và bất kỳ người được ủy quyền nào khác của họ trong mọi thời điểm thích hợp phải:

1. have full access to the Site and to all workshops and places where Materials and Plant are being manufactured, fabricated or prepared for the Works and the Contractor shall give every assistance in obtaining the right for such access at no cost to the Employer.

sẽ được quyền ra vào tất cả các nơi trên Công trường và mọi phân xưởng và các nơi sản xuất, chế tạo hoặc chuẩn bị Vật liệu và Thiết bị cho Công trình và Nhà Thầu sẽ phải hết sức hỗ trợ để có được quyền ra vào đó cho Chủ Đầu Tư mà Chủ Đầu Tư không phải chịu phát sinh chi phí nào.

1. during production, manufacture and construction (at the Site and elsewhere), be entitled to examine, inspect, measure and test the Materials and workmanship, and to check the progress of manufacture of the Plant and production and manufacture of the Materials.

trong quá trình sản xuất, gia công và xây dựng (tại Công trường hoặc các nơi khác), có quyền xem xét, kiểm định, đo lường và kiểm tra vật liệu và tay nghề nhân công, và kiểm tra tiến độ gia công của Thiết bị và tiến độ sản xuất và gia công Vật liệu.

The Contractor shall give the Employer and any other person authorized by it full opportunity to carry out these activities, including providing access, facilities, permissions and safety equipment. No such activity shall relieve the Contractor from any obligation or responsibility.

Nhà Thầu phải cung cấp cho Chủ Đầu Tư và bất cứ người nào khác được ủy quyền đầy đủ cơ hội để thực hiện các hoạt động này, bao gồm cả việc cung cấp lối tiếp cận, tiện ích, cấp phép và thiết bị an toàn. Các hành động này không giải phóng Nhà Thầu khỏi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào.

DELETE the last paragraph and SUBSTITUTE with the following:

BỎ đoạn cuối cùng và THAY THẾ như sau:

**Covering and Uncovering of Work**

**Công trình Phủ lấp và Chưa Phủ lấp**

No work shall be covered up or put out of view without the prior approval of the Construction Supervisor and the Contractor shall afford full opportunity for the Construction Supervisor to examine any work which is about to be covered up or put out of view and to examine before following works are placed on thereon.

Nếu không được Tư Vấn Giám Sát chấp thuận trước, không có công việc nào bị phủ lấp hoặc che đậy không nhìn thấy được nữa và Nhà Thầu sẽ tạo cơ hội để Tư Vấn Giám Sát kiểm tra bất cứ công việc nào sẽ bị phủ lấp hoặc che đậy không nhìn thấy được nữa và kiểm tra trước khi công việc tiếp theo được thi công lên bên trên công việc đó.

The Construction Supervisor may instruct the Contractor to uncover part of the Works or to make openings. If any such parts are found to be executed in accordance with the Contract, and the Contractor suffers delay and/or incurs Cost as a result of such instruction, the Contractor shall give notice to the Construction Supervisor. After receiving this notice from the Contractor, the Construction Supervisor shall proceed in accordance with Sub-Clause 3.5 [Determinations] to determine these matters and submit the same to the Employer’s for final approval and decision provided that the Contractor shall have no entitlement to payment of Cost or extension of time if:

Tư Vấn Giám Sát có thể sẽ yêu cầu Nhà Thầu tháo lớp che phủ hoặc phần của Công trình hoặc sẽ tạo các lỗ mở. Nếu có bất cứ phần công việc nào được phát hiện đã thực hiện đúng như Hợp đồng và Nhà Thầu bị trì hoãn và/hoặc phát sinh Chi phí do yêu cầu này, Nhà Thầu sẽ thông báo cho Tư Vấn Giám Sát. Sau khi nhận được thông báo này từ Nhà Thầu, Tư Vấn Giám Sát sẽ tiến hành theo Khoản 3.5 [Quyết định] để xác định các vấn đề này và đệ trình báo cáo cho Chủ Đầu Tư để chấp thuận và phê duyệt cuối cùng với điều kiện Nhà Thầu sẽ không có quyền nhận được thanh toán Chi phí hoặc gia hạn thời gian hoàn thành nếu:

1. the work that was required to be opened for inspection was not inspected by the Construction Supervisor prior to being enclosed as the result of the failure of the Contractor to give proper notice to the Construction Supervisor prior to enclosure of the work; or

công việc được yêu cầu mở ra để kiểm tra đã không được kiểm tra bởi Tư Vấn Giám Sát trước khi được phủ lấp do Nhà Thầu đã không thực hiện đúng các thủ tục thông báo hợp lý cho Tư Vấn Giám Sát trước khi phủ lấp công việc đó; hoặc

1. the Contractor is unable to provide sufficient documentation regarding the results of inspections or tests of the work carried out prior to its being enclosed; or

Nhà Thầu không thể cung cấp đầy đủ hồ sơ về kết quả kiểm tra hoặc thử công việc được tiến hành trước khi nó được phủ lấp; hoặc

1. The part of the Works needed to be uncovered either in part or completely for access for additional works.

Phần của Công trình đó sẽ cần thiết phải được tháo lớp che phủ một phần hoặc là toàn bộ để tiến hành các công việc bổ sung.

Should any one of these above mentioned circumstances apply then all costs in connection with such instruction given by the Construction Supervisor shall be borne by the Contractor.

Nếu bất cứ tình huống nào phát sinh như đề cập ở trên thì tất cả các chi phí liên quan đến chỉ thị nói trên của Tư Vấn Giám Sát sẽ được chịu bởi Nhà Thầu.

###### **Sub-Clause 7.4 Testing**

**Khoản 7.4 Thử nghiệm**

DELETE sub-paragraph (b) of fifth paragraph.

BỎ mục (b) của đoạn thứ năm.

DELETE seventh paragraph and SUBSTITUTE with the following:

BỎ đoạn thứ bảy và THAY THẾ như sau:

The Contractor shall provide a fully detailed testing and commissioning schedule to the Construction Supervisor on his request from time to time which shall be updated in accordance with the programme. The Contractor shall advise the Construction Supervisor of the time and place and nature for the inspecting or testing of any Material or Plant as provided in the Specifications not less than five (05) days in advance in case of off-Site tests and not less than two (02) days in advance in the case of on-Site tests. The Contractor shall forthwith forward to the Construction Supervisor duly certified copies of the testing results within a reasonable period of the tests being carried out. Any re-tests shall be conducted upon the instruction of the Construction Supervisor.

Nhà Thầu phải cung cấp đầy đủ kế hoạch kiểm tra và kiểm định chi tiết cho Tư Vấn Giám Sát theo yêu cầu tại từng thời điểm, mà kế hoạch này phải được cập nhật đúng theo Tiến độ Tổng thể. Nhà Thầu phải hướng dẫn chi tiết cho Tư Vấn Giám Sát về thời gian, địa điểm và tính chất của việc kiểm tra hay kiểm định về bất cứ Vật liệu hoặc Thiết bị như được yêu cầu trong các Chỉ dẫn Kỹ thuật trước đó không ít hơn năm (05) ngày cho các kiểm định

phạm vi ngoài Công trường và không ít hơn hai (02) ngày cho các kiểm định trên Công trường. Nhà Thầu sẽ ngay lập tức giao cho Tư Vấn Giám Sát đầy đủ các bản sao có chứng nhận của kết quả kiểm định trong khoảng thời gian hợp lý sau khi các kiểm định được tiến hành mà các kết quả này sẽ được chấp nhận là chính xác, trừ trường hợp có sai sót rõ ràng như theo quyết định của riêng Tư Vấn Giám Sát. Bất kỳ việc kiểm định lại nào sẽ phải được thực hiện theo chỉ dẫn của Tư Vấn Giám Sát.

###### **Sub-Clause 7.5 Rejection**

**Khoản 7.5 Từ chối**

INSERT the following paragraph at the end of Sub-Clause 7.5:

THÊM đoạn sau vào cuối Khoản 7.5:

All reasonable costs including the Employer’s and the Construction Supervisor’s reasonable costs in conjunction with re-testing of Materials or Plant that were rightfully rejected, shall be borne by the Contractor.

Tất cả các chi phí hợp lý bao gồm chi phí hợp lý của Chủ Đầu Tư và Tư Vấn Giám Sát liên quan đến việc thử lại Vật liệu hay Thiết bị đã bị từ chối trước đó, sẽ cho Nhà Thầu chịu.

###### **Sub-Clause 7.6 Remedial Work**

**Khoản 7.6 Công tác sửa chữa**

REPLACE the word “Engineer” in the first sentence of the first paragraph BY “Employer”.

THAY THẾ từ “Nhà Tư Vấn” trong câu đầu tiên của đoạn đầu tiên bằng từ “Chủ Đầu Tư”.

At the end of Sub-Clause 7.6, add the following paragraph:

Ở cuối Khoản 7.6, thêm vào như sau:

The Employer may but shall not be bound to accept any defective Plant, Materials or work un-remedied, in which event the Contract Price shall be reduced to reflect the loss of value of the Works to the Employer or any savings in cost to the Contractor in not having to rectify the defective Plant, Materials or work whichever is greater. The Construction Supervisor shall proceed in accordance with Sub-Clause 3.5 [*Determinations*] to agree or determine such adjustment.

Chủ Đầu Tư có thể nhưng không bắt buộc phải chấp nhận bất kỳ thiết bị, vật tư hay công việc bị sai sót chưa được khắc phục, trong trường hợp đó Giá Trị Hợp đồng sẽ bị khấu trừ đi phần giá trị bị mất đi đối với Chủ đầu tư của hạng mục làm sai sót hoặc phần giá trị tiết kiệm được của Nhà thầu do không sửa chữa các thiết bị và vật liệu hay công việc sai sót, tùy theo giá trị nào lớn hơn. Tư Vấn Giám Sát sẽ tiến hành theo như Khoản 3.5 [Quyết định] để chấp thuận hoặc chấm dứt các điều chỉnh này.

###### **Sub-Clause 7.8 Royalties**

**Khoản 7.8 Chi phí khai thác**

Insert “or the Schedules” after “Employer’s Requirements” in line 1 of first paragraph.

Thêm "hoặc các Bản danh mục" sau "Yêu cầu của Chủ đầu tư" ở dòng 1 của đoạn thứ nhất.

Insert at the end of this Sub-Clause 7.8:

Thêm vào cuối Khoản 7.8:

The Contractor shall also be liable for all payments or compensation, if any, levied in relation to the dumping of part or all of such materials, waste piles, debris and hazardous waste.

Nhà thầu phải chịu mọi trách nhiệm thanh toán và bồi thường, nếu có, phát sinh liên quan đến việc xả rác bất cứ phần nào hay toàn bộ nguyên vật liệu, rác thải, rác và chất thải độc hại.

###### **Sub-Clause 7.9 Import Taxes, Duties, Etc. of Imported Plant and Materials**

**Khoản 7.9 Thuế nhập khẩu, thuế của Thiết Bị Công trình và Vật Liệu Nhập khẩu**

Add new Sub-Clause 7.9

Thêm mới Khoản 7.9

Without prejudice to Sub-Clause 14.1 *[The Contract Price]*, the Contractor shall be responsible for all import Taxes, administrative and approval charges for imported Plant and Materials or the like.

Không ảnh hưởng đến Khoản 14.1 *[Giá Hợp đồng]*, Nhà thầu chịu trách nhiệm về tất cả các Thuế nhập khẩu, phí hành chính và phí phê duyệt liên quan đến các Thiết Bị Công trình và Vật Liệu Nhập khẩu hoặc tương tự.

### CLAUSE 8 COMMENCEMENT, DELAYS AND SUSPENSION

### ĐIỀU 8 BẮT ĐẦU CÔNG VIỆC, CHẬM TRỄ VÀ TẠM NGỪNG CÔNG VIỆC

###### **Sub-clause 8.1 Commencement of Work**

**Khoản 8.1 Bắt đầu Công việc**

DELETE the first paragraph and SUBSTITUTE with the following:

BỎ đoạn thứ nhất và THAY THẾ như sau:

The Commencement Date will be the date which the Contractor obtain the Temporary Construction Permit and shall be the date identified as such in the Letter of Acceptance but no later than 05-January-2022.

Ngày Bắt đầu công việc của Hợp đồng là ngày mà Nhà thầu sẽ xin được Giấy phép thi công tạm và sẽ được tham chiếu theo Thư Chấp thuận nhưng không muộn hơn ngày 05 tháng 01 năm 2022.

###### **Sub-Clause 8.2 Time for Completion**

**Khoản 8.2 Thời gian hoàn thành**

Insert the following paragraph at the end of this Sub-Clause:

Thêm đoạn sau vào cuối Khoản này:

The Time for Completion for the whole of the Works shall be 192 calendar days from the Commencement Date for whole of the Works including weekends, public holidays and inclement weather. This Completion Date is deemed as Practical Completion Date.

Thời gian Hoàn thành cho toàn bộ Công trình là 192 ngày kể từ Ngày Bắt đầu cho tất cả Công việc kể cả ngày cuối tuần, ngày lễ và những ngày bị thời tiết khắc nghiệt. Ngày Hoàn thành này được coi là Ngày Hoàn thành Thực tế.

###### **Sub-Clause 8.3 Programme**

**Khoản 8.3 Kế hoạch thực hiện**

NSERT the following after the first paragraph:

THÊM đoạn sau vào trước đoạn thứ nhất:

Each programme shall be in an approved format and based on Primavera or MS Project Software. The programme must indicate percentage complete for each activity as well as the critical path, in a form to be approved by the Construction Supervisor or Employer. No alternation to these programme may be made by the Contractor without prior consent by the Employer.

Nhà Thầu phải đệ trình một Kế hoạch thực hiện chi tiết (trong khung thời gian nêu ở trên) theo một định dạng được phê duyệt nhưng dựa trên phần mềm MS Project hoặc Primavera. Kế hoạch thực hiện phải thể hiện tỷ lệ phần trăm hoàn thành của mỗi hoạt động cũng như tiến độ đường găng theo mẫu được Tư Vấn Giám Sát hoặc Chủ Đầu Tư phê duyệt. Không có bất kỳ thay đổi nào đối với kế hoạch được Nhà Thầu thực hiện mà không có ý kiến đồng ý trước của Chủ Đầu Tư.

REPLACE the words "28 days" in line 1 of the first paragraph with the words "14 days".

THAY THẾ từ “28 ngày” ở dòng đầu tiên đoạn thứ nhất với từ “14 ngày”.

###### **Sub-Clause 8.4 Extension of Time for Completion**

**Khoản 8.4 Gia hạn Thời gian hoàn thành**

DELETE the sub-paragraphs (b), (c) and (d) of the first paragraph of this Sub-Clause.

BỎ mục (b), (c) và mục (d) của đoạn thứ nhất của Khoản này.

DELETE the sub-paragraph 2 and REPLACE by the following:

BỎ đoạn thứ 2 và THAY THẾ bằng nội dung sau:

If the Contractor considers himself to be entitled to an extension of the Time for the Completion, the Contractor shall give notice to the Employer for the Employer’s consideration.

Trường hợp Nhà thầu nhận thấy được quyền gia hạn Thời gian Hoàn thành, Nhà thầu sẽ gởi thông báo cho Chủ Đầu Tư để Chủ Đầu Tư xem xét.

INSERT the following paragraph at the end of the Sub-Clause 8.4:

THÊM đoạn sau vào cuối Khoản 8.4:

A Variation does not necessarily entitle the Contractor to an extension of the Time for Completion. A claim for an extension of the Time for Completion will not in itself entitle the Contractor to any additional costs unless they are related to an approved Variation.

Mỗi thay đổi công việc không nhất thiết cho phép Nhà Thầu được nhận gia hạn Thời gian Hoàn thành. Yêu cầu gia hạn Thời gian Hoàn thành sẽ không tự nó cho phép Nhà Thầu nhận thêm bất cứ chi phí nào trừ khi có liên quan đến một Thay đổi đã được phê duyệt.

The Contractor shall not be entitled to any extension of the Time for Completion for any delay caused by weather conditions, whether Unforeseeable or not. Risk of weather is included in the Contractor's programme.

Nhà Thầu không có quyền nhận bất cứ gia hạn Thời gian Hoàn thành nào cho các chậm trễ do bởi điều kiện thời tiết, cho dù có thể lường trước hay không. Rủi ro về thời tiết phải được bao gồm trong tiến độ công việc của Nhà Thầu.

In case of pandemic that Contractor must supped the Works by the laws or by the requirements from the competent authorities for safety reason, then the Parties will consider and agree on the extension for the Works. This event is not considered as an event for any Variation of the Works and/or additional cost.

Trong trường hợp có đại dịch khiến Nhà thầu phải dừng Công trình theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền vì lý do an toàn, thì Các Bên sẽ xem xét và thỏa thuận gia hạn Thời gian hoàn thành. Trường hợp này không được xem là tình huống dẫn đến Công việc phát sinh/ *và/hoặc phát sinh chi phí*.

The Contractor is liable, at the Contractor’s cost to assist the Employer to obtain the permits to carry out the Works to be issued by the relevant authorities.

Nhà thầu chịu trách nhiệm, bằng chi phí của Nhà thầu hỗ trợ Chủ Đầu Tư để xin cấp giấy phép thi công Công trình do cơ quan có thẩm quyền cấp.

.

###### **Sub-Clause 8.6 Rate of progress**

**Khoản mục 8.6 Tiến độ thực hiện**

At the end of Sub-Clause 8.6, ADD the following paragraph:

Cuối khoản mục 8.6, THÊM vào đoạn sau:

If the Contractor fails or refuses to comply with any the Construction Supervisor’s instruction as stated and the second and third paragraph, the Employer may, after two (02) notices from the Construction Supervisor to the Contractor requiring such compliance, carry out or employ other contractors to do so. All costs incurred shall be recoverable by the Employer against the Contractor by way of deductions from the Interim Payment Certificate and Contract Price.

Nếu Nhà Thầu không hoặc từ chối tuân theo bất kỳ chỉ thị nào của Tư Vấn Giám Sát như đã nêu trong đoạn thứ hai và thứ 3, Chủ Đầu Tư có thể, sau hai (02) thông báo từ Tư Vấn Giám Sát cho Nhà Thầu yêu cầu các tuân thủ đó, tiến hành hoặc thuê các Nhà Thầu khác thực hiện. Tất cả các chi phí phát sinh sẽ được Chủ Đầu Tư thu hồi bằng cách trừ vào các Chứng chỉ Thanh toán Tạm thời và Giá Hợp đồng.

###### **Sub-Clause 8.7 Delay Damages**

**Khoản 8.7 Thiệt hại do chậm trễ**

DELETE the whole of Sub-Clause 8.7 and SUBSTITUTE with the following:

BỎ toàn bộ Khoản 8.7 và THAY THẾ như sau:

If the Contractor fails to comply with Sub-Clause 8.2 [*Time for Completion*], the Contractor shall pay the Employer:

1. The delay penalties shall be 0.1% of the Accepted Contract Amount (excluding Value Added Tax) for every delayed day for the period from the Time for Completion provided in Sub-clause 8.2 of the Conditions of the Contract until the date stated in the Taking-Over Certificate for the Work with maximum penalties being 8% of the Accepted Contract Amount (excluding Value Added Tax) or 8% of value of all the Works done stated in the Final Statement, excluding Value Added Tax, whichever is higher; and
2. the actual and proven damages sufferred by the Employer due to the delay.

Nếu Nhà Thầu không tuân thủ theo Khoản 8.2 [Thời gian Hoàn thành], thì Nhà Thầu phải thanh toán cho Chủ Đầu Tư:

1. mức phạt do chậm trễ là 0,1% Giá Trị Hợp Đồng Được Chấp Thuận (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) cho mỗi ngày chậm trễ cho giai đoạn từ Thời gian Hoàn thành quy định tại Khoản 8.2 của Điều kiện Hợp đồng đến ngày ghi trong Chứng chỉ Nghiệm thu cho Công trình với mức phạt tối đa bằng 8% của Giá Trị Hợp Đồng Được Chấp Thuận (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) hoặc 8% của giá trị Công việc hoàn thành trong Hồ sơ Quyết toán, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), tùy theo giá trị nào cao hơn; và
2. Thiệt hại trực tiếp và chứng minh được mà Chủ Đầu Tư phải gánh chịu do sự chậm trễ.

These delay damages shall not in any way prejudice, invalidate or nullify the Employer’s claim under the Sub-Clause 2.5 [Employer’s Claims] with regards to the Contractor’s failure to comply with Sub-Clause 8.2 [Time for Completion].

Các thiệt hại do chậm trễ này sẽ không, trên bất cứ khía cạnh nào, gây thiệt hại, vô hiệu hoặc vô hiệu hóa các khiếu nại của Chủ Đầu Tư theo Khoản 2.5 [Khiếu nại của Chủ Đầu Tư] liên quan đến việc Nhà Thầu không tuân thủ theo Khoản 8.2 [Thời gian Hoàn thành].

Imposition of delay damages shall not relieve the Contractor from his obligation to complete the Works, or from any other duties, obligations or responsibilities under the Contract.

Việc áp dụng các thiệt hại do chậm trễ này không giải phóng Nhà Thầu khỏi nghĩa vụ của Nhà Thầu phải hoàn thành Công trình, hoặc đối với bất cứ trách nhiệm, bổn phận hoặc nghĩa vụ nào của Nhà Thầu theo như Hợp đồng này.

If the Contractor fails to complete the whole of the Works or any Section or part of the Works by the relevant Time for Completion and the completion of the Works thereafter is or will be delayed by any of the causes set out in Sub-Clause 8.4 (a), the Employer’s right to delay damages shall not be affected thereby but subject to compliance by the Contractor with Sub-Clause 20.1 [Contractor’s Claim], the Construction Supervisor shall determine the extension of time pursuant to Sub-Clause 20.1 [Contractor’s Claim]. Such extension of time (if any) shall be added to the Time for Completion of the Works (or of the relevant Section or part).

Nếu Nhà Thầu không hoàn tất toàn bộ Công trình hoặc bất cứ Hạng mục hoặc một phần của Công trình trong Thời gian Hoàn thành có liên quan và việc hoàn thành Công trình sau đó bị hoặc sẽ bị trì hoãn do bất cứ lý do nào đề ra trong Khoản 8.4 (a), thì quyền của Chủ Đầu Tư cho các thiệt hại do chậm trễ sẽ không bị ảnh hưởng nhưng tùy thuộc vào sự tuân thủ của Nhà Thầu đối với Khoản 20.1 [Khiếu nại của Nhà Thầu], Tư Vấn Giám Sát sẽ quyết định mức gia hạn thời gian theo như Khoản 20.1 [Khiếu nại của Nhà Thầu]. Mức gia hạn thời gian này (nếu có) sẽ được thêm vào Thời gian Hoàn thành của Công trình (hoặc của Hạng mục hay phần việc liên quan).

INSERT the following at the end of the last paragraph of this Sub-Clause:

THÊM nội dung sau tại đoạn cuối cùng của Điều khoản này:

“Beside of the delay damages as regulated above, the Contractor will put down a deposit with amount of 650,000usd in Joint Bank Account between the Employer and General Contractor decided by the Employer and accepted by both parties. If the Contractor failed to get any of the Temporary Construction Permit before 05th January 2022 or Permanent Construction Permit before 15th March 2022, the Employer will have the right to terminate the contract and confiscate the deposit. If the Contractor successfully starts work and obtains permanent construction permit on time, the Employer will return the deposit to the Contractor after that.

Nhà thầu sẽ đặt cọc với số tiền 650.000usd vào một Tài khoản Ngân hàng độc lập do Chủ đầu tư quyết định và được hai bên chấp nhận. Nếu Nhà thầu không nhận được bất kỳ Giấy phép Xây dựng Tạm thời nào trước ngày 05 tháng 1 năm 2022 hoặc Giấy phép Xây dựng vĩnh viễn trước ngày 15 tháng 3 năm 2022, Chủ đầu tư sẽ có quyền chấm dứt hợp đồng và tịch thu tiền đặt cọc. Nếu Nhà thầu khởi công thành công và nhận được giấy phép xây dựng chính đúng thời hạn, Chủ đầu tư sẽ trả lại tiền đặt cọc cho Nhà thầu sau đó”

###### **Sub-Clause 8.9 Consequences of Suspension**

**Khoản 8.9 Hậu quả việc tạm dừng**

DELETE the sub-paragraphs (b) of the first paragraph of this Sub-Clause.

BỎ mục (b) của đoạn thứ nhất của Khoản này.

INSERT the following at the end of the last paragraph of this Sub-Clause: “or for any other failure of the Contractor to comply with its obligations under this Contract”.

BỔ SUNG nội dung sau tại đoạn cuối cùng của Khoản này” “hoặc do bởi việc Nhà Thầu không thực hiện nghĩa vụ của mình quy định tại Hợp Đồng này”.

DELETE the whole of Sub-Clause 8.10

BỎ toàn bộ Khoản 8.10

### CLAUSE 9 TESTS ON COMPLETION

### ĐIỀU 9 THỬ NGHIỆM KHI HOÀN THÀNH

DELETE the clause heading “TESTS ON COMPLETION” and SUBSTITUTE with “TESTS ON COMPLETION AND PRE-COMPLETION INSPECTION”.

BỎ Khoản có tiêu đề “THỬ NGHIỆM KHI HOÀN THÀNH” và THAY THẾ bằng “THỬ NGHIỆM KHI HOÀN THÀNH VÀ KIỂM ĐỊNH TRƯỚC KHI HOÀN THÀNH”

###### **Sub-Clause 9.1 Contractor’s Obligations**

**Khoản 9.1 Nghĩa vụ của Nhà Thầu**

INSERT the following paragraph at the end of Sub-Clause 9.1:

THÊM đoạn sau vào cuối Khoản 9.1:

The as-built drawings and the operation and maintenance manuals and as-built drawings for the whole or section (as the case may be) of the Works shall be provided to the Construction Supervisor within one (01) month before issuance of Taking-Over Certificate of the whole or section (as the case may be) of the Works.

Bản vẽ Hoàn công và các Tài liệu Hướng dẫn Vận hành và Bảo trì và Bản vẽ Lắp đặt cho toàn bộ hoặc từng Hạng mục (tuỳ theo trường hợp) Công trình sẽ được đệ trình cho Tư Vấn Giám Sát trong vòng một (01) tháng trước khi ban hành Chứng chỉ Nghiệm thu của toàn bộ hoặc từng Hạng mục (tuỳ theo trường hợp) Công trình.

###### **Sub-Clause 9.3 Retesting**

**Khoản 9.3 Thử nghiệm lại**

Add the following paragraphs at the end of this Sub-Clause:

Thêm các đoạn sau vào cuối Khoản này:

The cost of any test shall be borne by the Contractor if such a test is clearly intended by or provided for in the Contract and, in the cases only of a test under load or of a test to ascertain whether the design of any finished or partially finished work is appropriate for the purposes which it was intended to fulfill, is particularized in the Contract in sufficient detail to enable the Contractor to have priced or allowed for the same in the Contract Price. In any event, the cost of the transportation, meals, accommodation and any other fee for the attendance of the Construction Supervisor or any other third party whose attendance is requested by the Employer shall be borne by the Contractor.

Chi phí để tiến hành thử nghiệm sẽ do Nhà Thầu chịu nếu thử nghiệm đó được xác định và yêu cầu rõ trong Hợp đồng và, trong trường hợp một thử nghiệm năng lực chịu tải hoặc thử nghiệm để chắc chắn liệu thiết kế của bất cứ hạng mục đã hoàn thành toàn bộ hoặc một phần có phù hợp cho mục đích đảm bảo yêu cầu được đặt ra, được xác định rõ ràng trong Hợp đồng với đủ chi tiết để cho Nhà Thầu có thể bỏ giá hoặc đã dự phòng cho những công tác đó trong Giá Hợp đồng. Trong mọi trường hợp, chi phí đi lại, ăn ở hay bất cứ chi phí nào cho sự tham gia của Tư Vấn Giám Sát hay bên thứ ba nào khác tham dự theo yêu cầu của Chủ Đầu Tư sẽ do Nhà Thầu chịu.

Should any additional tests be required by the Construction Supervisor because the tests carried out demonstrate that the Works or any part thereof is not in accordance with the Contract, the costs of such tests, including those reasonable costs of the Construction Supervisor, the Employer or any other third party whose attendance is requested by the Employer, shall be borne by the Contractor.

Nếu Tư Vấn Giám Sát yêu cầu thêm bất kỳ thử nghiệm nào do các cuộc thử nghiệm trước đó cho thấy công việc hay bất kỳ phần nào của Công trình không đúng theo Hợp đồng, thì chi phí cho các cuộc thử nghiệm này bao gồm các chi phí hợp lý cho Tư Vấn Giám Sát, Chủ Đầu Tư hay bên thứ ba nào khác tham dự theo yêu cầu của Chủ Đầu Tư, sẽ do Nhà Thầu chịu.

The Contractor shall not be released from any liability or obligation under the Contract by reason of any such testing, inspection or witnessing of testing by the Construction Supervisor, the Employer or any third party.

Nhà Thầu sẽ không được miễn trách nhiệm pháp lý hay nghĩa vụ theo Hợp đồng vì lý do của bất cứ thử nghiệm, kiểm tra hoặc làm chứng thử nghiệm nào của Tư Vấn Giám Sát, Chủ Đầu Tư hoặc bất kỳ bên thứ ba nào.

###### **Sub-Clause 9.5 Pre-Completion Inspection**

**Khoản 9.5 Nghiệm thu trước khi hoàn thành**

Add new Sub-Clause 9.5:

Thêm mới Khoản 9.5:

In the Contract, "Pre-Completion Inspection" means the inspection required by this Sub-clause.

Trong Hợp đồng, “Kiểm định trước khi Hoàn thành” có nghĩa là việc kiểm định thực hiện theo Khoản này.

Prior to any application for the Taking-Over Certificate, the Contractor shall issue a written request for the Construction Supervisor or his authorised assistants to carry out a joint inspection of the Works with the Contractor. The written request shall be issued at least seven (07) days prior to the commencement of the said joint inspection.

Trước khi đệ trình xin Chứng chỉ Nghiệm thu, Nhà Thầu phải phát hành một văn bản cho Tư Vấn Giám Sát hoặc đại diện của Tư Vấn Giám Sát yêu cầu tiến hành một cuộc kiểm định chung Công trình cùng với Nhà Thầu. Văn bản yêu cầu này phải được phát hành ít nhất bảy (07) ngày trước khi bắt đầu cuộc kiểm định chung đó.

If during the course of the said joint inspection, the Construction Supervisor or his authorised representative is of the opinion that there is any item of work, Plant and/or Materials which does not comply with the Contract in any respect and that the same should be made good, remedied or reconstructed before the issuance of the Taking-Over Certificate, then the Construction Supervisor shall instruct the Contractor to make good, remedy or reconstruct the same to the satisfaction of the Construction Supervisor and the Contractor’s full compliance therewith shall immediately operate as a condition precedent to the application of the Taking-Over Certificate under Sub-Clause 10.1 [Taking Over of the Works and Sections] unless the Construction Supervisor expressly agrees to accept any of the items of work, Plant and/or Materials specified in the said instructions without their being made good, remedied or reconstructed by the Contractor in which event the Contract Price shall be reduced by any loss of value or otherwise suffered by the Employer, or by any saving in cost to the Contractor for not carrying out the same, whichever is greater.

Nếu trong cuộc kiểm định chung đó, Tư Vấn Giám Sát hoặc đại diện của Tư Vấn Giám Sát có ý kiến rằng có bất cứ một hạng mục công việc nào, Thiết bị và/hoặc Vật liệu nào không tuân thủ theo đúng Hợp đồng và cần được làm tốt, sửa chữa hoặc thi công lại trước khi tiến hành xin Chứng chỉ Nghiệm thu, thì Tư Vấn Giám Sát sẽ chỉ thị Nhà Thầu làm tốt, sửa chữa hoặc thi công lại để thoả mãn yêu cầu của Tư Vấn Giám Sát và việc tuân thủ hoàn toàn yêu cầu này của Nhà Thầu sẽ là điều kiện tiên quyết cho việc xin Chứng chỉ Nghiệm thu theo như Khoản 10.1 [Nghiệm thu Công trình và Hạng mục Công trình], trừ phi Tư Vấn Giám Sát đồng ý chấp nhận bất cứ hạng mục nào của công việc, Thiết bị và/hoặc Vật liệu như đã nêu ra trong chỉ dẫn trên mà không cần những hạng mục đó được làm tốt, sửa chữa hay thi công lại bởi Nhà Thầu và trong trường hợp đó thì Giá Hợp đồng sẽ được trừ đi phần giá trị giảm đi hoặc phải chịu bởi Chủ Đầu Tư, hay phần chi phí tiết kiệm được của Nhà Thầu nếu không thực hiện việc này, tùy theo giá trị nào lớn hơn.

For the avoidance of doubt, nothing contained in this Sub-Clause shall be construed as limiting the other powers of the Construction Supervisor under the Contract or as prejudicing the other rights or remedies of the Employer under the Contract.

Để tránh việc nghi ngờ, không điều gì trong Khoản này được giải thích như là sự hạn chế các quyền hạn khác của Tư Vấn Giám Sát theo như Hợp đồng hoặc như là sự tổn hại đến các quyền hoặc biện pháp khắc phục khác của Chủ Đầu Tư theo như Hợp đồng này.

The Contractor shall procure and/or provide all raw water, electricity, fuel oil, chemicals, consumables, other necessary liquids and the necessary personnel as may be reasonably required by the Contractor for the testing and commissioning of the Works and until a Taking-Over Certificate has been issued.

Nhà Thầu phải mua và/hoặc cung cấp nước, điện, dầu, hóa chất, vật liệu sử dụng hay những chất lỏng cần thiết khác và nhân sự cần thiết mà Nhà Thầu có thể cần để thực hiện công tác thử nghiệm và nghiệm thu Công trình và cho đến khi Chứng chỉ Nghiệm thu được phát hành.

**CLAUSE 10 EMPLOYER’S TAKING OVER**

### ĐIỀU 10 NGHIỆM THU CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

###### **Sub-Clause 10.1 Taking Over of the Works and Sections**

**Khoản 10.1 Nghiệm thu trước khi hoàn thành**

Delete the whole of sub-paragraph (a) of third paragraph and substitute with the following:

Bỏ toàn bộ mục (a) của đoạn thứ ba và thay thế như sau:

1. work with and seek for the approval from the Employer to issue the Taking-Over Certificate to the Contractor, stating the date on which the Works or Section achieved Practical Completion in accordance with the Contract,

làm việc và xin phê chuẩn từ Chủ Đầu Tư để cấp Chứng Chỉ Nghiệm Thu cho Nhà Thầu, nêu rõ ngày mà Công trình hay Hạng mục Công trình đã được Hoàn thành Thực tế theo Hợp đồng,

DELETE the last paragraph of Sub-Clause 10.1.

BỎ đoạn cuối của Khoản 10.1.

At the end of Sub-Clause 10.1, add the following paragraphs:

Thêm đoạn sau vào cuối Khoản 10.1:

If any outstanding works are, in the opinion of the Construction Supervisor, minor such that:

Nếu còn những công việc còn tồn đọng mà, theo như ý kiến của Tư Vấn Giám Sát, là nhỏ trên khía cạnh:

1. they can be completed following the removal of the Contractor’s site organisation and major plant or equipment works; and

Chúng sẽ được hoàn thành sau khi di dời của tổ chức Công trường của Nhà thầu và các máy móc hay thiết bị thi công chủ yếu; và

1. there would not be unreasonable disturbance of the Employer’s full enjoyment and occupation of the property,

không có một sự cản trở bất hợp lý nào cho Chủ đầu tư trong việc thụ hưởng và sở hữu tài sản,

then upon the Contractor undertaking in writing to complete such minor outstanding work within such time or times as may be stipulated by the Employer, the Construction Supervisor may (but shall not be bound to) seek for the approval from the Employer to issue a Taking-Over Certificate for the Work or Section.

thì đồng thời với việc Nhà Thầu phải cam kết bằng văn bản sẽ hoàn thành những công việc nhỏ còn tồn đọng đó trong vòng một khoảng thời gian có thể được qui định bởi Chủ Đầu Tư, Tư Vấn Giám Sát có thể (nhưng không bắt buộc) xin ý kiến chấp thuận của Chủ Đầu Tư để phát hành Chứng chỉ Nghiệm thu cho Công việc hoặc Hạng mục.

The Taking-Over Certificate when issued shall record the said minor outstanding work by way of a schedule attached to the Certificate together:

Chứng chỉ Nghiệm thu khi được phát hành phải ghi lại những công việc nhỏ còn tồn đọng ở trên theo một bảng danh mục đính kèm theo Chứng chỉ này:

1. with the terms of any agreement with the Contractor for the completion or performance of the said minor outstanding work, and

cùng với các điều khoản của bất cứ thoả thuận nào với Nhà Thầu về việc hoàn thành hoặc thực hiện những công việc nhỏ còn tồn đọng đó, và

1. with the terms of any agreement as to the withholding and subsequent release of any monies that may otherwise have been payable or will be paid under the terms of the Contract.

cùng với các điều khoản của bất cứ thoả thuận nào như việc giữ lại và thanh toán sau cho bất cứ khoản tiền nào khác mà có thể phải trả hoặc sẽ phải trả theo như điều kiện của Hợp đồng này.

###### **Sub-Clause 10.2 Taking Over of Parts of the Works**

**Khoản 10.2 Nghiệm thu Bộ phận Công trình**

Delete “plus reasonable profit” in lines 4 and 5 of fourth paragraph.

Bỏ “cộng với tiền lãi hợp lý” ở dòng 4 và 5 của đoạn thứ tư.

Delete “and profit” in line 7 of fourth paragraph.

Bỏ “và tiền lãi này” ở dòng 7 của đoạn thứ tư.

At the end of Sub-Clause 10.2, ADD the following paragraphs:

THÊM đoạn sau vào cuối Khoản 10.2:

The followings are pre-requisites for the Employer to issue any Taking-Over Certificate:

Sau đây là những điều kiện tiên quyết để Chủ Đầu Tư phát hành mọi Chứng nhận nghiệm thu:

1. The Works or Section of the Works has achieved Practical Completion in accordance with the Contract.

Công trình hoặc hạng mục Công trình đã Hoàn thành Thực tế theo Hợp đồng.

1. The Contractor has complied with all statutory requirements for the Works or any section of the Works.

Nhà Thầu tuân thủ tất cả quy định pháp lý cho Công trình hoặc bất kỳ phần nào của Công trình.

1. The Works or any section of the Works has been completed in accordance with the provisions of the Contract.

Công trình hoặc bất kỳ phần nào của Công trình đã được hoàn thành theo các điều khoản của Hợp đồng.

1. The Contractor has procured the necessary permits to allow the Employer beneficial use and occupation of the Works or any section of the Works.

Nhà Thầu đã có được các giấy phép cần thiết cho phép Chủ Đầu Tư sử dụng và chiếm giữ Công trình hoặc bất kỳ phần nào của Công trình.

1. The Contractor has passed the prescribed tests and inspections relating to the Works or any section of the Works

Nhà Thầu đã trải qua các cuộc thử nghiệm và kiểm định theo quy định liên quan đến Công trình hoặc bất kỳ phần nào của Công trình.

.

###### **Sub-Clause 10.3 Interference with Tests on Completion**

**Khoản 10.3 Can thiệp vào Thử nghiệm khi Hoàn thành**

Delete sub-paragraph (b) of third paragraph.

Bỏ mục (b) của đoạn thứ ba.

### CLAUSE 11 DEFECTS LIABILITY

### ĐIỀU 11 TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SAI SÓT

###### **Sub-Clause 11.1 Completion of Outstanding Work and Remedying Defects**

**Khoản 11.1 Hoàn thành công việc còn tồn đọng và sửa chữa sai sót**

DELETE “, within such reasonable time as instructed by the Engineer” in sub-paragraph of first paragraph and SUBSTITUTE with “as set out in the implementation schedule provided in the Taking-Over Certificate”.

BỎ “, trong khoảng thời gian hợp lý như theo chỉ dẫn của Nhà Tư Vấn” ở mục (a) của đoạn đầu tiên và THAY THẾ bằng “như đã đưa ra trong kế hoạch triển khai nêu trong Chứng chỉ Nghiệm thu.”.

###### **Sub-clause 11.2 Cost of Remedying Defects**

DELETE sub-paragraph (c) of the first paragraph and SUBSTITUTE with the following:

BỎ mục (c) của đoạn đầu tiên và THAY THẾ bằng điều khoản sau:

(c) failure by the Contractor to comply with any other obligations, undertakings, warranties provided in the Contract, including the failure to comply with the approved designs, the construction permit.

Nhà Thầu không thực hiện đúng các nghĩa vụ khác, các cam kết, bảo đảm quy định tại Hợp Đồng, bao gồm việc không tuân thủ thiết kế đã duyệt hoặc giấy phép xây dựng.

ADD the following at the end of the second paragraph:

THÊM nội dung sau vào cuối đoạn thứ hai:

If the Parties fail to agree on the reasons of the defects and/or damages, the Parties agree that a specialist services required from third parties for the investigation of any defect or failure shall be firstly arranged by the Employer. The investigation report shall be binding both Parties on the reasons of the damages unless either Party shows a clear evidence on the mistakes in the report which will be required a presentation and appraisal by both Parties within 10 busines days from the date of the report.

Nếu Các bên không đồng ý về nguyên nhân của sai sót và/hoặc thiệt hại, Các Bên đồng ý rằng Chủ Đầu Tư trước tiên sẽ thu xếp dịch vụ chuyên môn từ bên thứ ba để điều tra bất kỳ hư hỏng hoặc không thực hiện này. Kết quả điều tra này có giá trị ràng buộc Các Bên về nguyên nhân của hư hỏng trừ trường hợp bất kỳ Bên nào có chứng cứ rõ ràng về việc sai sót tại báo cáo điều tra này mà sẽ được đưa ra và đánh giá bởi các Bên trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả điều tra.

Such cost or expense documented by the Employer shall be recoverable by the Employer from the Contractor or may be deducted by the Employer from any amount due to the Contractor or which may become due to the Contractor under this Contract if such defect or failure is attribute to the Contactor.

Các chi phí hoặc phí tổn thuê dịch vụ chuyên môn có đầy đủ chứng từ này sẽ được Nhà Thầu hoàn lại cho Chủ Đầu Tư hoặc có thể được cấn trừ từ bất kỳ khoản tiền mà Chủ Đầu Tư còn thiếu của Nhà Thầu hoặc có thể phải trả bởi Nhà Thầu theo Hợp đồng này nếu những việc hư hỏng hoặc không thực hiện được do lỗi của Nhà Thầu.

###### **Sub-clause 11.3 Extension of Defects Notification Period**

**Khoản mục 11.3 Gia hạn Thời Hạn Thông Báo Sai Sót**

DELETE the whole Sub-Clause 11.3 and replace by the following:

BỎ toàn bộ Khoản 11.3 và thay bằng điều khoản sau:

Subject to Sub-Clause 2.5 [Employer’s Claims], the Employer shall be entitled to an extension of the Defects Notification Period for the Works or a Section, if (a) the defects, omissions or damages that have been requested to remedy are not remedied as at the expiration of the Defects Notification Period, or (b) the Works, Section or a major item of Plant (as the case may be, and after taking over) cannot be used for the purposes for which they are intended by reason of a defect or damage, or (c) there is any latent and/or inherent defects in Works arising from or in relation to the Contractor’s fraud, gross negligence, deliberate default or reckless misconduct.

Theo Khoản 2.5 [Khiếu nại của Chủ Đầu tư], Chủ Đầu Tư có quyền gia hạn Thời Hạn Khắc Phục Sai Sót cho Công Trình hoặc một phần Công Trình nếu (a) các khiếm khuyết, bỏ sót hoặc hư hại đã được yêu cầu sửa chữa mà không được sửa chữa xong vào thời điểm hết Thời Hạn Thông Báo Sai Sót, hoặc (b) Công Trình hoặc một phần công trình hoặc hạng mục chính của Thiết Bị (nếu có phát sinh sau khi bàn giao) không thể sử dụng được cho mục đích dự định do bởi khiếm khuyết hoặc hư hại, hoặc (c) có các lỗi/ khiếm khuyết tiềm ẩn trên của Công Trình phát sinh từ hoặc liên quan đến việc lừa đảo, sơ suất nghiêm trọng, cố tình sai sót hoặc cố tình thực hiện sai của Nhà Thầu.

**Sub-clause 11.4** **Failure to Remedy Defects**

**Khoản mục 11.4 Không khắc phục sai sót**

DELETE the first paragraph and SUBSTITUTE with:

BỎ đoạn đầu tiên và THAY THẾ bằng điều khoản sau:

“If the Contractor fails to commence rectification of any defect or damage within 14 days of a notice by the Employer, another date may be fixed by the Employer, on or by which the defect or damage is to be remedied based on the investigation report provided in Sub-clause 11.2. The Contractor shall be given reasonable notice of this date.”

Nếu Nhà Thầu không tiến hành việc khắc phụ bất kỳ sai sót hoặc thiệt hại nào trong vòng 14 ngày kể từ ngày có thông báo của Chủ Đầu Tư, Chủ Đầu Tư sẽ xác định một ngày khác cho việc sửa chữa các sai sót dự trên báo cáo điều tra quy định tại Khoản 11.2. Nhà Thầu sẽ được thông báo cho ngày này.

DELETE the paragraphs (a) and (b) of the second paragraph and SUBSTITUTE with:

BỎ đoạn (a) và (b) của đoạn thứ hai và THAY bằng:

1. carry out the work himself or by others at the Contractor's risk and cost; and the Contractor shall subject to Sub-Clause 2.5 [Employer's Claims] pay to the Employer the costs reasonably incurred by the Employer in remedying the defect or damage; or

tự mình thực hiện việc khắc phục hoặc thuê người khác thực hiện việc khắc phục bằng rủi ro và chi phí của Nhà Thầu; và theo Khoản 2.5 [Khiếu nại của Chủ Đầu Tư], Nhà Thầu thanh toán cho Chủ Đầu Tư các chi phí phát sinh thực tế để khắc phục các sai sót hoặc thiệt hại; hoặc

1. require the Construction Supervisor to propose a reasonable reduction in the Contract Price (which shall be equal to any loss of value of the Works or other loss suffered or cost incurred by the Employer in connection with the defect or damage) for the Employer’s review and approval.

yêu cầu Tư Vấn Giám Sát đề xuất khoản giảm trừ trong Giá Hợp đồng (mà sẽ bằng bất kỳ khoản mất mát về giá trị của Công trình hoặc những tổn thất khác mà Chủ Đầu Tư phải chịu hoặc chi phí phát sinh cho Chủ Đầu Tư liên quan đến sai sót hoặc thiệt hại) để Chủ Đầu Tư xem xét và chấp thuận.

ADD the following paragraph at the end of this Sub-Clause:

BỔ SUNG đoạn sau vào cuối Khoản này:

Without prejudice to any other rights under the Contract, the Employer shall then be entitled to recover from the Contractor all sums paid for the Works or for such part (as the case may be), plus financing costs, the cost of dismantling the same and clearing the Site.

Không ảnh hưởng đến các quyền khác đã được quy định tại Hợp Đồng này, Chủ Đầu Tư có quyền yêu cầu Nhà Thầu thanh toán lại toàn bộ số tiền mà Chủ Đầu Tư đã thanh toán cho Công Trình hoặc phần hư hại đó (tùy trường hợp áp dụng) cộng với chi phí tài chính và chi phí tháo dỡ, dọn dẹp Công Trình.

**Sub-Clause 11.7** **Right of Access**

**Khoản 11.7 Quyền Tiếp cận công trình**

INSERT the following paragraphs in the end:

THÊM các đoạn sau đây vào cuối Khoản này:

After a Taking-Over Certificate has been issued, the Contractor shall be allowed access to the extent necessary for performance of its obligations under the Contract provided that:

Sau khi Chứng chỉ nghiệm thu đã được phát hành, Nhà Thầu được phép đi vào Công trình trong chừng mực cần thiết để thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng với điều kiện là:

1. such access shall be at times agreed with the Employer, which times the Employer may fix in order to minimise the impact on use and operation of the Works;

việc ra vào Công trình phải luôn được sự đồng ý của Chủ Đầu Tư và theo thời gian Chủ Đầu Tư cho phép để giảm thiểu bất kỳ tác động nào đến việc sử dụng và hoạt động của Công trình.

1. the Contractor shall give reasonable notice of any access to it requires to the part(s) of the Works covered by such Taking-Over Certificate, which shall include details of the part of the Works it requires access and the expected duration;

Nhà Thầu phải có văn bản thông báo hợp lý về việc phải vào công trình cho những hạng mục nêu tại Chứng chỉ nghiệm thu và những hạng mục mà Nhà Thầu cần thực hiện và thời gian thực hiện;

1. the Contractor shall comply with all requirements of the Employer in respect of security, health, safety and operation in connection with such access, including restrictions on the times of access in order to prevent disturbance to the operation or use of the Works or business of the Employer.

Nhà Thầu luôn tuân thủ các yêu cầu của Chủ Đầu Tư liên quan đến an ninh, sức khỏe, an toàn và vận hành cho việc đi vào công trình, bao gồm những hạn chế về việc đi vào công trình để hạn chế bất kỳ trở ngại nào cho việc vận hành, sử dụng Công trình hoặc công việc kinh doanh của Chủ Đầu Tư.

###### **Sub-Clause 11.9 Performance Certificate**

**Khoản 11.9 Chứng nhận Hoàn thành**

TO REPLACE the whole second paragraph with the following content:

THAY THẾ toàn bộ đoạn thứ hai bằng nội dung sau:

The Employer shall issue the Performance Certificate to the Contractor within 28 days after the latest of the expiration of the Defects Notification Period, or as soon thereafter as the Contractor has supplied to the Employer all the Contractor’s Documents and completed and tested all the Works, including remedying any defect.

Chủ Đầu Tư sẽ cấp Chứng chỉ Hoàn thành Công trình cho Nhà Thầu trong vòng 28 ngày từ thời điểm hết Thời Hạn Thông Báo Sai Sót hoặc ngay sau khi Nhà Thầu đã trình nộp cho Chủ Đầu Tư toàn bộ hồ sơ Nhà thầu, hoàn thành và kiểm nghiệm toàn bộ Công trình, bao gồm khắc phục bất kỳ sai sót nào

Add new paragraph after the first paragraph.

Thêm đoạn sau sau đoạn thứ nhất.

Notwithstanding the foregoing, the Employer shall not be required to issue the Performance Certificate unless and until the Employer has received the Warranty Security

in such form and with such content as required under Sub-Clause 11.12 *[Warranty Security]*.

Bất kể những quy định trên, Chủ đầu tư sẽ không bắt buộc phải phát hành Chứng chỉ hoàn thành công trình nếu Chủ đầu tư không nhận được hoặc trước khi Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh Bảo đảm theo mẫu và có các nội dung theo quy định tại Khoản 11.12 *[Bảo lãnh Bảo đảm]*.

**Sub-Clause 11.10 Unfulfilled Obligations**

**Khoản 11.10 Nghĩa vụ chưa được Hoàn thành**

INSERT following new paragraph after first paragraph:

THÊM mới đoạn sau sau đoạn đầu tiên:

The issuance of the Performance Certificate shall be without prejudice to the Contractor’s liability for any defects (whether latent or patent) in the Works during the periods of liability imposed by the applicable Laws. Furthermore, it is expressly agreed that the Contractor’s liability for the Works shall only cease for ending of a period of the next 2 (two) years after expiry of the Defects Notification Period unless otherwise provided in Sub-clause 11.3, where the Contractor shall, at any time, coordinate and do its best endeavor to solve these in line with the Employer’s agreement and at the Contractor’s cost and risk.

Việc phát hành Chứng chỉ Hoàn thành Công trình sẽ không hạn chế trách nhiệm của Nhà Thầu cho bất kỳ sai sót nào (bao gồm những lỗi bên trong và/hoặc khiếm khuyết tiềm ẩn) của Công trình trong các thời hạn trách nhiệm được quy định bởi Luật hiện hành. Hơn nữa, các Bên chấp thuận rằng trách nhiệm của Nhà Thầu đối với Công trình sẽ chỉ dừng khi kết thúc 2 (hai) năm tiếp theo sau khi hết hạn Thời Hạn Thông Báo Sai Sót, ngoại trừ bất kỳ các trường hợp quy định tại Khoản 11.3 mà Nhà Thầu phải, trong mọi trường hợp, phối hợp và nỗ lực hết sức giải quyết các trường hợp này theo sự chấp thuận của Chủ Đầu Tư và bằng chi phí và rủi ro của Nhà Thầu.

Notwithstanding the issuance of the Performance Certificate, the Contract shall remain in force and each Party shall remain liable for the fulfilment of any obligation which remains unperformed. For the avoidance of doubt, the rights and remedies of the Employer under this Clause are without prejudice to and in addition to and not to the exclusion of any other rights or remedies of the Employer in respect of defects or otherwise (including statutory warranties) under or arising from Law; all of which other rights and remedies shall be and remain available to and enforceable by the Employer at any time including during and after the expiry of the Defects Notification Periods and notwithstanding that the Performance Certificate has been issued.

Bất kể phát hành Chứng nhận Hoàn thành Công trình, Hợp đồng vẫn duy trì hiệu lực và mỗi Bên vẫn chịu trách nhiệm về việc hoàn thành bất kỳ nghĩa vụ nào mà Bên đó chưa thực hiện. Để tránh nhầm lẫn, quyền và việc khắc phục của Chủ Đầu Tư theo Khoản 11 này không ảnh hưởng, là bổ sung thêm và đồng thời không loại trừ bất kỳ quyền nào hoặc việc khắc phục nào của Chủ Đầu Tư đối với bất kỳ sai sót hoặc khác (bao gồm cam kết tuân thủ) theo hoặc phát sinh theo luật; toàn bộ quyền và các biện pháp khắc phục khác vẫn được áp dụng bởi và được thi hành bởi Chủ Đầu Tư vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt và sau khi đã hết Thời hạn Thông báo Sai sót và bất kể là Chứng chỉ hoàn thành công trình đã được ký kết.

### CLAUSE 13 VARIATIONS AND ADJUSTMENTS

### ĐIỀU 13 THAY ĐỔI VÀ ĐIỀU CHỈNH

**Sub-Clause 13.1 Right to Vary**

**Khoản 13.1 Quyền Thay đổi**

DELETE the first paragraph and SUBSTITUTE with the following:

BỎ đoạn đầu tiên và THAY THẾ bằng đoạn sau:

Variations may be initiated by the Employer at any time prior to issuing the Taking-Over Certificate for the Works, either by an instruction or by a request for the Contractor to submit a proposal unless mutually agreed by both Parties.

Chủ Đầu Tư có thể yêu cầu Thay đổi vào bất kỳ lúc nào trước khi Chứng chỉ Nghiệm thu cho Công trình được phát hành theo chỉ dẫn hoặc yêu cầu Nhà Thầu gởi đề xuất liên quan đến việc thay đổi trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác.

INSERT the sentence “unless mutually agreed by both parties” at the end of first paragraph.

THÊM câu “trừ khi được đồng thuận bởi cả hai bên” tại cuối đoạn đầu tiên.

In the first and the second paragraph, REPLACE “Engineer” WITH “Employer”.

Tại đoạn thứ nhất và đoạn thứ hai, THAY THẾ “Nhà Tư Vấn” BẰNG “Chủ Đầu Tư”.

INSERT the following paragraph after the second paragraph of the Sub-Clause 13.1:

THÊM đoạn sau vào sau đoạn thứ hai của Khoản 13.1:

For the avoidance of doubt, the term “Variation” shall include any changes as aforesaid but shall exclude any instruction (which would otherwise be a Variation) which has arisen due to or is necessitated by or is intended to cure any default of or breach of the Contract by the Contractor. There shall be no claim whatsoever for loss of profit and/or additional costs incurred due to any Variation.

Để tránh việc nghi ngờ, từ “Thay đổi” phải bao gồm bất cứ thay đổi nào như đã đề cập ở trên nhưng không bao gồm bất cứ chỉ dẫn (mà chỉ dẫn đó trong các trường hợp khác có thể là một Thay đổi) xuất phát từ hoặc cần thiết cho hoặc dự tính để sửa chữa bất cứ sai sót nào hoặc vi phạm hợp đồng nào của Nhà Thầu. Sẽ không có bất cứ khiếu nại nào cho dù như thế nào đi nữa đối với phần lợi nhuận bị mất và/hoặc chi phí phát sinh thêm liên quan đến bất kỳ Phát sinh nào.

Items are considered as variations if these are approved by the Employer to cause the differences from Contract Documents, Contract Specifications and Contract Drawings.

Các hạng mục được xem là các hạng mục thay đổi nếu đã được xác nhận bởi Chủ Đầu Tư dẫn tới sự khác biệt so với Tài liệu Hợp đồng, Chỉ dẫn Kỹ thuật Hợp đồng và Bản vẽ Hợp đồng.

The Contractor shall not be entitled to suspend or delay continuance of the Works in general during the evaluation of the Variation.

Nhà Thầu không được quyền tạm ngưng hoặc trì hoãn việc tiếp túc thực hiện Công Trình trong quá trình đánh giá Thay Đổi.

###### **Sub-Clause 13.2 Value Engineering**

**Khoản 13.2 Tư vấn Giá trị Công trình**

In the first paragraph, REPLACE “Engineer” WITH “Employer”.

Tại đoạn thứ nhất, THAY THẾ “Nhà Tư Vấn” BẰNG “Chủ Đầu Tư”.

INSERT the following paragraphs after the last paragraph:

THÊM đoạn sau vào sau đoạn cuối cùng:

In the event of the Employer instigates value engineering changes those changes shall be implemented and valued pursuant to Clause 13.

Trong trường hợp Chủ Đầu Tư muốn thực thi các thay đổi Tư vấn Giá trị công trình thì những thay đổi đó phải được thực hiện và đánh giá theo Khoản 13.

**Sub-Clause 13.3 Variation Procedure**

**Khoản 13.3 Thủ tục thay đổi**

In the Sub-Clause 13.3, REPLACE “Engineer” WITH “Employer”.

Tại Khoản 13.3, THAY THẾ “Nhà Tư Vấn” BẰNG “Chủ Đầu Tư”.

INSERT the following at the end of this Sub-Clause:

THÊM các đoạn sau vào cuối Khoản này:

Unless otherwise instructed by the Employer, the Contractor must proceed with any Variation immediately following the Employer’s instruction and the valuation will be determined in due course in accordance with Sub-clause 13.9. Failure to comply with the Employer’s instruction shall be deemed to be failure to carry out the obligations under the Contract under Sub-Clause 4.1, unless otherwise expressly instructed in writing by the Employer.

Trừ khi được Chủ Đầu Tư hướng dẫn khác, Nhà Thầu phải hoàn thành công việc Thay đổi ngay lập tức tuân thủ theo các chỉ dẫn tiến hành của Chủ Đầu Tư và đánh giá Thay đổi phải được xác định đúng hạn theo Khoản 13.9 của Hợp đồng. Hành động không tuân thủ với Chỉ thị của Chủ Đầu Tư sẽ được xem như việc không hoàn thành nghĩa vụ như được định nghĩa trong Hợp đồng theo Khoản 4.1 [Nghĩa vụ Chung của Nhà Thầu], trừ trường hợp được quyết định rõ ràng bằng văn bản khác đi bởi Chủ Đầu Tư.

**Sub-Clause 13.5** **Provisional Sums**

**Khoản 13.5 Khoản Tạm tính**

DELETE “If there is no such rate, the percentage rate stated in the Appendix to Tender shall be applied.” in lines 3 and 4 of sub-paragraph (b) (ii).

BỎ “Nếu không có tỷ lệ đó, tỷ lệ phần trăm được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu sẽ được áp dụng.” trong dòng 3 và 4 của mục (b) (ii).

**Sub-Clause 13.6 Daywork**

**Khoản 13.6 Ngày công**

In the Sub-Clause 13.6, REPLACE “Engineer” WITH “Employer”.

Tại Khoản 13.6, THAY THẾ “Nhà Tư Vấn” BẰNG “Chủ Đầu Tư”.

**Sub-Clause 13.7 Adjustment for Changes in Legislation**

**Khoản 13.7 Điều chỉnh do thay đổi về luật pháp**

Not applicable.

Không áp dụng.

**Sub-Clause 13.8 Adjustments for Changes in Cost**

**Khoản 13.8 Điều chỉnh do thay đổi về chi phí**

DELETE the whole of Sub-Clause 13.8 and SUBSTITUTE with the following:

BỎ toàn bộ Khoản 13.8 và THAY THẾ như sau:

The Accepted Contract Amount shall be deemed to have included amounts to cover the contingency of any rises and falls in costs, including in respect of labour, Goods and other inputs to the Works.

Giá trị Hợp đồng Chấp thuận được xem là đã bao gồm số tiền cần thiết để thanh toán cho các chi phí dự phòng phát sinh do việc tăng và giảm giá, bao gồm chi phí lao động, hàng hóa và những chi phí khác cho Công trình.

The Accepted Contract Amount is a fixed amount and shall not be adjusted unless otherwise provided subject to the reimbursement or deduction under Clause 14.1. All rates and prices in the Bill of Quantities are fixed and shall not be adjusted. For the avoidance of doubt, no adjustment shall be made to any of the Accepted Contract Amount, the Contract Price or any rate or price in the Bill of Quantities, and the Contractor shall not be entitled to any other payment, compensation or relief in connection with any increase in the cost to the Contractor or any Subcontractor of carrying out the Works including due to or in connection with: (i) any increase in the cost of labour, goods, materials, plant, equipment or any other input to the Works; and (ii) any change in the exchange rate between any currencies; and (iii) any change in the cost of financing; (iv) any error in computation or calculation; (v) any of the matters which the Contractor is responsible for or accepts the risk of in the Contract; and (vi) unless otherwise expressly stated in the Contract, any other cost that the Contractor did not foresee or include in the Accepted Contract Amount or the rates and prices in the Bill of Quantities.

Giá trị Hợp đồng Chấp thuận là giá cố định và sẽ không được điều chỉnh trừ khi được hoàn lại hoặc cấn trừ theo Khoản 14.1. Toàn bộ mức giá và giá quy định tại Bảng khối lượng là cố định và không thể thay đổi. Để tránh nhầm lẫn, không có bất kỳ thay đổi nào được thực hiện đối với Giá trị Hợp đồng chấp thuận, Giá Hợp đồng hoặc bất kỳ mức giá hoặc giá cả trong Bảng khối lượng và Nhà Thầu không được quyền nhận bất kỳ khoản thanh toán, bồi thường nào liên quan đến bất kỳ việc tăng chi phí của Nhà Thầu hoặc Nhà Thầu Phụ khi thực hiện Công việc bao gồm các chi phí phát sinh do bởi hoặc liên quan đến: (i) việc tăng chi phí lao động, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, máy móc và những hạng mục của Công trình, và (ii) bất kỳ thay đổi tỷ giá tiền tệ; và (iii) chi phí tài trợ; (iv) lỗi tính toán; (v) bất kỳ vấn đề nào mà Nhà Thầu có trách nhiệm hoặc chấp nhận các rủi ro trong Hợp đồng; và (vi) trừ khi được quy định khác tại Hợp đồng, các chi phí mà Nhà Thầu không nhìn thấy được hoặc không bao gồm trong Giá trị Hợp đồng Chấp thuận hoặc mức giá hoặc giá cả trong Bảng khối lượng.

**Sub-Clause 13.9 Valuation of Variations**

**Khoản 13.9 Đánh giá các Thay đổi**

Add the new Sub-Clause 13.9 as follows:

Thêm mới Khoản 13.9 như sau:

The Contract Sum Analysis rates and prices shall be used to value any Variation. The Employer shall have the right to determine or interpret the rate(s) to be adopted for any variation works based on the Contract rates and prices.

Đơn giá và Giá Phân Tích Tổng Giá Trị Hợp Đồng sẽ dùng để đánh giá mọi công việc phát sinh. Chủ Đầu Tư được quyền quyết định hoặc diễn giải các đơn giá được áp dụng cho bất kỳ công việc phát sinh nào dựa theo đơn giá và và giá của Hợp đồng.

In the absence of any applicable rate included in the Contract for a Variation, the Contractor shall submit all information regarding the Variation including costs of plant, labour and materials directly associated with the Variation.

Nếu trong Hợp đồng không có tỷ lệ nào tính cho công việc thay đổi, Nhà Thầu sẽ trình tất cả các thông tin liên quan đến công việc thay đổi bao gồm chi phí thiết bị, nhân công và vật liệu trực tiếp cho công việc.

### CLAUSE 14 CONTRACT PRICE AND PAYMENT

### ĐIỀU 14 GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN

###### **Sub-Clause 14.1 The Contract Price**

**Khoản 14.1 Giá Hợp đồng**

Delete sub-paragraph (a) and substitute with:

Bỏ mục (a) và thay bằng:

The Contract Price shall be the Lump sum Guaranteed Maximum Price with fixed unit price and re-measurement of quantity based on the Technical Drawings provided by the Contractor and approved by the Employer and the Authorities for the work described and indicated in the Conditions of Contract, Tender Drawings and Specification, and generally described above except for the quantities shown in Piling Works sections shall subject to be re-measured after completion of the work as defined in the Letter of Acceptance. The Contract Price shall not be adjusted on occurrence of either of the following events:

Giá Hợp đồng là Giá Trọn gói tối đa được bảo đảm với đơn giá cố định và được đo/ tính toán lại khối lượng căn cứ theo Bản Vẽ Thiết Kế Kỹ Thuật được cung cấp bởi Nhà thầu và được Chủ đầu tư và Cơ quan Chức năng chấp thuận cho các công việc được mô tả và chỉ định trong Điều kiện hợp đồng, Bản vẽ và Tiêu chuẩn kỹ thuật và được mô tả một cách tổng quát như trên ngoại trừ Khối lượng trong phần Công tác cọc sẽ phụ thuộc vào việc đo lại khối lượng sau khi hoàn thành công tác này như đã xác định tại Thư Chấp Thuận. Giá Hợp Đồng không được điều chỉnh trong bất kỳ sự kiện nào sau đây:

(i) Any escalation costs

Mọi chi phí gia tăng

(ii) Any fluctuations in material and labour shortages.

Mọi biến động về thiếu hụt vật tư và nhân công.

(iii) Any fluctuation in foreign exchange currencies

Mọi biến động về quy đổi tỷ giá

(iv) Any strike/industrial action within their supply chain, workers or the like, save for nationwide strike/industrial action.

Mọi hành động đình công/bãi công trong dây chuyền cung cấp và nhân công của mình hoặc những thứ tương tự, ngoại trừ hành động đình công/bãi công.

(v) Any inclement or adverse weather conditions.

Mọi điều kiện thời tiết khắc nghiệt hoặc bất lợi.

(vi) Any changes in laws

Bất kỳ sự thay đổi về luật pháp nào

Delete “except as stated in Sub-Clause 13.7 [Adjustments for Changes in Legislation]” in line 3 and 4 of the sub-paragraph (b).

Bỏ “ngoại trừ được nêu trong Khoản 13.7 [Điều chỉnh do thay đổi về Luật pháp]” ở dòng 3 và 4 của mục (b).

Delete sub-paragraph (c) and substitute with:

Bỏ mục (c) và thay bằng:

1. any quantities which may be set out in the Contract Sum Analysis are not to be taken as the actual quantities of the Works which the Contractor is required to execute.

bất kỳ khối lượng nào lập trong Phân Tích Tổng Giá Trị Hợp Đồng không được sử dụng làm khối lượng thực tế cho Công trình mà Nhà thầu được yêu cầu thực hiện.

Delete sub-paragraph (d) and substitute with:

Bỏ mục (d) và thay bằng:

1. any quantities or price data which may be set out in the Contract Sum Analysis or any Schedule shall be used for the purposes stated in the Schedule.

bất kỳ khối lượng hoặc số liệu giá nào được nêu trong Phân Tích Tổng Giá Trị Hợp Đồng hoặc mọi bảng Kế hoạch sẽ được sử dụng cho mục đích được nêu trong bảng Kế hoạch.

Insert at the end of this Sub-Clause 14.1:

Thêm vào cuối Khoản 14.1 này:

In the event that any Goods or any part of the Works to be imported are subject to any exemption from import duty or import value added taxes or excluded from any other Taxes which the Contractor has priced in its Tender (based on the Lump Sum Guaranteed Maximum Price), the Employer shall be entitled to deduct the amount corresponding to the relevant exemption from the Contract Price. The Employer may request the Contractor to provide the relevant import documentation to determine the above.

Trong trường hợp bất kỳ Hàng hóa hoặc bất kỳ bộ phận nào của Công trình được nhập khẩu đều phải chịu miễn thuế nhập khẩu hoặc thuế giá trị gia tăng nhập khẩu hoặc loại trừ bất kỳ khoản thuế nào khác mà Nhà thầu đã chào giá trong Hồ sơ chào thầu của mình (dựa trên Giá Hợp đồng trọn gói tối đa được đảm bảo được chấp thuận), Chủ đầu tư sẽ được khấu trừ số tiền tương ứng với việc miễn thuế có liên quan từ Giá hợp đồng. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp tài liệu nhập khẩu liên quan để xác định như trên.

The Contractor represents, warrants and guarantees to the Employer that the total maximum cost to be paid by the Employer for the Contractors complete performance under the Contract Documents, including, without limitation, Final Completion of all Works, design, all services of the Contractor under the Contract, and all fees, compensation and reimbursements to Contractor, shall not exceed the Guaranteed Maximum Price.

Nhà thầu cam kết và đảm bảo với Chủ đầu tư rằng tổng chi phí tối đa mà Chủ đầu tư phải trả để Nhà thầu hoàn thành việc thực hiện theo các Hồ sơ Hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn, Hoàn thành sau cùng tất cả các Công việc, thiết kế, tất cả các dịch vụ của Nhà thầu theo Hợp đồng, và tất cả các khoản phí, bồi thường và hoàn trả cho Nhà thầu, sẽ không vượt quá số tiền Giá tối đa được đảm bảo.

Costs which would cause the Guaranteed Maximum Price (as may be adjusted pursuant to the Contract Documents and the Scope Changes) to be exceeded shall be paid by the Contractor without reimbursement by the Employer.

Các chi phí vượt quá Giá tối đa được đảm bảo (có thể được điều chỉnh theo Hồ sơ Hợp đồng và Thay đổi Phạm vi công việc) sẽ được Nhà thầu thanh toán mà không được Chủ đầu tư hoàn lại.

In case the actual costs and reimbursement for the Works based on the Final Detail Design provided by the Contractor and approved by the Employer and the Authorities is are less than the Guaranteed Maximum Price, the Contract Amount shall be reduced to the actual actual costs and reimbursement in accordance with the Final Detail Design.

Trong trường hợp các chi phí và khoản hoàn trả thực tế cho Công việc dựa trên Thiết kế kỹ thuật cuối cùng cung cấp bởi Nhà thầu và được chấp thuận bởi Chủ đầu tư và các Cơ quan chức năng thấp hơn Giá tối đa được đảm bảo, Giá Trị Hợp Đồng sẽ được giảm xuống bằng chi phí và khoản hoàn trả tính theo Thiết kế kỹ thuật cuối cùng.

For the avoidance of doubt, the Contractor guarantees that the maximum obligation of the Employer for the sum of the Cost of the Works and the Contract Price will not exceed the Guaranteed Maximum Price.

Để tránh nhầm lẫn, Nhà thầu đảm bảo rằng nghĩa vụ tối đa của Chủ đầu tư đối với tổng Chi phí của Công việc và Giá Hợp Đồng sẽ không vượt quá Giá tối đa được đảm bảo.

###### **Sub-Clause 14.2 Advance Payment**

**Khoản 14.2 Tạm ứng**

DELETE the second sentence of the first paragraph and SUBSTITUTE with the following:

BỎ câu thứ hai của đoạn đầu và THAY THẾ như sau:

The total Advance Payment shall not exceed the total Advance Payment amount as defined in the Letter of Acceptance and be paid in one instalment subject to the Contractor’s completion of the following conditions at the Employer’s satisfaction:

Tổng giá trị tạm ứng sẽ không vượt quá Tổng giá trị tạm ứng được xác định tại Thư Chấp Thuận và sẽ được trả một lần phụ thuộc vào việc Nhà Thầu hoàn tất các điều kiện sau thỏa mãn yêu cầu của Chủ Đầu Tư:

1. The Letter of Acceptance is duly executed by the Contractor and the Employer;

Thư Chấp Thuận được ký hợp lệ bởi Chủ Đầu Tư và Nhà Thầu;

1. The Employer receives, verifies and approves the Performance Security, Advance Payment Security and all insurances and payment evidence for the insurance premium required under this Contract;

Chủ Đầu Tư nhận, kiểm tra và phê duyệt Bảo lãnh Thực hiện Hợp đồng, Bảo lãnh tạm ứng và tất cả các hợp đồng bảo hiểm và chứng từ thanh toán phí bảo hiểm theo Hợp đồng này;

1. The construction Master programme submitted by the Contractor is agreed by the Employer;

Tiến độ thi công tổng thể được Nhà Thầu nộp cho Chủ Đầu Tư và được Chủ Đầu Tư đồng ý;

1. Schedule of anticipated progress payments incorporating expected values of Works submitted by the Contractor is agreed by the Employer;

Lịch trình tiến độ thanh toán dự kiến kết hợp các giá trị dự kiến công việc được Chủ Đầu Tư đồng ý

1. Construction All Risk Insurance

Bảo hiểm Mọi rủi ro Xây dựng

1. Obtained Temporary Construction Permit

Giấy phép Xây dựng tạm đạt được.

DELETE the whole of the second paragraph and SUBSTITUTE with the following:

BỎ toàn bộ đoạn thứ hai và THAY THẾ như sau:

The Contractor must provide an advance payment security for the amount specified in the Letter of Acceptance in the form as approved by the Employer, prior to the Employer making any advance payment. The advance payment security shall be valid until the date of issuance of the Taking-over Certificate for the Works.

Nhà Thầu phải cung cấp một bảo lãnh tạm ứng cho giá trị quy định trong Thư chấp thuận theo mẫu được phê duyệt bởi Chủ Đầu Tư, trước khi Chủ Đầu Tư thanh toán bất cứ khoản tạm ứng nào. Bảo lãnh tạm ứng sẽ có hiệu lực cho đến khi Chứng chỉ Nghiệm thu cho Công trình được phát hành.

DELETE the whole of sub-paragraph (b) of the fifth paragraph and SUBSTITUTE with the following:

BỎ toàn bộ mục (b) của đoạn thứ năm và THAY THẾ như sau:

1. deductions shall be made in accordance with terms and conditions specified in the Letter of Acceptance.

các khoản khấu trừ sẽ được thực hiện tuân thủ theo điều khoản và điều kiện quy định trong Thư chấp thuận.

###### **Sub-Clause 14.3 Application for Interim Payment Certificates**

**Khoản 14.3 Xin cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm thời**

REPLACE “after the end of each month” BY “within 10 days from the completion date of each work milestone” in the first and second sentences of the first paragraph of this Sub-clause.

THAY THẾ “sau cuối mỗi tháng” BẰNG “trong vòng 10 ngày từ ngày xong mỗi mốc tiến độ” tại câu thứ nhất và thứ hai của đoạn đầu tiên của Khoản này.

INSERT the following paragraph in the end of this Sub-Clause:

BỔ SUNG đoạn sau vào cuối Khoản này:

Any Statement under this Sub-Clause shall be signed by the legal representative of the Contractor. In case a Statement is not signed by the legal representative of the Contractor, such Statement shall be void and ineffective.

Đề nghị Thanh toán theo Khoản này phải được ký bởi đại diện theo pháp luật của Nhà Thầu. Trong trường hợp Đề nghị Thanh toán không được ký bởi đại diện theo pháp luật của Nhà Thầu, Đề nghị Thanh toán đó vô hiệu và không có giá trị.

**Sub-Clause 14.4** **Schedule of Payments**

**Khoản 14.4 Lịch trình Thanh toán**

DELETE the whole of Sub-Clause 14.4 and SUBSTITUTE with the following:

BỎ toàn bộ Khoản 14.4 và THAY THẾ như sau:

Schedule of Payments shall follow the Construction Milestones as description in the Scope of Works

Lịch trình thanh toán sẽ theo các mốc tiến độ xây dựng như được đề cập trong Phạm vi công việc

**Sub-Clause 14.5** **Plant and Materials intended for the Works**

**Khoản 14.5 Thiết bị và Vật liệu dùng cho Công trình**

DELETE whole of the fourth paragraph and SUBSTITUTE as follows:

BỎ toàn bộ đoạn thứ tư và THAY THẾ như sau:

Prior to any certification of payment by the Construction Supervisor, the relevant Plant and Materials delivered to the Site must satisfy the quality requirements, pass all necessary pre-installation tests as prescribed in the Contract, and have been used to build the permanent structures of the Works.

Trước khi có được bất cứ chứng nhận thanh toán nào bởi Tư Vấn Giám Sát, các Thiết bị và Vật liệu liên quan được đưa đến Công trường phải thỏa mãn các yêu cầu chất lượng, đạt tất cả các kiểm tra cần thiết trước khi lắp đặt như được mô tả theo tài liệu Hợp đồng, và đã được sử dụng để xây dựng các kết cấu vĩnh cửu của Công trình.

###### **Sub-Clause 14.6 Issue of Interim Payment Certificates**

**Khoản 14.6 Cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm**

SUBSTITUTE the words “28 days” in line 2 of the first paragraph with the words “26 days”.

THAY THẾ từ “28 ngày” ở dòng 2 của đoạn thứ nhất với từ “ 26 ngày”.

DELETE the whole of the second paragraph.

BỎ toàn bộ đoạn thứ hai.

INSERT the following paragraphs before the last paragraph of sub paragraph (b):

THÊM các đoạn sau vào trước đoạn cuối cùng của mục (b):

If the Contractor was or is failing to submit the As-Built drawings and documents at the completion of following works, ten percent (10%) of the corresponding value of this work shall be withheld until such As-Built drawings and documents has been submitted:

Nếu Nhà thầu đã hoặc đang không hoàn thành việc đệ trình các bản vẽ và hồ sơ Hoàn Công tại thời điểm hoàn thành các công việc sau, mười phần trăm (10%) giá trị tương ứng của công việc này sẽ bị giữ lại cho tới khi các hồ sơ và bản vẽ Hoàn Công được đệ trình:

- Completion of foundation system

Hoàn thành toàn bộ hệ móng;

- Completion of steel structure system

Hoàn thành toàn bộ hệ khung kèo thép;

- Completion of metal sheet to wall, canoly, roofing, jackroof system

Hoàn thành toàn bộ hệ lợp tôn tường, mái đón, mái, nóc gió;

- Completion of storm water drainage system

Hoàn thành toàn bộ hệ thoát nước mưa;

- Completion of waster water drainage system

Hoàn thành toàn bộ hệ thoát nước thải;

- Completion of office structure system

Hoàn thành toàn bộ hệ khung kết cấu nhà văn phòng;

- Completion of MEP system, fire-fighting system;

Hoàn thành toàn bộ hệ thống MEP, hệ thống phòng cháy chữa cháy

- Completion of finishing works.

Hoàn thành công tác hoàn thiện.

The Contractor shall not have any entitlement to any claim of loss or expenses and/or additional cost incurred in respect of any withheld amounts specified above.

Nhà thầu không có quyền về việc khiếu nại đối với bất cứ mất mát hoặc phí tổn và/hoặc chi phí phát sinh thêm phải chịu nào liên quan đến bất cứ giá trị bị giữ lại nào được quy định trên đây

**Sub-Clause 14.7 Payment**

**Khoản 14.7 Thanh toán**

* + - * 1. DELETE the whole of sub-paragraph (a) and SUBSTITUTE with the following:

BỎ toàn bộ mục (a) và THAY THẾ như sau:

The advance payment within 15 business days from the receipt of the original Payment Certificate attached with the original Constructor’s All Risk Insurance contract, the original Performance Guarantee, the original Advance Payment guarantee and other documents provided in Sub-Clause 14.2 hereof.

Đợt tạm ứng trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Chứng nhận Thanh toán gốc được đính kèm với Hợp đồng Bảo hiểm mọi rủi ro trong xây dựng, Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng gốc, Bảo lãnh Tạm ứng gốc và các hồ sơ khác quy định tại Khoản 14.2 của Hợp đồng này.

* + - * 1. DELETE the whole of sub-paragraph (b), (c) and SUBSTITUTE with the following:

BỎ toàn bộ mục (b), (c) và THAY THẾ như sau:

The amount certified in each Interim Payment Certificate within 28 working days after the Employer receives the application for each instalment including:

Số tiền được chứng nhận trong mỗi Chứng nhận thanh toán tạm thời trong vòng 28 ngày làm việc sau khi Chủ Đầu Tư nhận được hồ sơ yêu cầu thanh toán từng lần bao gồm:

* Acceptance Minutes and supporting documents approved by the Construction Supervisor;

Biên bản nghiệm thu và hồ sơ đính kèm đã được Tư Vấn Giám Sát phê duyệt

* Table of volume completed in instalments.

Bảng khối lượng hoàn thành từng đợt

* List of workdays.

Bảng kê ngày công

* Written request for payment by the Contractor.

Văn bản đề nghị thanh toán của Nhà Thầu.

* Valid VAT invoice.

Hóa đơn GTGT hợp lệ.

* The Original Interim Payment Certificate.

Bản gốc Chứng nhận thanh toán tạm thời.

Subject to the conditions that the total payment for the interim Payment Certificates will not exceed 85% of the Accepted Contract Amount.

Với điều kiện là tổng số tiền thanh toán cho các Chứng nhận thanh toán tạm thời tối đa là 85% Giá Trị Hợp đồng được chấp thuận.

* + - * 1. DELETE "within 56 days" and SUBSTITUTE with "within 35 working days" in line 1 of sub-paragraph (c).

BỎ “trong vòng 56 ngày” và THAY THẾ bằng “trong vòng 35 ngày làm việc” ở dòng 1 của mục (c).

###### **Sub-Clause 14.8 Delayed Payment**

**Khoản 14.8 Thanh toán bị chậm trễ**

DELETE the whole of Sub-Clause 14.8 and SUBSTITUTE with the following:

BỎ toàn bộ Khoản 14.8 và THAY THẾ bằng điều khoản sau:

In case the Employer is late in payment to the Contractor as per this Contract, the Employer shall pay a late payment interest at the rate of 7% per annum for the delayed payment period in accordance with this Contract.

Trong trường hợp Chủ Đầu Tư chậm thanh toán cho Nhà Thầu theo Hợp đồng này, Chủ Đầu Tư sẽ chịu phạt mức lãi suất bằng 7%/năm cho thời gian chậm thanh toán theo Hợp Đồng này.

###### **Sub-Clause 14.9 Payment of Retention Money**

**Khoản 14.9 Thanh toán Khoản tiền giữ lại**

DELETE Sub-Clause 14.9 and SUBSTITUTE with the following:

BỎ khoản 14.9 và THAY THẾ bằng:

The Construction Supervisor shall not be required to certify the payment of 50% of the Retention Money unless and until the Employer receives the relevant documents from the Contractor. Such relevant documents shall include the Taking-Over Certificate, test certificates, indemnities and warranties, the Retention Money Security for the Works, as-built drawings, operating and maintenance manuals and any other documents as called for in the Contract which are to be submitted by the Contractor following completion of the Works.

Tư Vấn Giám Sát sẽ không phải xác nhận việc thanh toán 50% Khoản tiền Giữ lại trừ khi và cho đến khi Chủ Đầu Tư nhận được các tài liệu có liên quan từ Nhà Thầu. Những tài liệu có liên quan này phải bao gồm Chứng chỉ nghiệm thu, các chứng chỉ kiểm định, các giấy tờ bảo đảm và bảo hành, Bảo Lãnh Tiền Giữ Lại, các bản vẽ hoàn công, chỉ dẫn vận hành và bảo trì và bất cứ tài liệu nào khác được yêu cầu trong Hợp đồng mà Nhà Thầu phải trình nộp sau khi hoàn thành Công trình.

The first moiety [50%] of Retention Money shall be released within 56 Working days after the Contractor has received the Taking Over Certificate and submitted all documents required by the Contract for Payment.

Phân nửa đầu tiên [50%] của Tiền Giữ lại sẽ được thanh toán trong vòng 56 ngày làm việc sau khi Nhà thầu nhận Chứng chỉ Nghiệm thu và đệ trình tất cả hồ sơ được yêu cầu theo Hợp đồng về Thanh toán.

The next 25% of Retention Money shall be released within 56 working days after the Contractor submits to the Employer: (i) an irrevocable and unconditional Retention Money Security with the equivalent amount to 25% of Retention Money and with 12-months validity from Taking Over Certificate date for the whole Works or the last phase of the Works, and (ii) effective insurance policy for Construction All Riks/Third Party Liability Insurance as per Sub-Clause 18.2;

25% tiếp theo của Tiền Giữ Lại sẽ được thanh toán trong vòng 56 ngày làm việc sau khi sau khi Nhà Thầu nộp cho Chủ Đầu Tư: (i) Bảo Lãnh Tiền Giữ Lại không hủy ngang và vô điều kiện có giá trị tương đương 25% của Tiền Giữ Lại và với thời hạn hiệu lực 12 tháng kể từ ngày phát hành Chứng chỉ nghiệm thu cho toàn bộ Công trình hoặc giai đoạn cuối cùng của Công trình, và (ii) chính sách bảo hiểm các rủi ro trong xây dựng/trách nhiệm đối với bên thứ ba theo Khoản 18.2 còn hiệu lực;

The last 25% of the Retention Money shall be released within 56 Working days after Performance Certificate to be issued to the Contractor.

25% cuối cùng của Tiền Giữ Lại sẽ được thanh toán trong vòng 56 ngày làm việc sau khi Chứng nhận Hoàn thành Công trình được cấp cho Nhà thầu.

**Sub-Clause 14.10 Statement at Completion**

**Khoản 14.10 Đề nghị thanh toán khi Hoàn thành**

DELETE "84 days” in line 1 of the first paragraph and SUBSTITUTE with “60 days”

BỎ “84 ngày” ở dòng 1 của đoạn đầu tiên và THAY THẾ bằng “60 ngày”.

DELETE "six copies of” in line 2 of the first paragraph.

BỎ “06 bản sao” ở dòng 2 của đoạn đầu tiên.

INSERT the following paragraph at the end of this Sub-Clause:

THÊM đoạn sau vào cuối Khoản này:

The Contractor shall be fully responsible for any cost incurred by the Employer due to the Contractor’s failure to submit the Statement at completion with all supporting documents within the required time specified in the Sub-Clause.

Nhà Thầu sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm đối với bất cứ chi phí nào phát sinh cho Chủ Đầu Tư do việc Nhà Thầu không đệ trình Đề nghị thanh toán khi Hoàn thành cùng với tất cả hồ sơ hỗ trợ trong khoảng thời gian được quy định trong Khoản này.

**Sub-Clause 14.11 Application for Final Payment Certificate**

**Khoản 14.11 Hồ sơ Đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng**

DELETE the entire Sub-Clause 14.1 and REPLACE by the following:

BỎ toàn bộ Khoản 14.1 và THAY bằng điều khoản sau:

After the Taking-over Certificate is executed by the Employer, the Contractor and the Construction Supervisor and the required documents for the Practical Completion are duly received by the Employer as per the Contract, the Contractor shall submit the draft final statement with supporting documents to the Construction Supervisor showing in details:

1. The value of all the work done in accordance with the Contract; and
2. Any further sums which the Contractor considers to be due to him under the Contract or otherwise.

The Construction Supervisor will work with and seek for the Employer’s approval on the Final Payment Certificate, one of the documents required for the outstanding payment to the Contractor upon the issuance of the Taking-over Certificate.

Sau khi Chứng chỉ nghiệm thu được ký kết bởi Chủ Đầu Tư, Nhà Thầu và Tư Vấn Giám Sát và các tài liệu cần thiết cho việc Hoàn Thành Thực Tế được Chủ Đầu Tư nhận đầy đủ theo Hợp đồng này, Nhà Thầu sẽ nộp bản thảo yêu cầu thanh toán cuối cùng và các tài liệu liên quan cho Tư Vấn Giám Sát thể hiện rõ:

1. Giá trị phần công việc đã hoàn thành theo Hợp Đồng; và
2. Bất kỳ số tiền nào mà Nhà thầu đánh giá là Chủ Đầu Tư còn thiếu Nhà thầu hoặc nội dung khác.

Tư Vấn Giám Sát sẽ làm việc cùng với và xin phê chuẩn từ Chủ Đầu Tư đối với Chứng Nhận Thanh Toán Cuối Cùng, là một trong các hồ sơ cần thiết cho việc thanh toán khoản còn thiếu cho Nhà Thầu sau khi có Chứng chỉ Nghiệm thu.

**Sub-Clause 14.12 Discharge**

**Khoản 14.12** **Hoàn thành nghĩa vụ thanh toán**

DELETE "the Performance Security and" in line 5 of the first paragraph.

BỎ “Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng và đã nhận được” ở dòng 5 của đoạn đầu tiên.

**Sub-Clause 14.13 Issue of Final Payment Certificate**

**Khoản 14.13** **Cấp Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng**

DELETE "Within 28 days" and SUBSTITUTE with "Within 26 days" in line 1 of the first paragraph.

BỎ “Trong vòng 28 ngày” và THAY THẾ bằng “Trong vòng 26 ngày” ở dòng 1 của đoạn đầu tiên.

**Sub-Clause 14.14 Cessation of Employer’s Liability**

**Khoản 14.14** **Chấm dứt Trách nhiệm của Chủ Đầu Tư**

DELETE the last paragraph of this Sub-Clause.

BỎ đoạn cuối cùng của Khoản này.

**Sub-Clause 14.15 Currencies of Payment**

**Khoản 14.15** **Đồng tiền Thanh toán**

DELETE the whole of Sub-clause 14.15 and SUBSTITUTE with “The Contract Price shall be paid in Vietnam Dong.”.

BỎ toàn bộ Khoản 14.15 và THAY THẾ bằng “Giá Hợp đồng sẽ được chi trả bằng tiền đồng Việt Nam.”.

INSERT the new Sub-Clause 14.16 as follows:

THÊM mới Khoản 14.16 như sau:

**Sub-Clause 14.16 Employer’s Final Statement**

**Khoản 14.16** **Bản Báo cáo Hoàn thành của Chủ Đầu Tư**

In the event of the Contractor failing to submit the draft final statement in the time permitted under Sub-Clause 14.11 [*Application for Final Payment Certificate*] and within twenty eight (28) days from the date of receipt by the Contractor of the Construction Supervisor’s notice requiring him to submit the same, the Construction Supervisor may (but shall not be bound to) proceed to prepare the Final Statement and issue the Final Payment Certificate. The Final Statement prepared by the Construction Supervisor under this Sub-Clause shall only be issued in the absence of any written notice of dispute by the Contractor within twenty eight (28) days from the date of receipt of the Final Payment Certificate by the Contractor. The Final Payment Certificate shall be deemed to have been accepted by the Contractor and shall be final and conclusive.

Trong trường hợp Nhà Thầu không trình nộp bản thảo của bản báo cáo hoàn thành trong thời gian cho phép như Khoản 14.11 [*Hồ sơ Đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng*] và trong vònghai mươi tám (28) ngày kể từ ngày Nhà Thầu nhận được thông báoyêu cầu trình nộp bản thảo này của Tư Vấn Giám Sát, Tư Vấn Giám Sát có thể (nhưng không bắt buộc phải) tiến hành chuẩn bị Bản Báo cáo Hoàn thành và phát hành Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng. Bản Báo cáo Hoàn thành do Tư Vấn Giám Sát chuẩn bị theo Khoản này chỉ có thể được phát hành trong trường hợp không có bất kỳ văn bản thông báo khiếu nại nào của Nhà Thầu trong vòng hai mươi tám (28) ngày kể từ ngày Nhà Thầu nhận được Chứng chỉ Thanh toán Cuối cùng. Chứng chỉ Thanh toán Cuối cùng này sẽ được xem như là được chấp thuận bởi Nhà Thầu và là cuối cùng và kết thúc.

The Parties will complete their respective outstanding liabilities (if any) to each other under the Performance Certificate within 10 days from the issuance date of the Performance Certificate.

Các Bên sẽ hoàn thành các nghĩa vụ còn lại (nếu có) với nhau theo Chứng nhận Hoàn thành công trình trong vòng 10 ngày kể từ ngày Chứng nhận Hoàn thành công trình được cấp.

### CLAUSE 15 TERMINATION BY EMPLOYER

### ĐIỀU 15 CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI CHỦ ĐẦU TƯ

###### **Sub-Clause 15.2 Termination by Employer**

**Khoản 15.2 Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư**

INSERT “or any part” after “the whole” in line 1 of sub-paragraph (d).

BỔ SUNG “hoặc bất kỳ phần nào” sau “toàn bộ” tại dòng thứ nhất của mục (d).

DELETE “14” in the first line of the second paragraph and SUBSTITUTE with “7”.

BỎ “14” ở dòng đầu tiên của đoạn thứ hai và THAY BẰNG “7”.

INSERT “or novation” after “assignment” in line 4 of fourth paragraph.

THÊM “hoặc nhượng lại” sau “chuyển nhượng” ở dòng 4 của đoạn thứ tư.

INSERT at the end of the fourth paragraph:

BỔ SUNG nội dung sau vào cuối đoạn thứ tư:

The Contractor shall not take any action which would or could hinder, interfere with or prevent the Employer from proceeding with the Works in a timely and cost efficient manner.

Nhà Thầu sẽ không có bất kỳ hành động nào mà sẽ hoặc có thể hạn chế, gây trở ngại hoặc ngăn cản Chủ Đầu Tư tiếp tục thực hiện Công Trình đúng thời gian và tiết kiệm chi phí.

### CLAUSE 16 SUSPENSION AND TERMINATION BY CONTRACTOR

### ĐIỀU 16 TẠM NGỪNG CÔNG VIỆC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI NHÀ THẦU

###### **Sub-Clause 16.1 Contractor’s Entitlement to Suspend Work**

**Khoản 16.1 Quyền tạm ngừng công việc của Nhà thầu**

Delete “Sub-Clause 2.4 *[Employer’s Financial Arrangements]* or” in lines 2 and 3 of the first paragraph.

Bỏ “Khoản 2.4 *[Thu xếp tài chính của Chủ đầu tư]* hoặc” ở dòng 2 và 3 của đoạn thứ nhất.

Delete sub-paragraph (b) of fourth paragraph.

Bỏ mục (b) của đoạn thứ tư.

###### **Sub-Clause 16.2 Termination by Contractor**

**Khoản 16.2 Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu**

Item (a) not applicable.

Mục (a) không áp dụng.

Delete “or Sub-Clause 1.7 [*Assignment*]” in sub-paragraph (e) of the first paragraph of this Sub-Clause 16.2.

Bỏ “hoặc Khoản 1.7 *[Chuyển nhượng]*” ở mục (e) trong đoạn thứ nhất của Khoản 16.2.

DELETE the last sentence of the second paragraph.

*BỎ câu cuối cùng của đoạn thứ hai.*

###### **Sub-Clause 16.4 Payment on Termination**

**Khoản 16.4 Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng**

Delete whole sub-paragraph (c).

Bỏ toàn bộ mục (c).

### CLAUSE 17 RISK AND RESPONSIBILITIES

### ĐIỀU 17 RỦI RO VÀ TRÁCH NHIỆM

###### **Sub-clause 17.1 Indemnities**

**Khoản 17.1 Bồi Thường**

DELETE the whole second paragraph.

BỎ toàn bộ đoạn hai.

###### **Sub-clause 17.2 Contractor’s Care Of The Works**

**Khoản 17.2 Sự Cẩn Trọng Của Nhà Thầu Đối Với Công Trình**

INSERT the following at the end of this Sub-Clause:

THÊM các đoạn sau vào cuối Khoản này:

The Contractor shall take full responsibility for the care of the items, equipment and site office facilities provided by the Employer up to the respective dates of hand-over or cessation of occupation (where hand-over or cessation may take place after the date stated in the Taking-Over Certificate for the Works).

Nhà Thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm cho việc bảo quản các hạng mục, máy móc và trang bị văn phòng công trường được cung cấp bởi Chủ Đầu Tư cho tới ngày bàn giao tương ứng hoặc chấm dứt sử dụng (khi mà việc bàn giao hoặc chấm dứt sử dụng có thể diễn ra sau ngày nêu trong Chứng chỉ Nghiệm thu cho Công trình).

**Sub-Clause 17.3** **Employer’s risks**

**Khoản 17.3** **Rủi ro của Chủ Đầu Tư**

Delete items (g) and (h) in Sub-clause 17.3.

Bỏ mục (g) và (h) của Khoản 17.3.

###### **Sub-Clause 17.4 Consequences of Employer’s Risks**

**Khoản 17.4 Hậu quả các rủi ro của Chủ đầu tư**

DELETE “In the case of sub-paragraphs (f) and (g) of Sub-Clause 17.3 [Employer’s Risks], reasonable profit on the Costs shall also be included” in sub-paragraph (b) of second paragraph.

BỎ “Trong trường hợp mục (f) và (g) của Khoản 17.3 [Rủi ro của Chủ Đầu Tư], tiền lãi hợp lý của Chi phí này cũng sẽ được tính.” ở mục (b) của đoạn thứ hai.

###### **Sub-Clause 17.6 Limitation of Liability**

**Khoản 17.6 Giới hạn Trách nhiệm**

In the first paragraph, delete the words: “Sub-Clause 16.4[Payment on Termination] and”.

Trong đoạn đầu, bỏ cụm từ: “Khoản 16.4 [Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng và”.

DELETE the whole of second paragraph of Sub-Clause 17.6.

BỎ toàn bộ đoạn thứ hai của Khoản 17.6.

INSERT the following at the end of this Sub-Clause:

THÊM các đoạn sau vào cuối Khoản này:

If any loss or damage happens to any of the above items while the Contractor is responsible for their care, arising from any cause whatsoever other than those for which the Employer is liable, the Contractor shall, at his own cost, rectify the loss or damage to the satisfaction of the Employer.

Nếu bất cứ hư hỏng hoặc thiệt hại nào xảy ra với bất cứ hạng mục nào nói trên trong khi Nhà Thầu có trách nhiệm bảo quản, xuất phát từ bất cứ nguyên nhân nào khác với những nguyên nhân mà Chủ Đầu Tư chịu trách nhiệm, thì Nhà Thầu phải, bằng chi phí của mình, sửa chữa các mất mát hoặc hư hỏng đến khi thỏa mãn được Chủ Đầu Tư.

### CLAUSE 18 INSURANCE

### ĐIỀU 18 BẢO HIỂM

###### **Sub-Clause 18.1 General Requirements for Insurances**

**Khoản 18.1 Các yêu cầu chung về bảo hiểm**

DELETE “within the respective periods stated in the Appendix to Tender (calculated from the Commencement Date)” in lines 1 and 2 of the sixth paragraph of Sub-Clause 18.1 [*General Requirements for Insurances*] and SUBSTITUTE with “before the Commencement Date”.

BỎ “trong khoảng thời gian tương ứng được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu (được tính toán từ Ngày Bắt đầu công việc)” ở dòng thứ 1 và thứ 2 của đoạn thứ sáu của Khoản 18.1 [Yêu cầu Chung về Bảo hiểm] và THAY THẾ bằng “trước Ngày Bắt đầu công việc của Hợp đồng”.

INSERT the following after the eighth paragraph:

BỔ SUNG nội dung sau:

The Contractor is not allowed to commence works on the Site until the necessary insurance

policies provided in Sub-Clause 18.2 below have been deposited with the Employer.

Neither Party shall do or omit to do anything to prejudice or invalidate the terms of any

insurance policies under this Contract.

Nhà Thầu không được phép thực hiện công việc trên Công Trình cho đến khi các chính sách bảo hiểm quy định tại Khoản 18.2 đã được gởi cho Chủ Đầu Tư.

Không Bên nào thực hiện hoặc bỏ sót bất kỳ việc gì làm suy yếu hoặc vô hiệu bất kỳ điều khoản nào của các chính sách bảo hiểm tại Hợp Đồng này.

###### **Sub-Clause 18.2 Insurance for Works and Contractor’s Equipment**

**Khoản 18.2 Bảo hiểm Công trình và Thiết bị của Nhà thầu**

DELETE “date by which the evidence is to be submitted under sub-paragraph (a) of Sub-Clause 18.1 [*General Requirements for Insurances*],” in lines 4 & 5 of first paragraph and SUBSTITUTE with “Commencement Date”.

BỎ “ngày bằng chứng được nộp theo mục (a) của Khoản 18.1 [*Yêu* *cầu Chung về Bảo* *hiểm*],” ở dòng 4 và 5 của đoạn thứ nhất và THAY THẾ bằng “Ngày Bắt đầu công việc”.

INSERT the following at end of this Sub-Clause:

THÊM nội dung sau vào cuối Khoản này:

Insurance policies to be obtained by Contractor are generally as required by local laws (such as Circular 329/2016/TT-BTC dated 26 December 2016 and any amement/ replacement thereto if any), and in particular as follows:

Các chính sách bảo hiểm mà Nhà thầu phải đạt được theo yêu cầu của luật pháp địa phương (ví dụ Thông tư 329/2015/TT-BTC ngày 26/12/2016 và các văn bản sửa đổi/ thay thế nếu có) và đặc biệt như sau:

| **Policies to be obtained by the Contractor**  ***Bảo hiểm được Nhà thầu duy trì*** | | | |
| --- | --- | --- | --- |
| **Type of Insurance**  ***Loại bảo hiểm*** | **Description of Coverage**  ***Mô tả phạm vi bảo hiểm*** | **Sum Insured/**  **Limit of Indemnity**  ***Tổng giá trị được bảo hiểm/Giới hạn Bồi thường*** | **Special Remarks**  ***Các lưu ý đặc biệt*** |
| Contractor’s Equipment Insurance  Bảo hiểm thiết bị của Nhà thầu | This Policy shall cover physical loss of or damage to Contractor’s plant, machinery, tools and equipment either owned, leased or hired by the Contractor and used for the purpose of the Works against including, but not limited to fire, lightning, explosion, acts of gods, etc.  Chính sách này sẽ áp dụng các trường hợp thất thoát vật chất hay thiệt hại thiết bị, máy móc, các dụng cụ của Nhà thầu hoặc do Nhà thầu thuê, cho thuê hay mượn và được sử dụng cho mục đích Công việc, nhưng không giới hạn do hỏa hoạn, sấm sét, nổ, thiên tai, v.v…  This Policy must include a provision to waive insurer’s subrogation rights against the Employer.  Chính sách này phải bao gồm một điều khoản khước từ quyền thay thế công ty bảo hiểm đối với Chủ đầu tư. | New Replacement Value of Contractor’s Plant, Machinery, Tool and Equipment  Giá trị Thay thế mới cho Trang Thiết Bị, Máy Móc, Công cụ của Nhà Thầu | The Contractor to provide the Construction Supervisor with details of the Policy and evidence of a premium payment  Nhà thầu sẽ cung cấp cho Tư vấn Giám sát chi tiết Chính sách bảo hiểm và chứng cứ thanh toán tiền bảo hiểm. |
| Workmen Compensation Insurance  Bảo hiểm nhân công của nhà thầu. | This Policy shall cover all persons employed by the Contractor including Named Subcontractors’ and Named Suppliers’ or any other of the Contractor’s Personnel engaged in connection with the Contract at the Site and elsewhere in the Country whilst engaged in business connected with the Contract. This Policy is to be further endorsed to extend cover to all Contractor’s Personnel upon the Site including those who are not statutorily required to be insured under any relevant labour Laws and must be sufficient and adequate to meet any claim arising out of or in the course or by reason of the carrying out of the Works.  This Policy provides compensation for Death, Permanent or Temporary Disability and Medical Expenses caused by labour accident or occupational disease.  This Policy must include a provision to waive insurer’s subrogation rights against the Employer.  Chính sách này sẽ áp dụng cho tất cả nhân công do Nhà thầu thuê bao gồm Nhà thầu phụ và Nhà cung cấp hoặc bất kỳ Nhân sự của Nhà thầu có liên quan đến Hợp đồng tại Công Trường và tại bất kỳ nơi nào trong lãnh thổ mà hoạt động kinh doanh diễn ra được đề cập đến trong Hợp đồng. Chính sách này sẽ được áp dụng đối với tất cả nhân công của Nhà thầu tại Công trường bao gồm luôn những người không được bảo hiểm theo luật Lao động và Chính Sách này phải đầy đủ và hợp ký để giải quyết khiếu nại xảy ra khi hoặc bởi lý do thực hiện Công việc.  Chính sách này sẽ bồi thường trường hợp Tử vong, Thương tật Vĩnh Viễn hoặc Tạm Thời và Chi Phí Khám Bệnh gây ra bởi tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp.  Chính sách này bao gồm một điều khoản khước từ quyền thay thế công ty bảo hiểm đối với Chủ đầu tư. | At least 30 times of monthly salary or VND  100 mil per workman per case, whichever is higher  Ít nhất 30 tháng lương tháng, hoặc 100 triệu VNĐ cho mỗi nhân công cho mỗi vụ việc, tùy theo mức cao hơn. | The Contractor to provide the Construction Supervisor with details of the Policy and evidence of a premium payment  Nhà thầu sẽ cung cấp cho Tư Vấn Giám Sát chi tiết Chính sách bảo hiểm và chứng cứ thanh toán tiền bảo hiểm |
| Construction All Risks / Third Party Liability Insurance  Bảo hiểm các Rủi ro trong Xây dựng / Trách nhiệm đối với bên thứ ba | The Insurer appointed by the Employer:  Nhà bảo hiểm được chỉ định bởi Chủ đầu tư  This Policy shall cover physical loss of or damage to the Works together with Plant and Materials incorporated therein arising from whatsoever cause not otherwise  excluded by the Policy and subject to the limits stated in the Policy, from the inception of the Site activities until the date of issue of the Taking-Over Certificate for the Works.    Chính sách Bảo hiểm này sẽ bảo hiểm các mất mát và thiệt hại vật lý đối với Công trình cùng với các Máy móc và Vật liệu  được lắp đặt trong đó xuất phát từ bất cứ nguyên nhân nào nếu không được miễn trừ bởi Chính sách Bảo hiểm và tùy thuộc vào các giới hạn của Chính sách Bảo hiểm, từ khi bắt đầu các hoạt động trên Công trường cho tới ngày phát hành Chứng chỉ Nghiệm thu Bàn giao cho Công trình.    This Policy shall be extended to cover until the date of issue of the Performance Certificate for loss or damage for which the Contractor is liable arising from a cause occurring prior to the issue of the Taking-Over Certificate, and for loss or damage caused by the Contractor in the course of any operations (24 months Defects Liability Period).    Chính sách Bảo hiểm này sẽ được gia hạn thời gian bảo hiểm cho tới ngày phát hành Chứng nhận hoàn thành Công trình công trình cho các mất mát và hư hỏng mà Nhà thầu phải chịu  trách nhiệm xuất phát từ nguyên nhân xảy ra trước khi phát hành Chứng chỉ Nghiệm thu, và cho các mất mát hoặc hư hỏng gây ra bởi Nhà thầu trong quá trình vận hành (24 tháng Thời gian Thông báo Sai sót)  This Policy shall cover the Employer’s, the Contractor’s and any other interested Party’s liability for any loss, damage, death  or bodily injury which may occur to any physical property of third party or to any third party person which may arise out of the Contractor's performance of the Contract and occurring before the issue of the Performance Certificate.  Chính sách này phải bảo hiểm luôn quyền lợi của Chủ đầu tư, Nhà thầu và các Bên có quan tâm đối với các mất mát, thiệt hại, tử vong hoặc thương tật thân thể có thể xảy ra đối với bất cứ tài sản thực nào của bên thứ ba hoặc đối với bất cứ người nào của bên thứ ba do việc thực thi Hợp đồng của Nhà thầu và xảy ra trước khi phát hành Chứng nhận hoàn thành công trình.  This Policy shall be in the joint names of the Employer, lenders, the Contractor, Sub-contractors and all other interested parties in connection with the performance of the Works, with a provision for cross liability between the insured parties and waiver of insurer's subrogation rights against the insured Parties. The Employer will provide the information of the lender(s) of the Works when the Contractor submit the policy draft to the Employer for review and approval in advance prior to purchase the insurance.  Chính sách này có thể được ký với liên danh giữa Chủ đầu tư, các bên cho vay, Nhà thầu, các Nhà thầu phụ và tất cả các bên có quan tâm liên quan đến việc thực hiện Công trình, với điều khoản cho phép quyền lợi liên đới giữa các bên được bảo hiểm và việc loại trừ quyền thế quyền của bên bảo hiểm đối với các Bên được bảo hiểm. Chủ Đầu Tư sẽ cung cấp thông tin của bên cho vay của Công trình khi Nhà thầu đệ trình bản nháp chính sách bảo hiểm lên Chủ Đầu Tư để được chấp thuận trước khi mua bảo hiểm chính thức.  In relation to the insurance for the Works, this Policy shall be extended to cover the existing property of the Employer at Site or  in the vicinity of the Site.  Liên quan đến bảo hiểm cho Công trình, Chính sách Bảo hiểm này phải được gia hạn để bảo hiểm tất cả các tài sản hiện hữu của Chủ đầu tư trên Công trường hoặc kế cận Công trường.  In relation to the insurance on third party liability, this Policy shall be extended to include members of the public who are on Site for the purposes of viewing the show flat or any other businesses of the Works at Site.  Liên quan đến bảo hiểm trách nhiệm đối với bên thứ ba, Chính sách Bảo hiểm này phải được gia hạn để bao gồm các thành viên công cộng trên Công trường cho mục đích xem nhà mẫu hoặc công việc khác của Công trình trên Công trường.  This Policy is also extended to cover liability to third party caused by vibration or by the removal or weakening of support arising out of or by reason of the carrying out of the Works excepting injury or damage:  Chính sách Bảo hiểm này cũng được gia hạn để bảo hiểm trách nhiệm đối với bên thứ ba gây ra bởi các rung động hoặc bởi việc dỡ bỏ hoặc làm yếu đi các gia cố xuất phát từ hoặc do nguyên nhân của việc thực hiện Công trình ngoại trừ thương tật hoặc hư hại:  (1) caused by negligence, omission or default of the Contractor, his servants or of any Subcontractors including their servants or agents  gây ra bởi sơ suất, thiếu hoặc lỗi của Nhà thầu, nhân viên của Nhà thầu hoặc bất cứ Nhà thầu phụ nào bao gồm nhân viên hoặc đại lý của họ  (2) attributable to errors or omissions in the designing of the Works  gây ra bởi sai sót hoặc thiếu sót trong thiết kế Công trình  (3) which is recoverable under any other policy of insurance effected for the benefits of the Contractor or the Employer  được hoàn trả lại theo bất cứ chính sách bảo hiểm nào có hiệu lực đảm bảo quyền lợi của Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư  The Contractor shall be responsible for the premiums in connection with extending the period(s) of insurance cover in the event that the Contractor fails to complete the Works within the Time for Completion / extended Time for Completion fixed in accordance with the Conditions of Contract.  Nhà thầu phải có trách nhiệm chi trả các phí bảo hiểm liên quan đến việc gia hạn thời gian bảo hiểm trong trường hợp Nhà thầu không hoàn thành Công trình trong Thời gian Hoàn thành / Thời gian Hoàn  thành được gia hạn đã quy định trong các Điều kiện Hợp đồng.  The Contractor shall be required to comply with the terms of conditions of the Policy and shall be solely responsible for the policy deductible / excess in the event of a claim. Any amounts not insured or not recovered from the insurer under this Policy shall be borne by the Contractor.  Nhà thầu được yêu cầu phải tuân thủ với các khái niệm điều kiện của Chính sách Bảo hiểm và sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các mức miễn trừ / phụ trội trong trường hợp có khiếu nại. Bất cứ giá trị nào không được bảo hiểm hoặc không được hoàn trả từ bên cung cấp bảo hiểm theo Chính sách này sẽ do Nhà thầu chịu.  If the opinion of the Contractor, the  insurance as arranged by the Employer is proved to be insufficient or inadequate, the Contractor shall take out any other  insurance policy or policies which the Contractor considers to be necessary to meet his obligations pursuant to this Contract and shall pay all premium(s) in respect of such policy or policies so taken  up.  Nếu Nhà thầu thấy rằng các bảo hiểm được cung cấp bởi Chủ đầu tư là không đầy đủ hoặc trọn vẹn, thì Nhà thầu phải bổ sung thêm bất cứ bảo hiểm cần thiết nào khác mà Nhà thầu thấy là cần thiết để đáp ứng được nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng và chi trả tất cả (các) phí bảo hiểm liên quan đến các chính sách bảo hiểm nếu được bổ sung đó.  Notwithstanding anything contained to the contrary in the Conditions of Contract, the Contractor shall forthwith give written notice to the Construction Supervisor and/or Employer upon it becoming apparent that the Works will not  be completed within the Time for  Completion or any extension of the Time for Completion and where changes to thescope of coverage are necessary.  Bất kể những gì khác biệt với Điều kiện Hợp đồng, Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho Tư Vấn Giám sát và/hoặc Chủ đầu tư khi tình hình trở nên rõ ràng rằng Công trình không thể được hoàn thành kịp trong Thời gian Hoàn thành hoặc Thời gian Hoàn thành được gia hạn và khi mà những thay đổi phạm vi bảo hiểm là cần thiết.  Should the Contractor fail to do so and in the event of a claim being made against the Employer and the policies prove incomplete and insufficient to meet the claim, the Contractor shall be solely responsible for indemnifying the Employer in respect of all costs and expenses incurred. The Contractor shall also notify the Employer of any event or act or omission which would either affect the insurance taken out or entitle the Employer to make a claim under the policies.  Nếu Nhà thầu không làm vậy và khi có một khiếu nại được nộp chống lại Chủ đầu tư và các chính sách bảo hiểm không đầy đủ và hoàn chỉnh để đáp ứng được khiếu nại này, Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bồi thường Chủ đầu tư liên quan đến tất cả các chi phí và phí tổn xảy ra. Nhà thầu cũng sẽ thông báo cho Chủ đầu tư về bất cứ tình huống hoặc hành động hoặc thiếu sót nào có thể gây ảnh hưởng đến các chính sách bảo hiểm đã được ký kết hoặc cho phép của Chủ đầu tư  khiếu nại theo các chính sách bảo hiểm này. | Total Contract  Value plus:  Tổng Giá trị Hợp đồng, cộng với:  (a) 10% of Total Contract Value to cover Professional  Fees,  10% Tổng Giá trị Hợp đồng để bảo hiểm cho Chi phí Tư vấn, và  (b) 5% of Total Contract Value to cover Removal of Debris  5% Tổng Giá trị Hợp đồng để bảo hiểm cho việc Dọn dẹp Xà bần  Limit of Indemnity for Third Party Liability Coverage: VND 115,000,000,000 any  one occurrence with unlimited number of occurrences during the Period of Insurance  Giới hạn Mức Bồi thường cho Bảo hiểm Trách nhiệm đối với Bên Thứ Ba: VND 115,000,000,000  cho mỗi sự kiện xảy ra với số lượng sự kiện không giới hạn | This insurance  does not reduce  or replace any obligations, liabilities and  responsibilities of the Contractor under the Contract.    Chính sách Bảo  hiểm này không giảm bớt hoặc  thay thế bất cứ nghĩa vụ, trách nhiệm nào của Nhà thầu theo Hợp đồng.    Any amounts (including policy  deductible / excess) not insured or not recovered from  the insurer under this Policy shall be borne solely by the Contractor.  Bất cứ giá trị nào (bao gồm cả các mức miễn trừ / phụ trội của chính sách) không được bảo hiểm hoặc không được hoàn lại từ bên cung cấp bảo hiểm theo Chính sách Bảo hiểm này sẽ được Nhà thầu chịu hoàn toàn. |

**NEW Sub-Clause 18.5 Professional Indemnity Insurance**

**Khoản 18.5 MỚI Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp**

The Contractor shall obtain Professional Indemnity Insurance to cover his design obligations under the General Conditions of Contract Sub-Clause 4.1 *[Contractor’s General Obligations]* and Sub-Clause 5.1 *[General Design Obligations]*. The cover of insurance shall be in accordance with the Appendix to Conditions of Contract and the Employer’s Requirements and not less than VND 46,000,000,000 (forty billion Vietnam Dong) for any one occurrence with unlimited number of occurrences during the Period of Insurance

Nhà thầu sẽ mua Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp để chịu các nghĩa vụ thiết kế của mình theo các Điều kiện chung Hợp đồng Khoản 4.1 *[Nghĩa vụ chung của nhà thầu]* và Khoản 5.1 *[Trách nhiệm chung đối với Thiết kế]*. Quyền lợi bảo hiểm sẽ tuân theo Phụ lục các điều kiện Hợp đồng và Yêu cầu của Chủ đầu tư và không ít hơn 46.000.000.000 VND (bốn mươi sáu tỷ Việt Nam Đồng) cho bất kỳ sự cố nào với số lần xuất hiện không giới hạn trong Thời hạn bảo hiểm.

### CLAUSE 19 FORCE MAJEURE

### ĐIỀU 19 BẤT KHẢ KHÁNG

**Sub-Clause 19.4** **Consequences of Force Majeure**

**Khoản 19.4 Hậu quả của Bất khả kháng**

DELETE “and/or incur Costs” in line 3 of first paragraph.

BỎ “và/hoặc chịu Chi phí” ở dòng 3 của đoạn thứ nhất.

DELETE the sub-paragraph (b) of first paragraph.

BỎ mục (b) của đoạn thứ nhất.

**Sub-Clause 19.6 Optional Termination, Payment and Release**

**Khoản 19.6 Lựa chọn chấm dứt, Thanh toán và Giải tỏa**

DELETE sub-paragraph (c) and replace with the following:

(c) loss or damage incurred by the Employer, including any extra costs of completing the

Works and any damage incurred in delay to completion.

BỎ mục (c) và thay bằng điều khoản sau:

1. Các khoản thiệt hại hoặc thua lỗ phát sinh cho Chủ Đầu Tư, bao gồm chi phí phát sinh để hoàn thành Công Trình và các thiệt hại phát sinh do việc chậm trễ hoàn thành.

DELETE sub-paragraphs (d) and (e).

BỎ mục (d) và (e).

### CLAUSE 20 CLAIMS, DISPUTE AND ARBITRATION

### ĐIỀU 20 KHIỀU NẠI, TRANH CHẤP VÀ TRỌNG TÀI

###### **Sub-Clause 20.1 Contractor’s Claims**

**Khoản 20.1 Khiếu nại của Nhà Thầu**

DELETE “28 days” in line 5 of first paragraph and SUBSTITUTE with “14 days”

1. BỎ “28 ngày” trong dòng 5 của đoạn thứ nhất và THAY THẾ bằng “14 ngày”

DELETE “28 days” in line 1 of second paragraph and replace with “14 days”

1. BỎ “28 ngày” trong dòng 1 của đoạn thứ hai và THAY THẾ bằng “14 ngày”

DELETE the whole of Sub-Clause 20.2.

BỎ toàn bộ Khoản 20.2.

DELETE the whole of Sub-Clause 20.3.

BỎ toàn bộ Khoản 20.3.

DELETE the whole of Sub-Clause 20.4.

BỎ toàn bộ Khoản 20.4.

DELETE the whole of Sub-Clause 20.5 and REPLACE by the following:

BỎ toàn bộ Khoản 20.5 và thay thế bằng điều khoản sau:

**20.5 Dispute Settlement**

**Giải quyết tranh chấp**

The parties shall attempt to settle any dispute during the Contract performance amicably. In case the Parties fail to reach mutual agreement on the dispute, either Party or both Parties may submit the dispute to the Vietnamese International Arbitration Centre (VIAC) for settlement.

Các bên sẽ cố gắng hoàn giải đối với bất kỳ tranh chấp trong quá trình thực hiện Hợp Đồng. Trong trường hợp Các Bên không thể đạt đến thỏa thuận chung đối với tranh chấp, một trong hai Bên hoặc hai Bên sẽ đưa tranh chấp ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) để giải quyết.

DELETE the whole of Sub-Clause 20.6

BỎ toàn bộ Khoản 20.6

DELETE the whole of Sub-Clause 20.7

BỎ toàn bộ Khoản 20.7

DELETE the whole of Sub-Clause 20.8

BỎ toàn bộ Khoản 20.8